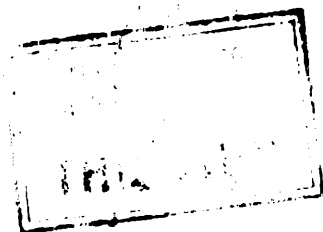


Chứng minh

Nghiên cứu

LỊCH SỬ

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, DỊCH THUẬT,
GIỚI THIỆU TÀI LIỆU



YẾU MỤC

- ★ GIỚI THIỆU MỘT VÀI Ý KIẾN CỦA CỤ PHAN-BỘI-CHÂU VỀ SỬ HỌC.
- ★ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU PHAN-BỘI-CHÂU TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY.
- ★ THƯ NÊU LÊN MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA PHAN-BỘI-CHÂU.

VIỆN SỬ HỌC



104

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

CHỦ NHIỆM: TRẦN-HUY-LIỆU
Thư ký tòa soạn: VĂN-TÀN

Số 104

THÁNG 11-1967

- TRẦN-HUY-LIỆU — Giới thiệu một vài ý kiến của cụ Phan-bội-Châu về sử học. 2
- CHƯƠNG-THẦU — Tình hình nghiên cứu Phan-bội-Châu từ trước đến nay. 6
- LÊ-SỸ-THẮNG — Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu. 17
- ĐẶNG-HUY-VẠN — Phan-bội-Châu và công cuộc vận động đồng bào thiên chúa giáo ở đầu thế kỷ XX. 32
- NGUYỄN-THỊ TUYẾT-MAI — Phan-bội-Châu trong lịch sử cách mạng Việt-nam. 41
- QUỲNH-CÚP — Một vài ý kiến về ý nghĩa quốc lễ của cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam. 45
- TRẦN-VĂN-GIÁP — Lược khảo lịch sử môn địa lý học Việt-nam và một số tên sách cổ về môn ấy trong kho tàng sách Hán-Nôm. 58
- T. B. — «Lê quý kỹ «sử» viết về trận cả phá quân Mãn Thanh ngày mồng Năm tháng Giêng, năm Kỷ-dậu. 62
- TIN TỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ 63



PHAN-BỘI-CHÂU
(1867 — 1940)

GIỚI THIỆU MỘT VÀI Ý KIẾN CỦA CỤ PHAN-BỘI-CHÂU VỀ SỬ HỌC

TRẦN-HUY-LIỆU

Năm nay, chúng ta sẽ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà chí sĩ Phan-bội-Châu, nhân dịp này, tôi muốn giới thiệu một vài nét về quan điểm cũng như về công tác sử học mà cụ Phan đã biểu lộ trên những tác phẩm của mình.

Như mọi người đều biết, cụ Phan-bội-Châu không phải là một nhà chuyên nghiên cứu lịch sử, nhưng cụ rất chú trọng sử học và luôn luôn dùng sử học làm lợi khí vận động cách mạng, khích động lòng yêu nước của nhân dân. Do đó, trên những nhận định về những sự kiện lịch sử, cụ đã nói lên quan điểm của mình về khía cạnh này hay khía cạnh khác. Cổ nhiên là chúng ta không đòi hỏi nhà tiêu biểu của cách mạng Việt-nam đầu thế kỷ thứ XX đã có một quan điểm sử học mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin như bây giờ, nhưng vì là một người yêu nước, một người cách mạng nên cụ Phan đã có những điểm tiến bộ mà chúng ta cần ghi lấy.

Trong những tác phẩm của cụ Phan, đã có không ít những quyển thuộc loại sử hay có tính chất sử. Quyển *Việt-nam vong quốc sử* nói về nguyên nhân và sự thật mất nước cùng tương lai của nước Việt-nam. Quyển *Việt-nam quốc sử khảo* nêu lên những anh hùng hữu danh và anh hùng vô danh. Quyển *Sùng bái giai nhân* giới thiệu một số danh nhân trên thế giới. Quyển *Phan-bội-Châu niên biểu* và *Ngục trung thư* thuật lại đời hoạt động cách mạng và những biến cố của mình. Ngoài ra, cụ còn viết những quyển như *Truyện Phạm-hồng-Thái*, *Tiểu sử cụ Tiều-la* tức Nguyễn Thành; truyện *Chân Tướng quân* nói về Hoàng-hoa-Thám. Truyện *Tài sinh sinh* nói về liệt sĩ Bùi-chính-Lộ người xã Thanh-thủy (nay là Nam-thanh) thuộc huyện Nam-đàn, tỉnh Nghệ-an, đã hoạt động trong phong trào Đông-du 1905 - 1911; truyện *Đường Tạng nước Nam: Thiện-quảng thiền sư*, một nhà tu hành đã hi

sinh trong phong trào Đông-du. Hai quyển « bà con » với sử như *Tuồng Trưng nữ vương* và *Trùng-quang tâm sử* tức *Hậu Trần diệt sử* theo lối tiểu thuyết lịch sử. Cả đến con chó trung thành của cụ là con Vá bị chết, cụ cũng chép cho nó một thiên lịch sử là « lịch sử con Vá ». Nếu chúng ta muốn đi sâu tìm hiểu quan điểm lịch sử của cụ thì có thể thấy được rõ rệt ở trong những quyển *Người nước ta với sử nước ta* và chương « Thời thế và anh hùng » trong quyển *Sùng bái giai nhân* đã nhấn mạnh vào điểm nhân dân trong nước có anh hùng thì nước mới trở nên anh hùng.

Trong phạm vi bài này, tôi không làm cái việc phê phán toàn bộ quan điểm sử học của Phan mà chỉ chú ý giới thiệu một số kiến giải của Phan mang tính chất tiến bộ trong thời đại bây giờ.

Bài « Người nước ta với sử nước ta » đăng trong báo *Tiếng dân* ngày 6-1-1934, Phan đã gắn liền lòng yêu nước với yêu lịch sử nước mình, có những câu: « Quốc sử ở một nước cũng như gia phả ở một nhà. Nhà mà có gia phả thì con cháu mới biết cao, tăng, tở, khảo của nhà mình. Nước mà có sách sử thì dân trong nước mới biết công lao khó nhọc về sự nghiệp khai sáng của tiền nhân mà sinh mới cảm tình mật thiết. Nếu làm con cháu mà quên gia phả thì chắc là con cháu bất hiếu. Dân trong nước mà không biết quốc sử thì chắc dân nước ấy là dân vong tổ. Lê ấy hiền nhiên ». Thế rồi, sau khi nêu cái quái bệnh từ trên ngàn năm là người nước ta, ai học chữ Hán thì chỉ biết lịch sử Trung-quốc, gần đây nhà Tây học thì chỉ biết lịch sử nước ngoài hay có nói đến lịch sử nước Nam ta thì chỉ biết lặp đi lặp lại những danh từ Hồng-lạc, rồng tiên, Đinh, Lý, Trần, Lê... còn hỏi đến « xã hội biến thiên thế nào, thời đại thay đổi ra sao, việc gì giả, việc gì thật, người nào công, người nào lợi thì hình như ít có nghiên cứu tới ». Tác giả đi đến kết

luận : « Tục ngữ có câu : phật trong nhà đi cầu Thích-ca ngoài đường. Tôi không dám bảo ngoài đường không có Thích-ca hay Thích-ca ngoài đường không bỏ ích cho ta. Nhưng theo nguyên lý của loài người, tất phải biết phật trong nhà đã. Phật trong nhà là ai ? Chính là những tiền nhân ở trong sử nước ta mà là người có công sức với nòi giống dòng họ ta ». Qua những lời lẽ nói trên, chúng ta đã thấy nhà chí sĩ họ Phan tha thiết với lịch sử dân tộc như thế nào.

Sau khi nói lịch sử nước ta từ đời thái cổ trước công lịch 2879 năm đều dựa vào truyền thuyết, không đủ chứng cứ để tin tưởng cũng như An-dương-vương và Triệu Đà đều là người nước ngoài lại xâm chiếm, không đây dính đến nòi giống Việt-thường của ta, tác giả đã mạnh bạo đề ra một người là tổ nước ta ấy là Trưng nữ vương đã đầu tiên làm cho nước ta độc lập 4 năm. « Đó là một vị phật nhà, là tổ nước Nam ta ». Ở đây, tôi chưa nói đến phương pháp nghiên cứu lịch sử của cụ Phan, mà chỉ đánh dấu ý kiến của cụ nhấn mạnh vào cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm đầu tiên của lịch sử nước ta do một tập đoàn phụ nữ lãnh đạo mà người cầm đầu là hai chị em bà Trưng. Tác giả viết : « Thủ nghĩ hơn một nghìn năm lịch sử, đến bà Trưng nữ vương, mới thấy có một người bắt đầu chống cự với ngoại xâm, khiến cho chúng ta được cái vinh dự độc lập. Từ đó trở đi, noi theo bà mới có Lý Bôn, Triệu-quang-Phục, Ngô Quyền, Trần-hưng-Đạo, Lê Lợi... mà nước ta mới có chủ quyền một nước... » và « Thế mà thình lình có một người con gái ở huyện Mê-linh đột nhiên dám giơ tay giương cánh đánh đuổi quân ngoại xâm làm đội tiên phong cho quân độc lập ở nước ta, mà sử nước ta mới bắt đầu có ba chữ Trưng nữ vương là người nước ta... Thế thì bảo bà Trưng là người si h để ra người nước Nam ta, là người có công đức lớn với nước Nam ta, ai lại không thừa nhận được ? » Quan niệm trên đây của cụ Phan còn có điểm phải bàn, nhưng rõ ràng Phan là một người yêu nước, yêu lịch sử dân tộc, muốn cho lịch sử dân tộc mở đầu bằng một kỷ nguyên mới là cuộc vận động độc lập đầu tiên.

Về quan điểm thời thế và anh hùng, trong quyển Sùng bái giai nhân, tác giả nói : « Bảo rằng làm thay đổi thời thế không phải là trời thời hay khinh thời. Đây là do biết trước được thời thế mà lo liệu vậy. Hễ đại hạn lâu thì thế tất phải mưa rào ; giá rét lâu thì tất phải nắng ấm. Những người biết được lý thế phải như thế nên những việc làm của họ là thủ đoạn mặt sau ». Như vậy, quan điểm của cụ Phan là anh hùng phải biết được thời thế để thay đổi thời

thế. Và, cũng theo lời tác giả : « Anh hùng không phải là kỳ quái lắm, muốn làm anh hùng thì được anh hùng thôi. Leo núi thì có thể đến đỉnh, đào giếng thì có thể đến mạch nước. Ngày xưa Thành-Gián bảo Tề-Cảnh rằng : Kể kia là trượng phu, ta đây cũng là trượng phu, sao ta lại sợ kẻ kia ? Nhan-tử nói rằng : Vua Thuấn là người, ta cũng là người, có làm thì cũng như thế thôi. Mạnh-tử cũng nói rằng : mặc dù mặc của vua Nghiêu, làm việc làm của vua Nghiêu thì cũng là vua Nghiêu. Không phải tôi cố ý nói khoác lác. Từ xưa người ta đã nói rồi, các người đọc rồi quên đi đấy thôi ». Vấn đề chỉ còn đề ra là : ai có thể làm anh hùng bây giờ ? Cũng theo lời tác giả, thì « một nước có anh hùng hay không cũng do nhân dân trong nước ấy có anh hùng hay không mà thôi... Nay ai có thể cùng với nước thay đổi thời thế, cứu nước cứu dân được thì đấy là anh hùng, chớ có kỳ lạ, có quái gỡ gì đâu ». Đến đây, tình hạn chế giai cấp và thời đại của Phan đã đi đến kết luận là « Tuy ngày nay bảo là anh hùng, ta vốn đòi hỏi dân ta, trông mong ở dân ta, nhưng không phải đòi hỏi phiếm, trông mong phiếm. Ta chỉ đòi hỏi trông mong vào phái sĩ phu mà thôi ».

Chúng ta không lấy làm lạ trong những ngày hoạt động của Phan-bội-Châu thì xã hội Việt-nam hồi đó, giai cấp công nhân chưa thành hình và chưa xuất hiện trên vũ đài chính trị, giai cấp nông dân làm chỗ dựa cho những cuộc khởi nghĩa ở các địa phương nhưng vẫn thiếu một đội tiên phong lãnh đạo, các tầng lớp tri thức mới chưa ra đời ; những người giờ cao ngạo cỡ khởi nghĩa hay cổ vũ phong trào đều là những nhân sĩ yêu nước hay sĩ phu tiến bộ, do đó nhà chí sĩ họ Phan cũng chỉ mới thấy anh hùng ở trong đám sĩ phu thôi. Nếu Phan còn sống đến ngày nay thì Phan sẽ thấy « thời thế » đã đổi khác, « anh hùng » cũng đổi khác và Phan sẽ không còn phải trở ra những lời phản kích, bị quan như « nói về nước thì còn là một nước đã man, một nước khiếp nhược, một nước đầy căn tính nô lệ ; nói về thời thì đương gặp thời chết đói, thời tuyệt chủng. Kể giàu sang ăn mặc thừa thãi còn tội gì mà làm. Kể đói khổ khốn đốn về ăn mặc thì vui gì làm. Kể già cả chỉ thiếu cái chết, thân phận xong rồi thì còn làm mà làm gì. Kể nhỏ còn muốn lớn lên, thiết tha gì mà chúi đầu vào nơi gươm giáo. Chỉ ngồi mà trách cứ lẫn nhau, trông mong lẫn nhau mà thôi. Giáp thì trông Ất, Bình lại trông Đinh, người này trách người kia, người kia trách kẻ nọ. Hôm nay chưa thấy thì trông năm sau ; năm sau chưa thấy lại trông năm sau nữa. Người này bảo là có trời, người kia bảo là vận nước ; cũng vì như cả bọn đều

là dúi điếc, mù mịt chả biết cái gì. Đến khi trách cùng vọng tuyết, muốn làm mà không có thời để làm, cùng dắt tay nhau xuống hố, tất cả một đoàn : nào là giàu sang, đời khó, già trẻ, trai gái đến thời vận đỏ cùng gặp nhau ở dưới suối vàng ».

Thực ra, dân tộc ta từ trước vẫn là một dân tộc anh hùng, kể cả những ngày đen tối của lịch sử. Không nói gì những cuộc chống ngoại xâm hiển hách, những người anh hùng tiếng tăm lừng lẫy, còn có bao nhiêu những cuộc khởi nghĩa thất bại, lớp này ngã, lớp khác đứng dậy, bao nhiêu những anh hùng vô danh luôn luôn giữ vững tinh thần bất khuất. Ngay chính những ngày mà nhà chí sĩ họ Phan giương cao ngọn cờ ái quốc, lịch sử dân tộc ta cũng còn ghi lại không ít những việc đại nghĩa, những anh hùng « thà chết đứng chứ không sống quỳ » ! Cũng như trên đã nói, nếu cụ Phan còn sống đến ngày nay thì càng thấy trong cuộc đánh Mỹ cứu nước, anh hùng chẳng phải chỉ xuất hiện ở những nhà trí thức yêu nước (sĩ phu), mà còn rất đông đảo ở nhân dân lao động, cho cả đến những cụ già, những em bé mà quan niệm của cụ Phan trước đây đã không thể tưởng tượng được.

Sau hết, tôi giới thiệu vài nét về quyền Việt-nam quốc sử khảo, một tác phẩm nghiên cứu về lịch sử nước ta từ thượng cổ đến cận đại. Nội dung gồm có 10 chương theo thứ tự : Tổ quốc chúng ta : nhân chủng ; nhân khẩu ; địa lý ; sản vật ; biến chuyển qua các thời đại ; sự thịnh vong của dân quyền và dân tộc ; những vị anh hùng từ trước chống ngoại xâm, mưu độc lập : các vĩ nhân, văn sĩ ; sự gian khổ trong việc kinh lý Chiêm-thành và các vùng biên giới ; sự khuất phục về ngoại giao của các triều đại ; đầu cuối mối quan hệ giữa nước ta với người châu Âu. — Đây là một quyền sử tuy còn sơ lược, nhưng có tính chất phổ cập, mà mục đích của nó là phục vụ cho cuộc vận động chính trị đương thời, nhằm động viên đồng bào học tập truyền thống đấu tranh anh dũng của cha ông, hăng hái đứng lên diệt thù cứu nước. Cũng thông qua những sự kiện lịch sử nghìn năm của dân tộc, tác giả đã hệ thống hóa thành từng loại vấn đề, nhằm gây một tác dụng giáo dục lòng yêu nước, chỉ cảm thù giặc ngoại xâm, nêu lên những điều kiện thuận lợi và khó khăn và sau đó là những bài học kinh nghiệm. Đặc biệt ở cuối mỗi chương mỗi tiết, tác giả thường có những lời kêu gọi thống thiết, những lời thức giục sôi nổi, nhằm cổ vũ lòng yêu nước của quốc dân. Nói tóm lại, đây là một quyền giản sử và cũng là một văn kiện tuyên truyền cách

mạng bằng sử liệu. Nhân đây, tôi muốn đánh dấu vào tư tưởng và quan điểm của tác giả qua quyền sách này.

— Về mục « Quan hệ giữa dân quyền và quốc quyền », Phan đã vượt qua chủ nghĩa quân chủ chuyên chế mà nằm trong chủ nghĩa dân chủ theo lối tư sản. Theo ý niệm của tác giả thì « gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập, nhân dân còn thì nước còn ; nhân dân mất thì nước mất. Muốn biết nhân dân còn mất như thế nào thì phải nhìn xem cái quyền của nhân dân còn mất như thế nào. Dân quyền mà được đề cao thì dân được tôn trọng, mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ thì nhân dân bị coi khinh mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất mà nước cũng mất ».

Điềm lại dân quyền ở nước ta qua các triều đại phong kiến, tác giả nói mặc dầu dân trong nước không có quyền từ lâu, nhưng theo tài liệu lịch sử, thì, Lý Thái-tổ năm đầu (1010) đã ban chiếu nói ai có việc kiên cáo gì cho phép đến tâu với triều đình. Lý Thái-tôn năm thứ tư (1052) cho đúc một cái chuông lớn đặt ở bờ sông Thiên-an để nhân dân ai có điều gì oan ức được phép đến đánh chuông đề tấu đến tai vua. Theo tác giả, thì những việc đó tuy chưa phải là dân quyền thực sự, nhưng cũng đã là mầm mống của dân quyền. Tác giả còn so sánh hội nghị Diên-hồng dưới triều Trần Nhân-tôn với những Hội nghị làm thời đặc biệt tại nghị viện các nước dân chủ tư sản ở châu Âu và Nhật-bản mỗi khi nổ ra chiến tranh, để đi đến kết luận là không khác gì nhau và đây là mầm mống dân quyền của Việt-nam. Và, cũng theo lời tác giả, vua tôi nhà Trần đánh bại 50 vạn quân xâm lược nhà Nguyên, « quét đi như lá rụng », chứng tỏ rằng « dân quyền được trọng thì nước được mạnh ».

Mặc dầu dân quyền đã nảy mầm ở nước ta từ trước, nhưng bọn bạo quân ở lại là thù địch của dân quyền đã chà đạp lên mầm non ấy. Tác giả dẫn tài liệu lịch sử, như luật cấm vượt bực để kêu nài bắt đầu từ năm Thiệu-bình năm đầu (1434) đời Lê Thái-tôn ; cấm ăn mặc trái phép như dùng màu vàng, đi giày dép bắt đầu từ năm Thái-hòa thứ sáu (1448) đời Lê Nhân-tôn. Từ đó về sau, tiếp tục thêm bao nhiêu lệ cấm khác như cấm cất giấu binh khí, cấm đọc binh thư, cấm đọc riêng luật lệ, cấm bán riêng thời sự, cấm xem trộm quốc sử bản triều, cấm viết những sách phạm đến chính trị đương thời. Nhìn trộm mặt vua là

chết. Đọc thẳng tên vua cũng chết. Như thế, theo lời tác giả, «*chẳng những không cho dân có quyền, mà còn đặt bẫy để vây bắt dân*». «*Dân quyền mòn mỏi đến thế là cùng!*»

Chúng ta ghi ở đây mức tiến bộ về tư tưởng dân quyền của cụ Phan trong phạm trù dân chủ tư sản thời ấy.

— Trong quyển *Việt-nam quốc sử khảo*, tác giả đã dành riêng một chương nói về những anh hùng chống ngoại xâm, mưu độc lập cho nước ta ngày trước. Tác giả khẳng định «*bản tính chống ngoại xâm của người nước ta*», rồi nói đến cảnh núi sông hùng vĩ của đất nước và truyền thống quật cường của dân tộc. Tác giả phân loại những vị anh hùng chống ngoại xâm thành công như Trần-quốc-Tuấn, Lý-thường-Kiệt, Dương-diên-Nghệ..., và những anh hùng chống ngoại xâm bị thất bại như hai bà Trưng, bà Triệu, Mai-thúc-Loan, Lý Bôn, Phùng Hưng, Đặng Tất, Nguyễn-cảnh-Chân... Đánh giá Trần Hưng-Đạo và sự nghiệp thành công của Người, tác giả nói: «*Phúc làm sao cho triều Trần lại có được Hưng-Đạo, có lấy một người như thế. Góp những lời bàn của Vương lại mà xem: biết người, biết ta, thấu suốt mọi sự tình là đã đủ để nuốt gọn trăm vạn binh vào bụng rồi. Ý nghĩa trước nhất của nhà binh là: vua tôi một lòng, anh em hòa thuận, nước nhà chung sức thì bọn kia tất sẽ bị bắt. Lại nói: có được đội quân nhất trí như cha con thì mới dùng được. Đời xưa, Tôn Võ-lữ có nói: trên dưới đều muốn thì tất thắng. Vương thực mưu lược hơn cả Tôn Võ-lữ*». — Trở lại việc vua tôi nhà Nguyễn làm mất nước, tác giả thốt ra lời than: «*Trước kia đời vua quan Nguyễn thì như thế, giờ đây bản triều (Tức triều Nguyễn) đời vua giặc Pháp mà nói thì bên ta yếu, bên địch mạnh, bên địch ít, bên ta nhiều, cũng giống nhau mà thôi. Tạo vật ác nghiệt thay! Giặc cướp nhiều như thế mà Hưng-đạo vương sao lại không xuất hiện nữa? Tiếc thay!*»

Phê phán Đặng Tất đã bỏ lỡ cơ hội tấn công thành Đông-quan sau trận đại thắng Bô-cô, tác giả nói: «*Lấy thành bại mà đánh giá con người thật là giết chết anh hùng một cách oan uổng. Giả như trong trận đại chiến Bô-cô, Mộc-Thạnh và Lữ-Nghị đều bị giết, cũng như trong trận tập kích ở Thái-già, Đặng Dung bắt được Trương Phụ thì muốn xem sự nghiệp bình Ngô có ngang với vua Lê hay không cũng là một vấn đề chưa thể quyết định được*».

Đang chú ý là bên chỗ giới thiệu những anh hùng thành công với sự nghiệp hiển hách, tác giả không quên nhắc đến những cuộc khởi

nghĩa hoặc bùng lên trong một thời gian ngắn, hoặc hạn chế ở một địa phương, nhưng tinh chất nhân dân khá rõ rệt, như năm Kiến-an thứ sáu (201), *trăm họ* trong châu Giao-chỉ nổi lên đánh châu quận, giết Thứ sử nhà Hán là Châu Phù; năm Trung-bình thứ nhất (184), *quân lính* đồn Giao-chỉ bắt giết thứ sử nhà Hán là Chu Ngung; *lính thú* ở Cửu-chân nổi dậy dưới quyền chỉ huy của Triệu-Chỉ bao vây quận, đuổi thái thú nhà Tấn; *dân chúng* người Lý (một dân tộc thiểu số) dưới quyền chỉ huy của Đinh-Kiện vây phủ thành, giết quan đô hộ nhà Đường là Lưu Diên-Hựu vào năm 687; *quân lính* trong phủ đánh đuổi quan đô hộ nhà Đường là Hàn-Ước, năm Thái-hóa thứ hai (828); *quân lính* trong phủ đuổi kinh lược sứ nhà Đường là Vũ-Hồn, năm Hội-xương thứ nhất (841). Và, kết luận của tác giả: «*Suốt thời gian 260 năm đó, số những thủ lệnh, thứ sử, đô-hộ-sứ, triết-độ-sứ của Hán, Tấn, Tống, Đường đã bị người nước ta giết 5 tên, đuổi 5 tên... Ngọn lửa chống ngoại xâm chưa tắt... Cha ông ta sở dĩ đã theo con đường duy nhất là diệt thù là vì can tràng nghĩa phan có từ bản tính chống ngoại xâm trời phú sẵn cho... Gặp thời không may, tuy chưa đuổi được bọn giặc cướp để lấy lại giang sơn, nhưng như thế chẳng phải là anh hùng sao? Có hàng vạn ức anh hùng vô danh rồi mới có những anh hùng hữu danh*» và «*... Việc có thành có bại cũng như trời có tối có sáng. Không thất bại thì không thể có thành công*». Tác giả còn cụ thể lực biểu dương những anh hùng thất bại bằng những câu: «*Anh đừng thay! Đem một đám quân ó hợp, ít ỏi và yếu ớt mà chống lại một kẻ địch mạnh, chống lại một nước lớn, thực trong con mắt họ không còn đếm xỉa đến cái gì gọi là thanh hay bại nữa. Nghĩa khi thúc dấy họ, hùng tâm kích động họ, giờ cánh tay chỉ thẳng trời xanh. Đọc ngang như sấm chớp, óm biển xanh như theo sóng nước, tay chuyển cả núi sông. Can đảm ấy, sức lực ấy không đáng kính trọng, không đáng khiếp sợ hay sao?*» Sau đó, tác giả đã liên hệ với những cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp mới diễn ra, của Mạc-đình-Phúc ở Bắc-kỳ, Võ Trứ ở Phú-yên, Trần liệt ở Hà-tĩnh, Đoàn-chí-Tuấn ở Quảng-bình và vụ binh lính bỏ thuốc độc cho võ quan Pháp ở Hà-nội để đi đến kết luận rằng: Tuy việc không thành nhưng đều là anh hùng cả, «*đáng kính, đáng truyền, đáng đời hương thơm mà thờ cúng*».

Chúng ta cũng ghi ở đây tinh thần yêu nước nồng nàn của cụ Phan biểu hiện trong việc đánh giá những người và việc lịch sử.

(Xem tiếp trang 16)

* *

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU PHAN-BỘI-CHÂU TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY

CHƯƠNG-THẦU

Phan-bội-Châu là một nhà chí sĩ yêu nước chân thành, một vị tiền bối cách mạng tiêu biểu cho tinh thần đoàn kết đấu tranh bất khuất của nhân dân ta đầu thế kỷ XX. Về cuộc đời và những bài học hoạt động cách mạng của Phan-bội-Châu từ trước đến nay đã có nhiều người tìm hiểu nghiên cứu và nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau, nhất là trong mấy năm gần đây đã có nhiều công trình

nghiên cứu được xuất bản thành sách hoặc đăng trên các báo chí. Nhân dịp chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà chí sĩ sẽ tổ chức trọng thể vào cuối năm nay như quyết định của Đảng và Chính phủ, chúng tôi xin điểm qua tình hình nghiên cứu giới thiệu về Phan-bội-Châu trong các lãnh vực để các bạn tiện theo dõi.

I - VẤN ĐỀ GIỚI THIỆU TÀI LIỆU GỐC - TÁC PHẨM CỦA PHAN-BỘI-CHÂU

Cũng như bất cứ một ngành khoa học nào, muốn nghiên cứu tốt vấn đề Phan-bội-Châu về các mặt văn học, sử học, chính trị, kinh tế, triết học... đều cần phải dựa vào những tư liệu gốc và các nguồn tài liệu tham khảo phong phú khác. Nhưng trước kia, dưới thời Pháp thuộc, những tác phẩm của Phan-bội-Châu bị chính quyền thống trị coi là những văn kiện bất hợp pháp, những « yêu thư yêu ngôn » không được phép tàng trữ, phổ biến, nên không thể nào có được những công trình nghiên cứu hoặc sáng tác nào đáng kể. Từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, chúng ta được tự do tìm hiểu sự thật và công nhiên nói ra sự thật lịch sử nước nhà trong thời thực dân Pháp cai trị. Từ đó đã có nhiều người nghiên cứu lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam, trong đó bao gồm vấn đề Phan-bội-Châu. Do vậy mà các tài liệu gốc - tác phẩm của Phan-bội-Châu, đã lần lượt được xuất bản. Quyền Ngục trung thư, tập tự truyện đầu tiên của Phan được dịch và xuất bản lần đầu ở Hà-nội năm 1945 (Nhà xuất bản Nippon - Bunka - Kaikan) là một tài liệu rất quan trọng để nghiên cứu Phan-bội-Châu giai đoạn trước khi Phan bị bọn quân phiệt Trung-hoa bắt giam. Năm 1946, tập di cáo Xã hội chủ nghĩa cũng được ấn hành (Nhà xuất bản Sinh Minh-Vinh) nhằm cung cấp cho chúng ta thêm một tài liệu để tìm hiểu tư tưởng nhà chí sĩ giai đoạn cuối đời. Nhưng tác phẩm của Phan-

bội-Châu được xuất bản nhiều nhất là vào những năm gần đây. Quyền Tự phê phán tức Phan-bội-Châu niên biểu được xuất bản hai lần (Nhà xuất bản Văn Sử Địa 1955, 1956) là một cuốn « cầm nang » cho tất cả những người muốn tìm hiểu Phan-bội-Châu. Những công trình nghiên cứu giới thiệu về Phan-bội-Châu, trong hơn mười năm nay đều dựa chủ yếu vào những tư liệu trong tập niên biểu này. Quyền tiểu thuyết lịch sử Trùng quang tâm sử (Nhà xuất bản Văn hóa - 1957, dưới tên sách Hậu Trần dật sử) thông qua việc kể chuyện Trần-quý-Khoảng chống quân Minh ngày trước để kêu gọi nhân dân chống Pháp, cũng gọi cho nhà nghiên cứu tìm hiểu thêm nhiều vấn đề như quan niệm của tác giả đối với người anh hùng và chủ nghĩa anh hùng. Việt-nam vong quốc sử, một quyển lịch sử cách mạng đầu tiên viết ở Nhật từ năm 1905, nhằm tố cáo chính sách tàn bạo của thực dân Pháp cũng đã được xuất bản năm 1958 (Nhà xuất bản Văn Sử Địa). Quyền Việt-nam quốc sử khảo viết theo phương pháp hệ thống hóa các vấn đề lịch sử để phổ biến rộng rãi-cho nhân dân học tập truyền thống đấu tranh bất khuất của cha ông, cũng là một tài liệu tham khảo tốt (Nhà xuất bản Giáo dục - 1962). Đầu năm nay lại có thêm hai tác phẩm giá trị của Phan-bội-Châu được xuất bản: Tuồng Trưng nữ vương, Truyện Phạm-hồng-Thái (Nhà xuất bản Văn học - 1967) đã góp phần làm phong phú thêm

kho tàng văn học cận đại Việt-nam đồng thời cũng giúp chúng ta có thêm tài liệu để đi sâu tìm hiểu tác giả, các thể loại văn học khác nhau của Phan-bội-Châu. Hiện nay, nhà xuất bản Văn học lại sắp cho xuất bản tập truyện *Ba anh hùng liệt sĩ* của Phan-bội-Châu viết về Hoàng - hoa - Thám, Trần - thiện - Quảng, Bùi - chính - Lộ cũng là tập truyện khá tiêu biểu trong những tác phẩm phục vụ cách mạng của nhà chí sĩ. Cuối cùng, nhân dịp kỷ niệm 100 năm sinh của Phan-bội-Châu, nhà xuất bản Văn học cũng đang gấp rút chuẩn bị để kịp cho ra mắt bạn đọc một *Tuyển tập Văn thơ Phan-bội-Châu* gồm những tác phẩm chọn lọc trong hai thời kỳ hoạt động chính của Phan-bội-Châu. Thời kỳ thứ nhất (1900—1925) tức là thời kỳ nhà chí sĩ, nhà văn Phan-bội-Châu chiếm vị trí cao nhất trong lịch sử nước nhà, nên tác phẩm của Phan đã được trích một tỷ lệ tương đối lớn. Nhưng tuyển tập cũng chọn được khá nhiều thơ văn hay nhất của thời kỳ thứ hai (1925 — 1940) phản ánh được lòng ưu thời mãn thế và tinh thần yêu nước của tác giả trong 15 năm cuối đời. Trong lúc chưa có điều kiện để xuất bản *Toàn tập Phan-bội-Châu*, thì tuyển tập này có thể đáp ứng một phần lớn yêu cầu của chúng ta.

II — NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ PHAN-BỘI-CHÂU

Sau ngày hòa bình lập lại (1954) ở miền Bắc chúng ta thấy liên tiếp xuất hiện những công trình nghiên cứu về Phan-bội-Châu khá bề thế và có giá trị khoa học. Đồng chí Tôn-quang-Phiệt là một trong những người có công đầu trong việc nghiên cứu Phan-bội-Châu về mặt sử học. Ngay từ năm 1954, đồng chí đã có nhiều bài viết về Phan-bội-Châu đăng trên tạp chí *Văn Sử Địa, Tô quốc*. Năm 1956 đã xuất bản cuốn *Tìm hiểu Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trình* (Nhà xuất bản Văn Sử Địa). Trên quan điểm mác-xít, đồng chí đã phân tích và trình bày tương đối kỹ các mặt tiểu sử, chủ trương và thủ đoạn cách mạng, thời đại và điều kiện giai cấp của Phan-bội-Châu. Đồng thời, thông qua văn chương, đồng chí đã nghiên cứu sự phản ánh tư tưởng và hành động của Phan, cuối cùng đưa ra nhận định về vai trò của Phan-bội-Châu trong lịch sử chống Pháp và kết luận: «Trải qua một đời hoạt động mấy mươi năm, gặp thuận lợi thì ít, gặp khó khăn thì nhiều, có lúc được sống tự do, nhiều lúc bị cảnh tù ngục hay bị sự theo dõi chặt chẽ của địch, nên nhiều lúc ông đã phạm những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng, nhưng về căn bản, Phan-bội-Châu là một người thủy chung yêu nước thành thật, một người cách mạng chân chính để lại nhiều ảnh hưởng tốt» (trang 64).

Ngoài những tài liệu gốc được xuất bản thành sách trên đây, chúng ta còn thấy tác phẩm Phan-bội-Châu mấy năm nay đã được công bố rải rác trên các tạp chí *Văn Sử Địa, Nghiên cứu lịch sử, Nghiên cứu văn học, Văn nghệ, Tô quốc...* hoặc trong các tập *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt-nam* của Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, hoặc in kèm trong các công trình nghiên cứu văn sử khác. Những tài liệu « lẻ » này cũng là những tư liệu rất quý để nghiên cứu Phan-bội-Châu.

Điều đáng chú ý là trong khi ở miền Bắc chúng ta đã liên tiếp sưu tầm, phiên dịch, xuất bản rất nhiều tư liệu quý về Phan-bội-Châu mà hầu hết là các tác phẩm viết trước năm 1925, thì ở trong vùng Hà-nội tạm bị chiếm trước đây và ở Sài-gòn ngày nay, chỉ lác đác lượm lặt được một vài bài thơ, bài báo của Phan-bội-Châu viết sau năm 1925 mà thôi. Và ngay những tài liệu về Phan-bội-Châu được công bố ở Hà-nội trước năm 1954 hay ở Sài-gòn sau năm 1954 đến nay, những người sưu tầm giới thiệu lại tỏ ra không có tinh thần trách nhiệm, nên chỉ nói riêng về giá trị khoa học chính xác của văn bản cũng rất hạn chế (1).

Nếu về mặt sử học, chúng ta đã sớm có cuốn *Tìm hiểu Phan-bội-Châu...* của đồng chí Tôn-quang-Phiệt, thì về mặt nghiên cứu văn học, cũng không muộn hơn bao nhiêu, năm 1958, nhà xuất bản Văn hóa cho ra cuốn *Văn thơ Phan-bội-Châu* của đồng chí Đặng-thai-Mai. Cũng như đồng chí Tôn-quang-Phiệt, đồng chí Đặng-thai-Mai vốn đã nhiều năm tích lũy về văn thơ của nhà ái quốc, lại cũng như đồng chí Tôn-quang-Phiệt, tác giả tập nghiên cứu là người cùng quê với Phan, đã thâm nhập nhiều « thực tế về Phan-bội-Châu » và với phong cách viết rất có cá tính, đã hấp dẫn bạn đọc rất mạnh qua công trình nghiên cứu của mình. Tập sách gồm có hai phần. Phần nghiên cứu, nhằm đi sâu tìm hiểu sự nghiệp văn chương của Phan Sào-Nam là một bộ phận trong công tác cách mạng của nhà chí sĩ. Đời sống văn hóa xã hội xứ Nghệ vào cuối thế kỷ trước. Cốt tính xứ Nghệ trong Phan-bội-Châu. Công trình sáng tác của Phan-bội-Châu. Và cuối cùng, bài học trong kinh nghiệm sáng tác của Phan-bội-Châu. Với công trình này, tác giả đã phân tích sâu sắc các mặt tính

(1) Về vấn đề này, trước đây chúng tôi đã có riêng một bài phê phán. Xin xem ở *Nghiên cứu lịch sử* số 67 tháng 10-1964.

tư tưởng, tính nghệ thuật, phương pháp sáng tác... cũng là tác dụng thực tiễn to lớn của văn thơ Phan-bội-Châu trong vận động cách mạng. Các luận điểm khoa học của công trình lại được ngót 100 trang thơ văn tuyền chiếm toàn bộ phần thứ hai của cuốn sách làm sáng tỏ thêm. Chúng tôi nghĩ rằng đây cũng là một công trình nghiên cứu khá hoàn chỉnh. Nó giúp ích rất nhiều cho những người đi sau, cho việc biên soạn các giáo trình lịch sử văn học Việt-nam giai đoạn Phan-bội-Châu.

Nhưng việc nghiên cứu Phan-bội-Châu không dừng lại ở đây và cho là đã thỏa mãn được yêu cầu của các ngành khoa học xã hội mà công chúng đòi hỏi. Vì vậy, cuối năm 1958, đồng chí Tôn-quang-Phiệt lại cho xuất bản một công trình nghiên cứu mới nhan đề là *Phan-bội-Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt-nam*. Đúng như tên gọi của quyển sách, lần này đồng chí Tôn-quang-Phiệt, trên cơ sở thu thập được thêm nhiều tài liệu, đã nghiên cứu tỉ mỉ cuộc đời nhà chí sĩ từ đầu đến cuối. Đồng chí cũng chú ý tìm hiểu thêm cả phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX nữa. Tất nhiên với tập sách dày ngót 260 trang in cỡ 16 x 24 này đã giải quyết nhiều vấn đề. Thiết tưởng nó đã đáp lại sự mong đợi của đông đảo bạn đọc, đã « giúp độc giả đi tới một nhận định dứt khoát và công bình về nhân cách, sự nghiệp và địa vị chính trị của Phan Sào-Nam trong lịch sử cách mạng Việt-nam » (1).

Gần đây, nhằm thực hiện đường lối kế thừa di sản tinh thần dân tộc của Đảng ta, dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tiếp theo những công trình nghiên cứu về văn học, sử học..., các đồng chí Bùi-dăng-Duy, Nguyễn-đức-Sự, Chương-Thấu đã viết chuyên đề nghiên cứu về *Tư tưởng chính trị và tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu* mà nhà xuất bản Khoa học xã hội cũng sẽ xuất bản trong dịp này. Đây là lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta một công trình nghiên cứu về Phan-bội-Châu viết dưới hình thức một chuyên đề của khoa học lịch sử tư tưởng. Các tác giả đã trình bày một cách hệ thống những tư tưởng chính trị và triết học của nhà chí sĩ, đồng thời đưa ra một số nhận định đánh giá tư tưởng Phan-bội-Châu về các mặt. Các tác giả đã tìm hiểu tư tưởng chính trị của Phan-bội-Châu phát triển qua ba giai đoạn ở hai thời kỳ trước và sau năm 1925, từ khi những quan điểm chính trị của Phan được xây dựng trên lập trường dân chủ tư sản hình thành, phát triển và đi đến hoàn thiện, qua một giai đoạn dao động rồi chấm dứt vai trò tiền tiến của nó trong lịch sử và bị thời đại vượt qua. Về phần tư tưởng triết học, qua những tư liệu mới phát hiện được,

các tác giả đã rút ra một số quan niệm của Phan-bội-Châu về tự nhiên, về con người, về lịch sử... Những phát hiện về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu kèm theo những kiến giải của các tác giả có phần mới mẻ xưa nay ít ai đề cập tới.

Ngoài mấy quyển sách nghiên cứu trọn vẹn về Phan-bội-Châu trên đây, mấy năm nay, cũng còn có một số quyển lịch sử Việt-nam như *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* của đồng chí Trần-huy-Liệu, mấy bộ giáo trình *Lịch sử cận đại Việt-nam* tập 3, 4 của Khoa Sử trường Đại học tổng hợp do đồng chí Trần-văn-Giàu chủ biên, giáo trình *Lịch sử văn học Việt-nam cận đại* tập 4 của khoa Văn trường Đại học Hà-nội do đồng chí Lê-trí-Viễn chủ biên... cũng đề cập đến vấn đề Phan-bội-Châu.

Hàng chục bài luận văn nghiên cứu Phan-bội-Châu đã được đăng trên các tạp chí, tập san, thông báo học thuật mà nhiều nhất ở tạp chí *Văn Sử Địa, Nghiên cứu lịch sử, Tạp chí Văn nghệ, Tạp chí Văn học...* đã đề xuất thêm nhiều vấn đề, trong đó vấn đề trở thành đầu đề cho những cuộc thảo luận học thuật một cách khá sôi nổi, như *linh chất phong trào Phan-bội-Châu, đánh giá tư tưởng Phan-bội-Châu...* Cùng với những công trình lớn đã in thành sách, những bài này cũng đã góp phần quan trọng trong việc phát hiện nghiên cứu nhận định Phan-bội-Châu và có nhiều bài có giá trị như những công trình nghiên cứu khoa học độc lập đã được khẳng định, mà sau này, các công trình khác không thể không dựa vào nó để phát triển.

Về việc nghiên cứu giới thiệu Phan-bội-Châu, có lẽ cũng nên kể thêm vào đây những bài giới thiệu các tác phẩm của Phan khi được xuất bản. Từ trong những bài giới thiệu này, cũng gợi cho ta nhiều nội dung tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm và tác giả. Có những bài có trình độ khoa học cao như bài giới thiệu *Trùng quang tâm sử* do Đồng chí Đặng-thai-Mai viết, bài giới thiệu *Việt-nam quốc sử khảo* do đồng chí Đinh-xuân-Lâm viết, giới thiệu *Tuồng Trưng nữ vương - Truyện Phạm-hồng-Thái - Ba anh hùng liệt sĩ* do các đồng chí Bùi-dăng-Duy, Chương-Thấu, Triều-Dương viết... Năm 1962, trên tạp chí *Nghiên cứu văn học* (số tháng 10) đồng chí Vũ-ngọc-Khánh có bài nghiên cứu giới thiệu *Truyện ngắn của Phan-bội-Châu* sau năm 1925 cũng là một bài có chất lượng.

Điềm qua một số công trình nghiên cứu giới thiệu Phan-bội-Châu trên đây, hẳn các bạn cũng như chúng tôi đều vui mừng và tự

(1) Đặng-thai-Mai. — *Văn thơ Phan-bội-Châu*. Nhà xuất bản Văn hóa. Hà-nội, 1958, trang 26.

hào về tình hình nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và nghiên cứu Phan-bội-Châu nói riêng ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa chúng ta, đã liên tiếp có những mùa hoa nở rộ và chúng ta không ngừng gặt hái những mùa bội thu. Với đà này, có cơ sở để chúng ta tin chắc rằng sẽ đạt được những thành tựu rực rỡ hơn nữa.

Việc nghiên cứu Phan-bội-Châu cũng còn được các bạn nước ngoài tham gia nữa. Theo sự tìm hiểu chưa lấy gì làm đầy đủ của chúng tôi thì, hiện nay ở Trung-quốc có giáo sư Hoàng Đạt-Cầu chủ nhiệm Khoa Văn học trường Đại học Kỳ-nam — Quảng-châu có nghiên cứu văn thơ Phan-bội-Châu và từ mấy năm trước đã hoàn thành một vài công trình giới thiệu *Thơ chữ Hán của Phan-bội-Châu* với giới văn học Trung-quốc. Ở trường này, có đồng chí Từ Thiện-Phước nguyên công tác ở bộ môn Lịch sử Đông Nam Á, năm 1962-63 đã tập hợp nhiều tài liệu để nghiên cứu về *tư tưởng cách mạng của Phan-bội-Châu*.

Ở Liên-xô, nhà nghiên cứu sử học Dè-len-xốp, trong bản luận án tiến sĩ về một vấn đề lịch sử Việt-nam, cũng có dành một phần nghiên cứu nhà yêu nước tiêu biểu cho lịch sử Việt-nam giai đoạn đầu thế kỷ XX này. Nữ đồng chí Sin-tô-va trong quyển *Lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt-nam* xuất bản ở Mát-xcơ-va năm 1959 cũng có đoạn nhận định về phong trào Phan-bội-Châu khá chính xác.

Ở Tiệp-khắc, đồng chí Bu-đa-ren, người Pháp, trước có công tác ở Việt-nam hiện nay công tác ở Pờ-ra-ha cũng định viết bài giới thiệu Phan-bội-Châu nhân dịp Việt-nam kỷ niệm 100 năm sinh của nhà yêu nước lớn này.

Ở Pháp, từ hồi 1955, khi viết quyển *Góp phần vào lịch sử dân tộc Việt-nam* (Nhà xuất bản xã hội — Pa-ri) nhà sử học Sê-nô cũng có phần tích tư tưởng và tìm nguồn gốc ảnh hưởng tư tưởng của Phan-bội-Châu. Ý kiến của Sê-nô về vấn đề này giúp ta một tài liệu tham khảo tốt khi đánh giá Phan-bội-Châu.

Gần đây hơn, theo đồng chí Trần-huy-Liệt, Viện trưởng Viện Sử học cho biết, có một nhà sử học Nhật-bản gửi thư xin tài liệu để « nghiên cứu » về những hoạt động của Phan-bội-Châu thời gian ở Nhật.

Như vậy là trong mười mấy năm nay, vấn đề Phan-bội-Châu đã được các giới làm công tác khoa học, chính trị... chú ý nghiên cứu và càng ngày càng có nhiều người tham gia nghiên cứu với nhiều đề tài khác nhau, rất phong phú. Đây là một hiện tượng rất đáng vui mừng đối với tất cả chúng ta.

Nhân đây, tưởng cũng nên lướt qua tình hình nghiên cứu Phan-bội-Châu ở trong vùng Hà-nội tạm bị chiếm trước năm 1954 và Sài-gòn từ năm 1954 đến nay. Một điểm nổi bật trái ngược là, trong khi việc nghiên cứu dưới chế độ ta phát triển như vậy, thì ở vùng bị giặc chiếm lại hầu như không có một công trình nào khả dĩ xứng đáng với Phan-bội-Châu. Kể từ năm 1946 đến nay, trong vùng thống trị của ngụy quyền chỉ có vắn vụn ba quyển sách viết về Phan-bội-Châu. Một của Lưu-trần-Thiền: *Phan-bội-Châu — Tiểu sử và Thơ văn* (Nhà xuất bản Vạn trường — Hà-nội, 1953), một của Thế-Nguyên: *Phan-bội-Châu — Thân thế và Thi văn* (Nhà xuất bản Tân Việt — Sài-gòn, 1956) và quyển của Ngô-thành-Nhân: *Cụ Sào Nam 15 năm giam lỏng ở Huế* (Nhà xuất bản Anh minh — Huế — 1956). Nhưng thật là thảm hại! Cả ba quyển sách này, không biết có đáng được gọi là công trình nghiên cứu không, vì những điều cơ bản của một công trình nghiên cứu như phương pháp trình bày, dẫn dụng tài liệu... đều chưa đạt được mức tối thiểu! Đặc biệt là quyển của Lưu-trần-Thiền viết hết sức cầu thả, câu cú chưa thông, lỗi chính tả, ngữ pháp nhan nhản, còn nói gì nội dung và giá trị khoa học. Ngay trong phần tuyên trích thơ văn cũng thật là nghèo nàn và rất không tiêu biểu. Và lạ thay! Không có một bài thơ, một đoạn văn nào thuộc thời kỳ trước năm 1925 cả. Các quyển sau tuy có khá hơn, nhưng không phải đã tránh khỏi những nhược điểm và khuyết điểm của Lưu-trần-Thiền, nhất là về mặt nhận định đánh giá Phan-bội-Châu.

Những quyển sử hay văn học trong đó có viết về giai đoạn Phan-bội-Châu lại càng ít ỏi hơn. Thảng hoặc có « nhà sử học hiện kim », « nhà chính khách lý luận » .. nào đó có đề cập đến Phan-bội-Châu thì cũng không ngoài mục đích xuyên tạc, đem những sai lầm của Phan trong bước đường hoạt động cách mạng để lên thành mặt chính diện, nhằm phục vụ cho đường lối chính trị phản động của bọn ngụy quyền tay sai của đế quốc Mỹ mà thôi. Đó là trường hợp Phạm-văn-Sơn trong *Việt-nam tranh đấu sử*, Phan-xuân-Hòa trong *Lịch sử Việt-nam* hay Nghiêm-xuân-Hồng trong *Lịch trình diễn tiến của phong trào quốc gia Việt-nam*.

Sách nghiên cứu đã nghèo nàn ít ỏi như vậy, các luận văn đăng báo viết về Phan-bội-Châu lại càng thưa thớt tẻ ngắt hơn. Theo dõi các báo chí, tập san của miền Nam (ngụy quyền) mấy năm nay, thật đáng thất vọng, vì khó tìm được một bài nào gọi là cho ra bài, trừ một vài bài ngắn đăng ở báo hàng ngày (*Cách mạng quốc gia, Tự do...*) nhân ngày giỗ của

Phan-bội-Châu, nhưng mục đích cũng không khác các bài ở tập san là nhằm bóp méo nhà

chí sĩ, cố đưa ra những nhận định cho hợp với « quốc sách » tuyên truyền của Mỹ ngày.

III — NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ CHƯA NHẤT TRÍ VỚI NHAU TRONG KHI NGHIÊN CỨU

Như trên đã nói, chúng ta đã có nhiều công trình nghiên cứu Phan-bội-Châu về nhiều mặt. Trong đó, từ các mặt khác nhau, ý kiến các tác giả khi đánh giá về Phan-bội-Châu và phong trào Phan-bội-Châu, căn bản là đã thống nhất ý kiến, có điều là cách phát biểu của nhà sử học không giống với lời diễn đạt của nhà văn học mà thôi. Có thể dẫn câu sau đây của đồng chí Đặng-thai-Mai để nói lên ý kiến nhận định chung của mọi người:

« Phan-bội-Châu trước hết là một nhà chí sĩ yêu nước, một bậc tiền bối cách mạng, hăng hái kiên quyết, đã thể hiện được một cách hùng hồn, rực rỡ bất khuất của dân tộc ta trong thời kỳ hai mươi lăm năm đầu thế kỷ này. Hy sinh cả một đời cho tổ quốc Việt-nam yêu dấu, đó là phần cống hiến tốt đẹp nhất của Phan-bội-Châu vào công cuộc giải phóng nước nhà trong thời kỳ đó ». (*Văn thơ Phan-bội-Châu*. Trang 9).

Còn một đoạn đời 15 năm cuối của Phan, các nhà nghiên cứu cũng đã từng nhất trí là, về tư tưởng tuy không còn là đại biểu cho thời đại thậm chí đã bị thời đại vượt qua khá xa, nhưng về nhân cách, về tấm lòng yêu nước, thì Phan-bội-Châu vẫn xứng đáng được nhân dân ta trân trọng kính yêu.

Nhận định tổng quát về Phan-bội-Châu là như vậy. Nhưng trong từng ngành khoa học khác nhau, khi đề cập đến những vấn đề cụ thể nào đó, thì vẫn còn có chỗ chưa nhất trí giữa các nhà nghiên cứu. Sau đây chúng tôi xin lần lượt điếm qua các vấn đề tồn tại đó. Riêng về mặt văn học, ý kiến hầu như đã thống nhất với đồng chí Đặng-thai-Mai và các vấn đề mới đề xuất cũng không vượt quyền sách của đồng chí, có chăng thì những vấn đề đặt ra lại cũng là vấn đề thuộc phạm vi tư tưởng chính trị hay triết học, cho nên chúng tôi không « điếm » riêng về văn học nữa. Những vấn đề tồn tại trong nghiên cứu về tư tưởng xếp như sau:

1. Tính chất phong trào Phan-bội-Châu và Hệ tư tưởng của Phan-bội-Châu.

Phong trào Phan-bội-Châu bao gồm một thời kỳ lịch sử từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến những năm trước sau cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất. Về tinh chất của nó, có số người chủ trương: phong trào Phan-bội-Châu khi còn là Duy tân hội và Đông-du (1904—1909) là một phong trào dân tộc còn nặng về tư

tưởng quân chủ, nó chỉ trở thành phong trào dân tộc dân chủ sau khi thành lập Việt-nam quang phục hội (1912) mà thôi. Có số người chủ trương: từ đầu nó đã là một phong trào dân tộc dân chủ tư sản. Lại cũng có người chủ trương nó là một phong trào mang tính chất quá độ tiến lên dân chủ. Xin nêu ra đây một số ý kiến cụ thể.

Đồng chí Trần-huy-Liệu trong quyển *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* (Nhà xuất bản Văn Sử Địa — 1956) nhận định rằng: « Lãnh tụ của khuynh hướng bạo động là Phan-bội-Châu, người cầu nguyện kế thừa sự nghiệp của phái Cần vương » (trang 135). « Phan Sào-Nam đứng trên lập trường dân tộc của giai cấp phong kiến » (trang 136).

Ý kiến của đồng chí Tôn-quang-Phiệt trong công trình nghiên cứu *Tìm hiểu Phan-bội-Châu và Phan-chu-Trinh* là: « Phan-bội-Châu dính với giai cấp phong kiến nhiều hơn giai cấp tư sản » (trang 133). « Phan-bội-Châu muốn kéo tất cả giai cấp phong kiến trở lại đánh ngoại xâm, Phan hy vọng kéo được họ » (Trang 39). Nghĩa là theo đồng chí, phong trào Phan-bội-Châu căn bản do giai cấp phong kiến lãnh đạo. Từ nhận định này đã phát sinh ra cuộc tranh luận trên tạp chí *Văn Sử Địa*, mà ý kiến đồng chí Hải-Thu thì cho rằng « Phan dính với giai cấp tư sản nhiều hơn là giai cấp phong kiến ». « Càng về sau, tính chất tư sản càng nổi lên rõ hơn ». (*Văn Sử Địa* số 29 — tháng 6-1957). Còn đồng chí Lê-văn-Trinh thì lại cho rằng không « dính » vào giai cấp nào nhiều hơn giai cấp nào cả, mà thời gian trước: tư tưởng Phan còn nặng về phong kiến như biểu hiện ở việc tôn thờ Cường-Đề... ; giai đoạn sau từ khi chịu ảnh hưởng cách mạng Tân hội Trung-quốc và thành lập Việt-nam quang phục hội rồi, thì « nhờ đó mà tính chất tư sản của phong trào cách mạng lúc ấy càng được nổi bật lên, tuy nó chưa phải là một phong trào tư sản » (*Văn Sử Địa* số 31 — tháng 8-1957).

Gần đây, Trong *Tạp chí Văn học* số tháng 5-1967, trong bài viết về *Văn thơ và tư tưởng Phan-bội-Châu*, đồng chí Nguyễn-khắc-Xương có nhận định về vấn đề này, nhưng sau trước mâu thuẫn với nhau. Đồng chí viết: « Mặc dù tất cả những biểu hiện tích cực của tư tưởng Phan, chúng ta sẽ thấy về căn bản, tư tưởng Phan-bội-Châu vẫn không thoát khỏi ý thức hệ phong kiến », vẫn là « trượt trên cái dốc của ý thức hệ phong kiến ». Nhưng ở đoạn

trước, đồng chí lại nói : « Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, tuy còn do một bộ phận sĩ phu phong kiến yêu nước lãnh đạo, cũng đã bước sang phạm trù dân chủ tư sản xét cả về đường lối lẫn hình thức hoạt động ». Và : « Duy tân hội và Đông-du của Phan-bội-Châu chính là tiêu biểu cho quá trình vận động dân tộc do các sĩ phu phong kiến tư sản hóa lãnh đạo trong giai đoạn lịch sử mới ».

Đồng chí Lê-sỹ-Thắng trong luận văn nghiên cứu *Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu* đăng trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số tháng 11-1967 này, lại chủ trương rằng Phan-bội-Châu không thuộc hệ tư tưởng nào cả, không tư sản mà cũng chẳng là phong kiến, mà đó là « tư tưởng yêu nước » và Phan-bội-Châu là người « đứng trên lập trường của bộ phận tiên tiến nhất trong tầng lớp sĩ phu yêu nước hồi đầu thế kỷ XX ở nước ta, đại biểu cho các lực lượng yêu nước và cách mạng của dân tộc lúc đương thời ».

Trái với loại ý kiến nhận định trên, đồng chí Đặng-thai-Mai trong *Văn thơ Phan-bội-Châu* nói một cách dứt khoát rằng : « Lập trường chính trị của Phan-bội-Châu là lập trường dân chủ tư sản. Cuộc vận động của Phan thuộc về phạm trù cách mạng dân chủ cũ » (tr. 112).

Trong giáo trình *Lịch sử cận đại Việt-nam* tập III (Nhà xuất bản Giáo dục - 1961) đồng chí Trần-văn-Giàu đã nói rõ hơn : « Duy tân hội và phong trào Đông-du do Phan-bội-Châu cùng một số đồng chí chủ trương những năm trước thế giới đại chiến lần thứ nhất... mặc dù còn khoác hình thức phong kiến... nhưng về căn bản đã mang tinh chất tư sản, tinh chất này ngày càng rõ rệt song song với quá trình lập hợp tiểu tư sản và tư sản dân tộc » (Trang 151).

Cùng một phương pháp phân tích nhận định tình hình phong trào đầu thế kỷ XX như vậy, nhưng ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn-khánh-Toàn lại cho rằng « phong trào (Phan-bội-Châu) còn mang tinh chất và đặc điểm của giai đoạn quá độ, một phong trào nhiều màu, nhiều vẻ và đầy mâu thuẫn » (*Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản*. Tập I. Nhà xuất bản Sự thật, 1960. Tr. 53).

Đồng ý với loại ý kiến này, các tác giả quyển *Tư tưởng chính trị và Tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu* đã phân tích, chứng giải, trình bày rõ ý kiến của mình về vấn đề tư tưởng dân tộc dân chủ của Phan-bội-Châu diễn biến qua các giai đoạn lịch sử, đồng thời cũng khẳng định hệ tư tưởng tư sản của Phan. Xét từ nhiều mặt khác nhau, như động lực cách mạng, lực lượng lãnh đạo cách mạng, vấn đề liên minh của cách mạng, vấn đề

xây dựng một chế độ xã hội với những tổ chức chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, giáo dục v.v... các tác giả tập sách đã đi đến kết luận đó.

2. Tư tưởng cách mạng và tư tưởng cải lương của Phan-bội-Châu.

Về vấn đề này, trong khi nghiên cứu, người nào cũng có đề cập tới và thống nhất nhận định là buổi đầu thì Phan-bội-Châu chủ trương cách mạng bạo động - biểu hiện mặt tích cực nhất, tức là tư tưởng chống Pháp triệt để của Phan, về sau Phan đã lùi lại với chủ nghĩa cải lương. Nhưng quá trình diễn biến và tinh chất của chủ nghĩa cải lương trong từng giai đoạn như thế nào thì ít ai phân tích đến nơi đến chốn.

Điều mà các nhà nghiên cứu thống nhất với nhau là kể từ sau ngày Phan-bội-Châu ra khỏi nhà tù Quảng-đông (1917) rồi viết *Pháp Việt đề huề* (1918) là cái mốc thời gian phân ranh giới : Trước đó là cách mạng, sau đó là cải lương. Song vấn đề lại không chỉ có thế mà thôi. Đánh giá tư tưởng cải lương của Phan-bội-Châu rõ ràng không thể chỉ bằng vào sự so sánh đơn thuần với tư tưởng bạo động, mà chủ yếu là phải xem xét nó trong mối quan hệ với điều kiện chính trị xã hội đương thời. Thực ra thì tư tưởng cải lương của Phan thời gian từ 1918-1924 và thời gian sau năm 1925 xuất hiện trong những điều kiện lịch sử khác nhau, nên nội dung và tinh chất của nó cũng không đồng nhất với nhau. Các tác giả quyển *Tư tưởng chính trị và tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu*, do chỗ nắm thêm được một số tài liệu gốc thêm vào quyển *Pháp Việt đề huề*, như *Dư cứu niên lai số từ chí chủ nghĩa*, *Thiên hồ ! Đế hồ !*, *Truyện Phạm-hùng-Thái* v.v... phân tích kỹ những tư tưởng trong đó, đã đi đến nhận định là ngay ở giai đoạn đầu (1900 - 1913) trong khi Phan-bội-Châu có những chủ trương cách mạng nhất cũng không phải là không có những biểu hiện của tư tưởng cải lương, giai đoạn từ 1918 - 1924, trong hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, tư tưởng Phan-bội-Châu đã có sự giằng co nhau giữa hai xu hướng cách mạng và cải lương (co nhiên tư tưởng cải lương ở đây khác xa với chủ nghĩa cải lương của bọn Việt gian Quỳnh, Vĩnh và cũng không giống chủ nghĩa cải lương của nhà yêu nước Phan-chu-Trinh), đây là một giai đoạn giao thời vát ngang giữa hai thời kỳ tư tưởng chính của Phan, lúc này Phan đã dao động lớn trong tư tưởng, chủ nghĩa cải lương đã từ chỗ mầm mống dần dần trở thành hoàn chỉnh nhưng chưa hoàn toàn tách khỏi khuynh hướng chống đế quốc ; còn từ 1925 về sau thì chủ nghĩa cải lương chiếm phần chủ đạo trong tư tưởng Phan-bội-Châu.

3. Tư tưởng đề huề với Pháp của Phan-bội-Châu.

Tim hiểu Phan-bội-Châu, các nhà nghiên cứu có nhiệm vụ phải làm sáng tỏ vấn đề này. Vì như đồng chí Tôn-quang-Phiệt nói: « Người ta không tưởng tượng được con người chủ trương bạo động nổi tiếng như Phan-bội-Châu đã xem giặc Pháp như kẻ thù không đội trời chung, mà nay lại nói ra thuyết bắt tay với Pháp, thật là một sự bất ngờ! » (*Phan-bội-Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt-nam*. Nhà xuất bản Văn, hóa. Trang 179). Nhưng sự thực vẫn là sự thực. Khỏi phải nói tác hại của tư tưởng này đối với công cuộc vận động cách mạng Việt-nam nữa. Chính cái sai lầm này Phan-bội-Châu cũng đã từng thừa nhận. Thế nhưng giữa các nhà nghiên cứu của chúng ta lại cũng không thống nhất với nhau trong khi nhận định ý nghĩa của nó.

Khi viết quyển *Tim hiểu Phan-bội-Châu*, đồng chí Tôn-quang-Phiệt đã cho rằng: « đó chẳng qua là sự mô mẫm, thử thách mà thôi, chứ thâm tâm không có gì đâu » (trang 61).

Đồng chí Đặng-thai-Mai khi phân tích chủ trương bắt tay với Pháp (Pháp Việt đề huề) ấy của Phan-bội-Châu lại cũng nhận định đó là « hành động vô ý thức » (*Văn thơ Phan-bội-Châu* -- trang 24).

Đề cũng cố thêm ý kiến nhận định trên và hình như cũng đề tỏ ra « thể tất nhân tình cho Phan-bội-Châu », nên khi viết *Phan-bội-Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt-nam*, đồng chí Tôn-quang-Phiệt đã dành gần 20 trang để phân tích tỉ mỉ tình hình khách quan chủ quan khiến Phan có chủ trương ấy, đồng chí cũng trình bày nội dung thuyết « đề huề » của Phan, nhưng cuối cùng đồng chí cũng vẫn tỏ ra có ý gượng nhẹ với tư tưởng sai lầm đó.

Chúng tôi nghĩ rằng, bản thân việc đưa ra chủ trương đề huề — đề huề có điều kiện, khác hẳn với đề huề của bọn Pháp và tay sai đưa ra — và nếu chỉ vì một lúc nào đó Phan đã sa ngã, thì chúng ta cũng có thể « thông cảm » được với nhà chí sĩ. Nhưng đặt nó trong cả một quá trình phát triển tư tưởng, đi sâu tìm hiểu thực chất của nó thì đây lại là sự biểu hiện chính thức mở đầu cho một xu hướng đi xuống về tư tưởng của nhà yêu nước Phan-bội-Châu. Và hiệu quả khách quan của nó, như chúng ta đã biết, đã vượt ra ngoài ý muốn của nhà tư tưởng. Hơn nữa, tư tưởng « đề huề », « hợp tác » không phải xuất hiện một cách đơn độc, cá biệt ở Phan-bội-Châu. Trái lại, tiếp theo nó, Phan-bội-Châu đã viết

quyển *Dur cứu niên lai số từ chỉ chủ nghĩa* (1920) nhằm bác bỏ đường lối cách mạng bạo lực, chủ trương làm cách mạng hòa bình, đề cao cách mạng văn minh... Tác phẩm này có thể coi là tập trung những biểu hiện cơ bản nhất cho thứ chủ nghĩa cải lương của Phan-bội-Châu. Tác phẩm *Thiên hồ! Đế hồ!* (1923) cũng đầy rẫy những tư tưởng đề huề, hợp tác. Ngay trong quyển *Truyện Phạm-hồng-Thái* viết năm 1924, lúc mà Phan đã tiếp thu ít nhiều ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga, đã biết đến cách mạng xã hội, vai trò công nông..., nhưng không phải không chứa đựng những nhận thức lệch lạc của tư tưởng cải lương chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta một mặt khẳng định vị trí của nhà yêu nước, nhưng mặt khác không thể không vạch ra những hạn chế của Phan và dĩ nhiên, càng không thể lẫn tránh sự thực lịch sử, mà ở trong Phan là do hệ tư tưởng và do một đường lối vận động cách mạng có nhiều sai lầm chỉ phối mạnh mẽ. Chúng ta càng không thể không vạch ra đây những kẻ mệnh danh là « nhà nghiên cứu » phục vụ cho nguy quyền Sài-gòn, cố tình xuyên tạc Phan-bội-Châu như nhà « sử học hiện kim » Phan-xuân-Hòa đã viết trong quyển *Lịch sử Việt-nam* tập 4 của y: « Đương lúc sự khủng bố của Pháp đã làm cho phong trào dân tộc chỉ còn như là đồng than âm ỉ tàn dần, thì may sao năm 1912 (!) cụ Phan-bội-Châu từ Trung-hoa gửi về cho toàn quyền Đông-dương quyền *Pháp Việt đề huề* khuyển Pháp Việt hai dân tộc phải thân thiện, Pháp phải thành thật làm cho Đông-dương phú cường mới tránh khỏi cái họa xâm lược của Nhật-bản sau này. Hành động của cụ Phan rất ôn hòa, đã như ngọn gió thổi vào đồng than cách mạng, cho lửa lại bật lên thành ngọn » (Trang 198). Nhận định về tác dụng của Pháp Việt đề huề như thế thì cũng thật là kỳ quái hết chỗ nói!

4. Tư tưởng « xã hội chủ nghĩa » của Phan-bội-Châu.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, có mấy lần Phan-bội-Châu nói đến « cách mạng thế giới », Phan tỏ ra có cảm tình với người Nga, với chính phủ Lao Nông, với nước « bình dân chủ nghĩa », cũng có lúc muốn cho thanh niên sang học tập ở nước Nga xô-viết nữa. Đặc biệt, trong quyển *Truyện Phạm-hồng-Thái* Phan lại có nói đến làm cách mạng xã hội, đến vai trò công nông v.v... Về sau khi bị giam lỏng ở Bến Ngự, Phan lại có viết quyển *Xã hội chủ nghĩa*, treo ảnh Lê-nin (cạnh tượng Khổng tử). Như vậy có thể nói Phan-bội-Châu có tư tưởng xã hội chủ nghĩa được không?

Rất có thể dễ bị lẫn lộn và lầm tưởng Phan-bội-Châu cũng đã có tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học. Vấn đề này, trước đây do chưa nghiên cứu được đầy đủ toàn bộ quá trình phát triển tư tưởng Phan-bội-Châu, nên trong một bài luận văn dài đăng ở tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 43, tháng 10-1962, khi phân tích trình bày tư tưởng Phan-bội-Châu sau năm 1917, chúng tôi đã vội cho rằng: nhờ tiếp thu ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga, ... mà tư tưởng Phan đã có sự tiến bộ nhanh và đã thuộc vào phạm trù tư tưởng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản. Vì vậy, mà sau đó, cũng lại thụ hút một số bạn đọc tham gia thảo luận đánh giá tư tưởng Phan-bội-Châu. Gần đây hơn, trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 94 tháng 1-1967, đồng chí Hương-Phổ lại nhắc lại vấn đề và cho rằng nhận định Phan-bội-Châu có tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học là không phù hợp với sự thực lịch sử. Trong quyển sách viết chung với các đồng chí Bùi-dăng-Duy, Nguyễn-đức-Sư (*Tư tưởng chính trị và tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu*), chúng tôi đã có dịp đi sâu phân tích, nhận định lại vấn đề này.

Còn như quyển *Xã hội chủ nghĩa*, mà trong bài tựa có câu: « Đương lúc khối độc mây mù, thỉnh linh có một trận gió xuân thổi tới. Giữa lúc trời khuya đất ngủ, thỉnh linh mà có một tia thái dương mọc ra. Luồng gió xuân ấy, tia thái dương ấy là chủ nghĩa xã hội », thì lại là một quyển sách viết khoảng năm 1935. Nội dung của nó khác với chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là phần kết luận, tác giả cho rằng chủ nghĩa xã hội đã phát sinh ra ở Á đông cách đây 3.000 năm do cái học thuyết đại đồng của Khổng phu tử đã được giải thích trong thiên *Lễ vận* của sách *Lễ ký*. Phát biểu ý kiến về vấn đề này, đồng chí Trần-huy-Liệu đã nói rất đúng rằng: « Đây là một thứ chủ nghĩa xã hội không tưởng hay chủ nghĩa xã hội kiểu Da-tô ». Đồng chí nói tiếp: « Cụ Phan chưa có một quan niệm giai cấp rõ ràng, mà chỉ đầy lòng ưu ái và ham thích nhân đạo, thế thôi ! » (*Nghiên cứu lịch sử* số 47, tháng 2-1963 - bài *Ông già bên Ngự*). Chưa có một tư tưởng giai cấp rõ ràng thì làm sao có thể bảo Phan-bội-Châu có tư tưởng xã hội chủ nghĩa được. Cho nên trong bài nghiên cứu của các đồng chí Nguyễn-ngọc-Tuyên và Hoàng-trung-Thực in trong quyển *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt-nam* (Ban nghiên cứu lịch sử Đảng xuất bản năm 1961) dẫn câu viết ở tựa cuốn *Xã hội chủ nghĩa* trên đây, và bảo từ sau khi được gặp đồng chí đại sứ Liên-xô ở Trung-quốc, Phan-bội-Châu đã nhận thức

được chủ nghĩa xã hội... cũng là một nhận định không phù hợp với sự thực lịch sử. Huống nữa ở đây các đồng chí lại lấy câu viết năm 1935 để nói việc năm 1944.

Tuy vậy, vấn đề Phan-bội-Châu có tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học hay không, cũng còn cần phải trao đổi bàn bạc thêm.

5. Vấn đề thế giới quan triết học của Phan-bội-Châu.

Nói đến tư tưởng triết học tức là nói đến vấn đề thế giới quan triết học. Thế giới quan đó được biểu hiện ở quan điểm chính trị và những hành động cụ thể của con người. Đối với Phan-bội-Châu, về mặt triết học, chưa có một hệ thống tư tưởng triết học riêng biệt, nhưng từ những quan điểm về chính trị, về hành động của Phan, chúng ta cũng thấy được thế giới quan triết học của Phan là như thế nào.

Đồng chí Tôn-quang-Phiệt trong quyển *Tìm hiểu Phan-bội-Châu*... đã đưa ra nhận định: « Căn bản triết học của Phan-bội-Châu là căn bản duy tâm của luận lý đạo nho, pha lẫn với cái phong thái ngang tàng của các người hiệp khách, các người du thuyết thời Xuân-thu, Chiến-quốc, mà cái khuynh hướng nhân bản của Lão Trang cũng không phải là hoàn toàn khách quan đối với ông » (trang 61).

Các tác giả cuốn *Tư tưởng chính trị và tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu* tuy không dành riêng một mục để nói về thế giới quan triết học của Phan-bội-Châu, nhưng trong tất cả các vấn đề mà quyển sách đề cập nghiên cứu đã toát ra khuynh hướng khẳng định thế giới quan triết học của Phan-bội-Châu căn bản là duy tâm, nhưng ở một vài trường hợp cụ thể thì ở Phan-bội-Châu cũng biểu hiện có những yếu tố của chủ nghĩa duy vật. Khác với đồng chí Tôn-quang-Phiệt, các tác giả tập sách này còn tìm thấy ở Phan-bội-Châu vừa có chịu ảnh hưởng triết học cổ đại Trung-quốc, nhưng cũng vừa có chịu ảnh hưởng của các trào lưu triết học tư sản phương Tây nữa.

Trái hẳn với loại ý kiến chủ trương triết học Phan-bội-Châu là duy tâm, đồng chí Lê-sỹ-Thắng trong luận văn *Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu* lại « cho rằng có thể sắp xếp Phan-bội-Châu vào trận tuyến các nhà duy vật vô thần ».

6. Những vấn đề khác về triết học.

Ngoài những ý kiến khác nhau nhận định về thế giới quan triết học của Phan-bội-Châu

trên đây, trong các công trình nghiên cứu về tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu, các đồng chí Bùi-đăng-Duy, Nguyễn-đức-Sự, Chương-Thấu đã trình bày một cách hệ thống ba vấn đề quan điểm triết học của Phan-bội-Châu về tự nhiên, con người và lịch sử.

Về vấn đề bản thể luận, trong luận văn của đồng chí Lê-sỹ-Thắng cũng có đề cập nghiên cứu, mà kết luận là: « Về căn bản, vũ trụ quan của Phan-bội-Châu là duy vật. Nhưng đây là một lập trường duy vật còn rụt rè, chưa thật kiên định, còn để ngõ cửa cho chủ nghĩa duy tâm ».

Đồng chí Lê-sỹ-Thắng còn nghiên cứu Vấn đề phương pháp tư tưởng của Phan-bội-Châu. Trong kết luận về vấn đề này, đồng chí nhấn mạnh mấy điểm: « Trong hoạt động thực tế, Phan-bội-Châu đã thể hiện rõ quan điểm biện chứng về sự thay đổi, phát triển tất yếu của xã hội Việt-nam » và: « Cần phải đánh giá cao phương pháp tư tưởng biện chứng — dù là tư phát — của Phan-bội-Châu ». Điều đặc biệt là đồng chí Lê-sỹ-Thắng cho rằng tư tưởng này của Phan-bội-Châu là do đã tiếp thu một cách có phê phán tư tưởng của Nguyễn-đức-Đạt, một nhà nho lớp trước và là thầy học của Phan.

Đồng chí cũng đã tìm hiểu quan điểm của Phan-bội-Châu về một số vấn đề có liên quan đến qui luật xã hội và khẳng định « Phan-bội-Châu là duy tâm về mặt xã hội học ». Ở đây, đồng chí cũng có xét đến quan niệm của Phan về vai trò quần chúng và cá nhân trong lịch sử. Đồng chí kết luận: « Cụ chưa dứt khoát chỉ rõ rằng quần chúng là lực lượng quyết định lịch sử, nhưng đã chỉ được rằng quần chúng giữ một vai trò tích cực trong sự nghiệp của cá nhân anh hùng » và « trong quan điểm của Phan-bội-Châu về anh hùng, mặt duy vật tiến bộ là chính, nhưng cũng có mặt duy tâm lạc hậu ». Bởi vì: « Cụ thiếu quan điểm giai cấp, đó là điểm hạn chế chính của Phan-bội-Châu trong khi nhận thức về vai trò quần chúng và cá nhân trong lịch sử, cũng là điều hạn chế chính trong toàn bộ nhận thức, tư tưởng của cụ về những vấn đề có liên quan đến khoa học xã hội ».

Vấn đề thứ tư mà đồng chí Lê-sỹ-Thắng nêu lên là Tinh qui luật trong việc hình thành tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu. Đồng chí kết luận bằng hai luận điểm:

« — Nhà tư tưởng Phan-bội-Châu đồng thời phải là nhà cách mạng Phan-bội-Châu và

trong nhà tư tưởng, nhà cách mạng Phan-bội-Châu có nhà triết học hay bóng dáng của nhà triết học. Sự xen kẽ, sự hòa tan của các tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu trong chủ nghĩa yêu nước đậm đà và trong văn chương cũng như trong các tư tưởng chính trị khác của Phan-bội-Châu là một điều có tính qui luật ».

« — Tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu là tư tưởng triết học của chủ nghĩa yêu nước, nhằm phục vụ cho đất nước, cho cách mạng. Với bản chất ấy, tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu không thể mang tính giai cấp tư sản được. Giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam hèn yếu không mang nổi chủ nghĩa yêu nước của Phan-bội-Châu... Nói cho rõ hơn: Phan-bội-Châu đứng trên lập trường của bộ phận tiên tiến nhất trong tầng lớp sĩ phu yêu nước hồi đầu thế kỷ XX ở nước ta, đại biểu cho các lực lượng yêu nước và cách mạng của dân tộc lúc đương thời ».

Như vậy là về tư tưởng triết học, các đồng chí trên đây đã khêu gợi được một số vấn đề và đã đưa ra những kiến giải của mình, nhưng để đi đến thống nhất ý kiến với nhau trong khi phân tích, đánh giá và cả về phương pháp nghiên cứu nữa, chúng ta còn cần phải trao đổi thảo luận nhiều.

Cuối cùng, có lẽ cũng nên « điểm » thêm vào đây bài Tìm hiểu tư tưởng học thuật của Phan-bội-Châu của Thiều-Sơn đăng trên tờ Giáo dục phổ thông Sài-gòn số 43 ngày 1-8-1959 và cũng là bài duy nhất ở miền Nam bàn về tư tưởng Phan-bội-Châu mà chúng tôi có đủ toàn văn. Căn cứ vào quyển Không học đấng mà trong đó Phan-bội-Châu trình bày quan niệm của mình về Nho học, Thiều-Sơn đã tìm hiểu tư tưởng học thuật tác giả và kết luận: « Cụ Sào Nam của chúng ta bốn ba hải ngoại đề mong giải phóng đất nước, nhưng lý tưởng cao nhất của cụ cũng là phải đi tới đại đồng của thánh nhân. Duy có khác là cụ không cố chấp, không hẹp hòi và sẵn sàng bao dung tất cả nhân vật vĩ đại như Phật Thích ca, như chúa Giê-su, như tất cả triết nhân đông tây kim cổ đã gặp nhau trên một điểm là thương yêu và phụng sự loài người để tạo cho nhân loại một thời đại hoàng kim ở tương lai ». Cũng là một ý kiến nhận định về Phan-bội-Châu khá độc đáo. Và theo chúng tôi biết, cũng là một vấn đề mà các nhà học thuật ở miền Nam hiện nay thường hay chú ý khai thác. Thiết tưởng đây lại thêm một vấn đề đáng để chúng ta quan tâm theo dõi, sẵn sàng đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái xuyên tạc Phan-bội-Châu, xuyên tạc lịch sử.

IV — MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐI SÂU NGHIÊN CỨU THÊM

Như phần trên đã nói, Phan-bội-Châu là nhân vật trung tâm của một giai đoạn lịch sử khá phức tạp. Bản thân Phan-bội-Châu cũng phản ánh hiện thực khách quan đó, một con người có nhiều vấn đề, nhiều tư tưởng rất đa dạng và rất phong phú. Nhưng ở Phan chúng ta vẫn chưa phát hiện đầy đủ mọi vấn đề để nghiên cứu, đáng hồ sung tốt hơn cho các ngành khoa học xã hội khi nhận định đánh giá Phan-bội-Châu và phong trào Phan-bội-Châu được toàn diện hơn.

Nếu về các mặt văn, sử, triết... chúng ta đã có được những công trình nghiên cứu khoa học đáng kể, thì một số các ngành khác chúng ta chỉ mới lướt qua hoặc chưa đề cập tới. Theo chúng tôi, để tiếp tục giải quyết tốt hơn vấn đề tình giai cấp của tư tưởng Phan-bội-Châu, của phong trào Phan-bội-Châu, chúng ta không thể không nghiên cứu riêng một chuyên đề về *tư tưởng kinh tế của Phan-bội-Châu*. Vì tư tưởng kinh tế thể hiện một cách rõ rệt nhất nguyện vọng, lợi ích vật chất của một giai cấp. Trong số các tác phẩm của Phan-bội-Châu có không ít những tư liệu về tư tưởng kinh tế của Phan như chủ trương xây dựng công, nông, thương nghiệp, khuyến hướng trọng thương của Phan-bội-Châu v.v... là những biểu hiện tư tưởng kinh tế rất đáng chú ý và nếu nhà nghiên cứu chịu khó đi sâu tìm tòi thì cũng sẽ không kém phần hấp dẫn lý thú.

Tư tưởng quân sự của Phan-bội-Châu cũng biểu hiện khá rõ rệt trong đường lối « liên kết dư đảng cần vương và những tay trắng kiên sơn lâm, dấy nghĩa khởi binh, dùng thủ đoạn bạo động để đánh giặc phục thù » (1) của Duy tân hội do Phan-bội-Châu tổ chức lãnh đạo. Hoặc trong quyển sách nói về *phương lược của đội quân Việt-nam quang phục* mà Phan-bội-Châu tham gia biên soạn mấy chương nói về chủ nghĩa và tôn chỉ, kỷ luật của đội quân Quang phục, không thể không nói lên tư tưởng quân sự của Phan. Hoặc trong cuốn *Trùng quang tâm sử* có nhiều đoạn Phan-bội-Châu bàn về tư tưởng chiến lược, chiến thuật rất hay và rất tài tình. Chúng tôi nghĩ một luận văn bàn về vấn đề này của Phan-bội-Châu, cũng không phải là không có đủ tài liệu để viết.

Vấn đề *quan điểm đạo đức của Phan-bội-Châu* cũng đáng được đặt ra nghiên cứu. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, có một ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta đang tiến hành. Vì rằng một trong những mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là xây dựng một nền đạo đức mới.

Nhưng đạo đức mới đó không thể không có mối quan hệ kế thừa đạo đức cũ. Những quan điểm đạo đức của Phan-bội-Châu đã được phát biểu rải rác trong các tác phẩm của mình, có ý nghĩa như là một sự phủ định đạo đức phong kiến. Các nhà yêu nước đương thời đã quan tâm đến một cách thích đáng việc đưa ra một quan niệm mới về đạo đức, lấy đó làm một trong những biện pháp đánh thức lòng dân. Cái gọi là « truyền thống đạo đức » của dân tộc ta đã được những tư tưởng về đạo đức của Phan-bội-Châu làm rõ nét thêm. Chủ nghĩa anh hùng là một phạm trù của đạo đức, mà như mọi người đều biết, Phan-bội-Châu đã có những quan niệm khá phong phú và tiến bộ về người anh hùng. Truyền thống về chủ nghĩa anh hùng ấy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần chú ý khai thác tốt hơn.

Quan điểm văn học của Phan-bội-Châu. Trước đây đã có nhiều người nghiên cứu văn học, đã từng thấu tóm được những nội dung tư tưởng và nghệ thuật của văn thơ Phan-bội-Châu, đồng thời cũng đã có nhiều luận văn nghiên cứu về những nét, những khía cạnh riêng biệt, nhưng còn một mặt khá quan trọng vẫn chưa đề cập tới. Đó là quan điểm của Phan-bội-Châu về văn học. Ý kiến của Phan về bản chất, nguồn gốc, chức năng của văn học. Nếu lãnh vực này được nghiên cứu, thì rõ ràng việc đánh giá những sáng tác văn học của Phan sẽ được toàn diện và sâu sắc hơn. Trong kho tàng lý luận văn học của nước nhà hẳn Phan-bội-Châu cũng có phần đóng góp.

Quan điểm sử học của Phan-bội-Châu. Trong sự nghiệp sáng tác biên soạn sách báo văn thơ của Phan-bội-Châu, có một số không ít là những quyển sử, liệt truyện, tiểu truyện, trong đó quán triệt một quan điểm về lịch sử và khoa học lịch sử khá tiến bộ. Chẳng hạn như, Phan đã phê phán quan điểm sử học phong kiến, trình bày lịch sử theo lối « hiện niên » « triều đại » mà Phan chỉ trích đó chỉ là những quyển « gia phả » của các họ nhà vua. Phan nói rõ « quốc sử » phải khác « gia sử ». Viết các tiểu truyện, liệt truyện các anh hùng liệt sĩ. Phan cũng có một quan niệm rất khác với nhiều người, như trước khi viết Phan xác định rõ ràng mục đích yêu cầu và trình bày các « người thật việc thật » như thế nào v.v... Đây

(1) *Phan-bội-Châu niên biểu* — Bản dịch của Tôn-quang-Phiệt và Phạm-trọng-Điềm. Nhà xuất bản Sử học. Trg. 43.

cũng là một vấn đề lý thú mà các nhà sử học chúng ta nên đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu thêm.

Thực ra về Phan-bội-Châu, chúng ta còn có nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh có thể đi sâu nghiên cứu, nhất là hiện nay chúng ta đã có trong đối đầy đủ tư liệu về Phan-bội-Châu. Hy vọng rồi đây chúng ta sẽ còn phát hiện và nghiên cứu tốt nhiều đề tài về Phan-bội-Châu hơn nữa.

Trở lên trên, chúng tôi đã đi qua tình hình nghiên cứu Phan-bội-Châu từ trước đến nay bao gồm phần giới thiệu tài liệu gốc — tác phẩm Phan-bội-Châu; các công trình nghiên cứu học thuật về vấn đề Phan-bội-Châu; những vấn đề đã được đặt ra và kiến giải của từng

nhà nghiên cứu cũng là những vấn đề tồn tại khác. Cuối cùng chúng tôi cũng đã gọi thêm một số vấn đề cần đi sâu nghiên cứu thêm. Chúng tôi cũng tự thấy rằng, trong bài « điếm tình hình » này, có thể là chúng tôi chưa nhìn được bao quát mọi mặt và chưa nắm được đầy đủ mọi vấn đề đã được nghiên cứu, nhất là đối với việc theo dõi nắm tình hình nghiên cứu giới thiệu Phan-bội-Châu ở miền Nam, ở nước ngoài. Nhân đây xin thành thật nhận lỗi trước các bạn sự thiếu sót đó và rất mong các bạn tiếp tục bổ khuyết cho.

Tháng 8 năm 1967

Giới thiệu một vài ý kiến...

(Tiếp theo trang 5)

Trở lên trên, tôi đã nêu lên những điếm tiến bộ của cụ Phan-bội-Châu qua những tác phẩm của cụ. Nói như thế không phải chúng ta không thấy những điếm không tiến bộ của cụ. Cụ rất yêu nước thương dân, nhưng vẫn không nhận rõ tinh chất của nhân dân cũng như vai trò của nhân dân. Ví như, trong tiết thứ tư, nói về « sự đáng thương về dân trí nước ta », tác giả đã vạch ra 5 điều rất ngu của dân ta: một là hay nghi kỵ lẫn nhau, không làm nên việc gì; hai là ham thích những điều xa hoa vô ích, bỏ bễ những sự việc đáng làm; ba là chỉ biết lợi mình mà không biết hợp dân; thương tiếc của riêng, không trông đến việc ích chung; năm là biết có thân mình mà không biết có nước. Với năm điếm trên, tác giả không phân biệt hiện tượng với thực chất, kết quả với nguyên nhân. Tác giả thấy một số hiện tượng của đám người « vong quốc nô » dưới chính sách ngu dân và chia rẽ của bọn cướp nước, nhưng quên rằng dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết và anh hùng, lịch sử đã ghi những ngày tô quốc lâm nguy thì cả nước đứng dậy đánh giặc và đã có bao nhiêu người anh hùng hữu danh hay vô danh bỏ mình vì nước. Nếu không thế thì lịch sử hơn bốn nghìn năm của cả nước ta làm sao có được những trang lịch sử vinh quang từ trước, nhất là ngày nay.

Thực ra, có lẽ tác giả Phan-bội-Châu trước cảnh nước mất, sự nghiệp không thành, từ thất bại này đến thất bại khác nên trở ra những dòng bi phần thể thôi, chứ không phải lấy đó để đánh giá nhân dân ta, dân tộc ta.

Một điều rất rõ ràng là: cụ Phan là một người yêu nước thấm thiết, chính do lòng yêu nước mà yêu lịch sử nước mình. Trong các nhà cách mạng tiền bối của ta, Phan-bội-Châu đã biết dùng sử học làm lợi khí tuyên truyền để đi sâu vào tình cảm quốc dân. Do đó, văn chương của Phan có một sức mạnh truyền cảm đối với người đọc hơn là thuyết phục bằng lý trí. Riêng về quan điếm sử học, bên chỗ đánh giá người và việc theo tinh thần yêu nước, Phan có tư tưởng dân chủ — dân chủ tư sản — và đề cao những anh hùng vô danh, chúng ta có thể nói đó cũng là mức tư tưởng tiến bộ nhất trong thời đại bấy giờ. Tuy vậy, vì hạn chế của giai cấp của thời đại nên quan điếm sử học của Phan cũng bị hạn chế, không nắm được qui luật của lịch sử, không thấy rõ vai trò của nhân dân, nhiều khi hăm vào chỗ bế tắc, chỉ còn biết thốt ra những câu văn phần khích, bi tráng.

Chúng ta đánh giá cao lòng yêu nước cùng những tư tưởng tiến bộ của Phan; đồng thời thấy ở Phan một người yêu nước, yêu lịch sử dân tộc, rất gần với chúng ta.

8-1967

THỬ NÊU LÊN MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA PHAN-BỘI-CHÂU

LÊ-SỸ-THẮNG

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc Việt-nam chống ách thống trị của đế quốc Pháp, Phan-bội-Châu là nhân vật tiêu biểu trong những năm đầu của thế kỷ XX.

Trước hết, cụ là một nhà ái quốc, một nhà chính trị có sáng tác nhiều thơ văn, chứ không phải là một triết gia.

Tuy vậy, qua các tác phẩm văn học và qua cuộc đời hoạt động của Phan Sào-Nam, ta vẫn có thể rút ra các quan điểm triết học và xã hội học của cụ. Hơn nữa, rải rác trong các tác phẩm văn học, chính trị và lịch sử mà Phan-bội-Châu để lại, có nhiều câu, nhiều đoạn tuy ngắn nhưng mang rõ tinh chất triết học.

Chúng tôi tin rằng tư tưởng triết học và quan điểm chính trị của Phan-bội-Châu liên hệ chặt chẽ với nhau. Hiểu tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu, chúng ta sẽ hiểu cụ sâu sắc hơn. Không những thế, đây còn là một việc làm cần thiết trong khi nghiên cứu lịch

sử tư tưởng nói chung và lịch sử triết học nói riêng của nước ta, thời kỳ đầu thế kỷ XX, trước khi chủ nghĩa Mác — Lê-nin — trong đó có triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử — du nhập vào nước ta và chiến thắng.

Xuất phát từ ý nghĩ như trên, trong bài này chúng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu các quan niệm của Phan-bội-Châu về:

1. Một số vấn đề có liên quan đến bản thể luận.
2. Phương pháp tư tưởng.
3. Một số vấn đề có liên quan đến quy luật phát triển của xã hội.

Chúng tôi sẽ sai nếu chỉ dừng lại ở chỗ trình bày tư tưởng của Phan-bội-Châu về các vấn đề trên. Bởi vậy, ở phần cuối của bài này, chúng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu tinh qui luật trong việc hình thành tư tưởng triết học của « ông già bến Ngự ».

I — QUAN NIỆM CỦA PHAN-BỘI-CHÂU VỀ BẢN CHẤT THỂ GIỚI VÀ VỀ QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI VỚI TRỜI, GIỮA THỂ XÁC VỚI LINH HỒN

1. Về bản chất thể giới.

Phan-bội-Châu viết :

« Trời đất là do khi ngưng kết lại mà thành ra ».

« Trời đất sinh ra vạn vật » (Việt-nam quốc sử khảo) và :

« Đời Tam hoàng là đương lúc quả đất mới mở mang. gặp được khí lúc đầu nên ôn hòa. Đời Ngũ đế là nhân sau khi quả đất đã mở mang nên hơi nóng. Khi ấy, sau khi đã kiên cường rồi, thì lý tán ra-mà không thống nhất cho nên người đời sau bầm thụ khí ấy càng cạnh tranh càng mãnh liệt. Đến nay thì khí lực quá bạc nhược. Vì bạc nhược, không còn bản

sắc chất phác nữa, nên mới đem hết tinh lực ra mà làm những đồ cơ xảo. Vì bạc nhược, không còn bản sắc thuần hậu nữa, nên mới đem hết tinh lực ra mà đua nhau cạnh tranh...» (Tập ký — Chương-Thâu sưu tầm — chưa xuất bản).

Phan-bội-Châu cho rằng có sáu loại khí là : du khí, trọng khí, sát khí, mẫn khí, điện huyên khí và vô danh khí. Theo cụ, vô danh khí tức là « điện khí của học thuyết Thái tây ».

Trả lời câu hỏi tự nêu lên : « Vì sao ngày xưa Khổng tử không nói đến chữ khí ? » Phan-bội-Châu viết :

« Ngày xưa là thế giới « lý học » nên Khổng tử chỉ tùy thời mà nói lý học. Ngày nay là

thế giới khi học cho nên chúng ta phải biết rõ khí học để bồi bổ cho lý. Đây cũng là một cách hỗ trợ cho Khổng tử. Nhưng khi thì thì, còn lý thì tinh hơn; nếu không có Khổng tử thì chúng ta làm gì biết được chỗ tinh?» (Tập ký).

Thông thường, trong triết học truyền thống của Trung-quốc và Việt-nam, « khí » là phạm trù chỉ thực thể vật chất hoặc có tính vật chất. Trong tư tưởng Phan-bội-Châu, phạm trù « khí » cũng được quan niệm như trong triết học truyền thống đã nói ở trên. Ta có thể khẳng định điều này vì chính Phan-bội-Châu đã giải thích rằng « vô danh khí » tức là « điện khí của học thuyết Thái tây », rằng « khí » có tụ và tán (xin xem trích dẫn ở đoạn nói về linh hồn) và rằng có thể dùng kính hiển vi loại lớn mà nhìn thấy « luồng khí thiên chi 62 tuyến... » (xin xem trích dẫn ở đoạn nói về linh hồn).

Trong lịch sử triết học Trung-quốc và Việt-nam thời cổ đại và cận đại, tùy theo cách giải đáp mối quan hệ giữa « khí » và « lý » mà các nhà triết học thuộc về phe duy vật hay duy tâm. Phan-bội-Châu không giải quyết được trọn vẹn mối quan hệ giữa « khí » và « lý ». Cụ chỉ làm một sự so sánh: « khí » thì thô, còn « lý » thì tinh hơn. Và không nói gì thêm nữa. Tuy vậy, vẫn có thể căn cứ vào những ý kiến mà cụ đã viết để rút ra những nhận xét sau đây về vũ trụ quan của Phan-bội-Châu:

a) Quan niệm « khí » là thực thể vật chất. Thừa nhận « khí » là nguồn gốc của vũ trụ.

b) Nhưng không giải quyết mối quan hệ giữa « khí » và « lý ». Có nghĩa là chưa dứt khoát, triết đề coi « khí » là tinh thứ nhất; chưa dứt khoát, triết đề đặt « lý » phụ thuộc vào « khí ».

c) Đồng thời, còn gán cho « khí » tinh thần diệu: mỗi giai đoạn phát triển của xã hội đều tương ứng với một giai đoạn phát triển của « khí ».

Tổng hợp ba nhận xét trên lại, chúng tôi thấy rằng: Về căn bản, vũ trụ quan của Phan-bội-Châu là duy vật. Nhưng đây là một lập trường duy vật còn rụt rè, chưa thật kiên định, còn để ngõ cửa cho chủ nghĩa duy tâm.

Tình hình cũng giống như vậy, khi Phan-bội-Châu giải quyết các mối quan hệ giữa người với trời và giữa thể xác với linh hồn.

2. Về mối quan hệ giữa người với trời — Quỷ thần và tôn giáo.

Trong các tác phẩm của Phan-bội-Châu, có nhiều chỗ nói đến trời. Ví dụ:

— « Trời đất sinh ra vạn vật, chia ra các chủng tộc » (Việt-nam quốc sử khảo).

— « Không ngờ trời xanh gieo vạ châu Âu... » (Pháp Việt đề huề chính kiến thư).

— « Trong khi ấy, hình như trời đem cái thời cơ rất tốt dành riêng cho người Nhật vậy... » (Pháp Việt đề huề chính kiến thư).

Như vậy, khi thì Phan-bội-Châu dùng chữ « trời » như là trời không có nhân cách; nhưng khi thì cụ lại dùng chữ « trời » như là trời có nhân cách. Nói một cách khác, Phan-bội-Châu thừa nhận sự tồn tại của một ông trời có nhân cách. Và ở đây, lộ ra một mâu thuẫn kịch liệt trong vũ trụ quan của Phan-bội-Châu: Một mặt thì đứng trên lập trường duy vật, coi « khí » là bản chất của vũ trụ, cho rằng khí ngưng đọng lại thì sinh ra trời (không có nhân cách) đất, và trời (không có nhân cách) đất sinh ra vạn vật; mặt khác lại sa vào chủ nghĩa duy tâm khách quan thừa nhận một ông trời có nhân cách và ông trời ấy điều khiển các công việc ở hạ giới. Phan-bội-Châu không hề qui cho « ông trời có nhân cách » công lao sản sinh ra thế giới — công lao ấy, cụ đã quy về cho « khí » rồi — nhưng, « ông trời có nhân cách » kia đã theo cái cửa còn để ngõ trong vũ trụ quan duy vật chưa triết đề của Phan-bội-Châu để mò vào tư tưởng của cụ. Cũng hợp lô-gic thôi.

Về mối quan hệ giữa con người với trời, Phan-bội-Châu viết như sau:

— « Tại châu Á này, kẻ chùng vai mười nước, trải bao phen cơ trời lừa lọc, có nước mất, có nước diệt, có nước dẫu còn mà không đáng kể... » (Pháp Việt đề huề chính kiến thư).

— « Biển cổ do người gây nên, vạn trời theo liền đó... » (Việt-nam quốc sử khảo).

« Thương ôi, trăm sự tại người, Chữ đồng ai dám ngăn rời chữ tâm » (Hải ngoại huyết thư).

— « Lòng người có quyền nắm tắt cả thiên thời địa lợi » (Kinh cáo toàn quốc phụ lão văn).

V.v...

Đặc biệt, chúng tôi chưa thấy chỗ nào Phan-bội-Châu nói đến « mệnh trời » và thừa nhận « mệnh trời ». Theo chúng tôi hiểu, đối với các cụ ta xưa, ba khái niệm « cơ trời », « vận trời » và « mệnh trời » có nội dung không giống nhau, tuy chúng đều là một cái gì có tính chất huyền bí đối với con người. Ở « cơ trời », là cái sức mạnh huyền bí chi phối, sắp xếp các sự kiện; « trời » ở đây có thể là có nhân cách cũng có thể là không có nhân cách, duy có điều chắc chắn là « cơ trời » huyền bí vô cùng, con người không thể nhận thức nổi. Ở « vận trời », lại nổi lên cái tính qui luật hết thịnh đến suy, hết suy đến thịnh trong

sự phát triển của xã hội và tự nhiên, tinh qui luật này cũng do một lực lượng huyền bí đối với con người chi phối, nhưng con người có thể nhận thức được sự tuần hoàn giữa thịnh và suy. Ở « mệnh trời » là cái sức mạnh huyền bí giữ vai trò nguyên nhân của các hiện tượng trong đời sống và xã hội. Với « mệnh trời », chưa chắc làm ác đã bị họa, làm thiện đã được phúc; chưa chắc người tốt sẽ được thưởng, người xấu sẽ bị phạt. Có khi kết quả lại hoàn toàn trái ngược với thuyết nhân quả báo ứng. « Mệnh trời » là một thuyết cực kỳ phản động vì nó xui người ta cúi đầu tuân theo, không dám cưỡng lại định mệnh. Thuyết ấy là lợi khí thống trị của giai cấp phong kiến về mặt tinh thần.

Phan-bội-Châu, không những không hề thừa nhận « mệnh trời » mà còn hết sức đề cao con người, đề cao hành động của con người và nói rõ rằng: trời phải theo người, « vận trời » phải phụ thuộc và đi sau hành động của con người. Không nghi ngờ gì nữa, đây là tư tưởng triết học rất tích cực của cụ, dấu trong một chừng mực nào đó tư tưởng này còn bị hạn chế. Mệnh đề « Thương ôi, muốn sự tại người » cùng với mệnh đề « Lòng người có quyền nắm tất cả thiên thời, địa lợi » đối lập triệt để với câu thơ nổi tiếng và mang tinh chất duy tâm, tiêu cực của Nguyễn Du : « Cho hay muốn sự tại trời... »

Về quỷ thần và tôn giáo, Phan-bội-Châu viết :

— « Phàm những chuyện thiên đường, địa ngục, bùa phép, chay đàn chẳng qua là bọn hiểu sự bịa ra mà thôi. Cái gọi là quỷ thần chẳng qua là khí thiêng liêng ở giữa không gian mà thôi ».

— « Đạo quỷ thần, kinh mà xa ra »,

— « Thuyết báo ứng chẳng qua là cái thuật do đời mặt thế bịa ra... ».

— « Họa phúc không có cửa, chỉ do người ta gây ra thôi » (Tập ký).

và :

« Phật giáo. Đa tổ giáo bản chất giống nhau. Họ tự suy tôn mình lên, tìm điều màu nhiệm, làm việc quái gở, đều lấy thuyết báo ứng làm chủ, sợ người ta không tin, không theo nên bịa ra những thuyết thiên đường, địa ngục. Lại lấy đọc kinh sám hối, nước thánh rửa tội để mê hoặc những hạng đàn bà, con trẻ không biết gì... » (Tập ký).

Như vậy, Phan-bội-Châu :

a) Kịch liệt chống mê tín, dị đoan ; phủ nhận thiên đường, địa ngục ; nghiêm khắc phê phán tôn giáo.

b) Tuy vậy, vẫn còn dành chỗ cho quỷ thần, không triệt để phủ nhận quỷ thần. Phan-bội-Châu đã tìm cách tước bỏ tính chất thần bí của quỷ thần, vật chất hóa quỷ thần. Chính vì vậy mà cụ vẫn giữ lại mệnh đề của Khổng tử nói về quỷ thần « kính mà xa ra ».

c) Cả ở đây nữa, Phan-bội-Châu vẫn đề cao vai trò quyết định của con người : « Họa phúc không có cửa, chỉ do người ta gây ra thôi ».

3. Về mối quan hệ giữa thể xác và linh hồn — « Linh khí ».

Một mặt, Phan-bội-Châu chủ trương coi trọng thể xác, coi trọng cuộc sống trần gian :

« Người ta lúc sống phải xem thân xác ấy như vàng ngọc. Phải làm sao cho thân thể sống ấy thành anh hùng hào kiệt, đến khi chết rồi thì đem chôn đi cũng được, không nên hồi đến làm gì nữa, như thế chẳng tốt hơn sao ? (Tập ký).

Nhưng một mặt khác, Phan-bội-Châu chưa triệt để phủ nhận linh hồn. Theo cụ, linh hồn — cũng giống như quỷ thần — là do một loại khí thiêng liêng nào đó tạo nên.

« Người ta chết là do khí tan đi. Khí tan đi thì làm hồn, cho nên người ta có hồn ». (Tập ký).

Theo Phan-bội-Châu, trên địa cầu có « luồng khí thiên chỉ sáu mươi hai tuyến, thông hành suốt ngày đêm không dứt ». Vẫn theo Phan-bội-Châu, thứ khí thiên chỉ ấy nhỏ hơn điện và có thể nhìn thấy qua « kính hiển vi loại lớn » ; khí ấy trong, đục tùy theo thời khắc ; trẻ con mới sinh ra « hớp được nhiều khí tinh thì thông minh, hớp phải khí đục thì ngu đần ».

Phan-bội-Châu còn thừa nhận rằng non sông có « linh khí ».

* * *

Như vậy, vũ trụ quan của Phan-bội-Châu có chứa đựng nhiều mâu thuẫn :

a) — Quan niệm « khí » là thực thể vật chất có thể nhìn thấy được (qua « kính hiển vi loại lớn ») ; nhưng lại gán cho « khí » tính chất linh thiêng, thần diệu.

b) — Thừa nhận « khí » là nguồn gốc của thế giới ; nhưng lại thừa nhận một ông trời có nhân cách — ông trời này không sản sinh ra thế giới, đã bớt chất tối linh, tối thiêng, nhưng còn giữ một vai trò nhất định đối với đời sống xã hội.

c) — Đề cao vai trò quyết định của con người đối với sự tiến triển của xã hội, phủ

nhận mệnh trời, nhưng còn thừa nhận có một lực lượng huyền bí nào đó tham gia vào sự tiến triển của xã hội, dù là ở địa vị thứ yếu, phụ thuộc vào con người.

d) — Phủ nhận thiên đường, địa ngục, bài trừ mê tín dị đoan như vậy cũng là phủ nhận quỷ thần —; nhưng chưa phủ nhận quỷ thần một cách thật triệt để vì còn giữ lại mệnh đề « Quỷ thần, kính mà xa ra » của Khổng tử.

đ) — Coi trọng thể xác, coi trọng cuộc sống trần gian, thực chất là phủ nhận con người có một cuộc sống thần bí nào đó sau khi đã chết; nhưng lại cho rằng sau khi người ta chết thì linh hồn còn tồn tại — dù rằng linh hồn ấy chỉ là do chất « khí » thần diệu tạo thành.

Phan-bội-Châu đã dựa vào phạm trù « khí » mà xây dựng vũ trụ quan của mình. « *Chính mâu thuẫn trong quan niệm « khí » đã quán xuyên, đã tạo nên các mâu thuẫn trong toàn bộ vũ trụ quan của Phan-bội-Châu.* »

Dấu sao, sau khi đã vạch ra sự hạn chế của cụ, chúng tôi cho rằng hoàn toàn có thể sắp xếp Phan-bội-Châu vào trận tuyến các nhà duy vật và vô thần.

Tại sao lại không? — Trong lịch sử triết học cũng đã từng có những nhà duy vật không thoát khỏi những hạn chế mà Phan-bội-Châu mắc phải. Như Ta-lét thời Hy-lạp cổ đại, như Lão tử, Hoài-nam tử trong lịch sử Trung-hoa xưa, v.v...

Chúng tôi cho rằng: vũ trụ quan của Phan-bội-Châu rất gần gũi với vũ trụ quan của Lão tử và Hoài-nam tử. Đương nhiên, Phan-bội-Châu đã đưa vào đó một vài tri thức mới, như sự hiểu biết sơ lược về điện và về kính hiển vi.

Phạm trù triết học cơ bản của Lão tử là « đạo ». Ở Lão tử, « đạo » chứa đựng nội dung duy vật chủ nghĩa. Nhà triết học duy vật cổ đại Trung-quốc này đã giải thích sự hình thành của vũ trụ theo công thức « một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật ».

Một = khí

Hai = âm, dương

Ba = trời, đất và người.

Phan-bội-Châu đã không lập lại y nguyên công thức của Lão tử. Nhưng, nếu ta giữ nguyên ý và đặt lại câu « trời đất do khí ngưng tụ lại mà thành » trước câu « trời đất sinh ra vạn vật » thì ta sẽ có công thức « khí sinh ra trời đất, trời đất sinh ra vạn vật » rất gần gũi với công thức của Lão tử.

Người kế thừa và phát triển tư tưởng của Lão tử, là Hoài-nam tử (Luu-an) đời Hán có nói về « khí » như sau :

... « Trời chưa thành hình, chờn vờn phát phối, thăm thẳm trống rỗng, cho nên gọi là « thái thủy ». Đạo bắt đầu từ khoảng không, khoảng không sinh ra vũ trụ, vũ trụ sinh ra khí, khí có bờ bến. Trong và nhẹ, thì bay lên làm trời; đục và nặng thì đọng xuống làm đất. Trong thì dễ động lại, đục thì khó kết lại, cho nên trời thành trước, đất rắn lại sau. Trời đất giao cảm thì gọi là âm dương... » (« Hoài-nam tử » — thiên Văn huấn).

Lại nói :

... « Xưa kia, khi chưa có trời đất, không dáng không hình, thì chỉ là mờ mờ mịt mịt, lan man trống rỗng, không biết cửa nó ở đâu. Có hai thân (tức là âm, dương — LST) lẫn lộn sinh ra, sắp xếp trời đất, sâu xa không biết đâu là cùng, rộng rãi không biết đâu là hết. Từ đây, chia ra âm dương, vạch ra 8 cõi, cương với như phối hợp với nhau muốn vật mới thành hình ». (« Hoài-nam tử » — thiên « Tinh thần huấn »).

Hoài-nam tử cũng phủ nhận quỷ thần. Theo ông, không có quỷ thần; chỉ những người tầm thường không có kiến thức mới tin quỷ thần; quỷ thần là do những người « cao minh » căn cứ vào những hiện tượng thú vật kỳ lạ có thật mà suy diễn thêm ra.

Đĩ nhiên, đến một lúc nào đó, Phan-bội-Châu đã tự đọc lấy các tác phẩm kinh điển của Nho giáo cũng như các tác phẩm của Lão tử, Hoài-nam tử và các tân thư. Nhưng, ở Việt-nam ta, quan hệ sư đệ có ý nghĩa khá sâu sắc trong việc hình thành tư tưởng và phong cách một kẻ sỹ. Chính vì vậy, chúng tôi muốn thử đối chiếu tư tưởng của Phan-bội-Châu với tư tưởng của một trong những thầy học của cụ, Nguyễn-đức-Đạt, hiệu Nam-sơn. Sở dĩ chúng tôi chọn Nam-sơn Nguyễn-đức-Đạt, còn vì đây là một vị đại nho của thế kỷ thứ XIX ở nước ta.

Và phải thừa nhận là có nhiều điểm tương đồng giữa Nguyễn-đức-Đạt và Phan-bội-Châu trong quan niệm về Trời, Người và Quỷ thần. Nguyễn-đức-Đạt cũng cho rằng « mệnh » phải đi sau hành động của người :

... « Minh làm ra trước, sau mới đến mệnh ». (Nam-sơn tùng thoại—Vạn số—2*).

Rằng: Con người—bằng cách hành động đúng lý (quy luật) thì sẽ thắng được số :

... « Hỏi : — Vậy có số không? »

Trả lời : — Lý hay thắng số. Vì như đồ dùng sắp đầy thì đừng đổ cho đầy, sẽ không tràn được... (Xuất sử như trên).

Rằng: không nên tin ở các «điềm» báo trước việc lành, dữ:

... «Hoặc hỏi: — Kinh Thi xưng tụng «phượng múa», sách Sử chép «lúa tốt»; nhà Ngủ, nhà Chu thịnh trị đã có điềm báo trước phải không?»

Ông trả lời: — Bát Nguyên, Bát Khải, Chu công, Thiệu công là người đẹp loạn; trong triều có người hiền thì dầu nước lụt đầy trời, gió bão nhổ cây cũng không tổn hại cho trị đạo, Cung công, Hoan-dâu, Quán thúc, Sái thúc là bọn làm loạn; dầu phượng múa ngoài sân, ngọn lúa liền bông cũng không khỏi loạn được». (Nam-sơn tùng thoại — Vận số — 28).

Nguyễn-đức-Đạt cũng đã một mặt đề cao con người, nhưng mặt khác lại nói rõ rằng nhân sinh họa phúc một nửa do người tự tạo ra, một nửa lại do tại số mệnh. Như vậy: mâu thuẫn trong tư tưởng của Phan-bội-Châu về mối quan hệ giữa Người — Trời cũng đã từng tồn tại trong tư tưởng Nguyễn-đức-Đạt một cách đậm nét hơn. Nhưng đứng trên lập trường bảo vệ lợi ích giai cấp phong kiến, Nguyễn-đức-Đạt lại cho rằng số giàu sang hay nghèo hèn là không thể thay đổi được:

... «Hoặc hỏi: — Phú quý, bần tiện có thể đổi số không?»

Trả lời: — Số không thể đổi được; nếu đổi được, không phải là số. Không có phận mà phát đạt, cũng như cây cỏ trong rừng, hoa lá mùa đông, dầu đẹp nhưng không bền; người có đạo mà bị khốn cùng, cũng như cây trúc, cây tùng gọi sương mà đề phúc cho con cháu. Lành dữ, thừa trừ, đều là mệnh cả...» (Xuất sử như trên).

Phan-bội-Châu đã không hề sa vào quan điểm phản động vừa kể trên của Nguyễn-đức-Đạt. Phan-bội-Châu đã thẳng tay gạt bỏ những quan điểm trái với lợi ích động viên nhiệt tình cứu nước và trái với việc khơi động tinh thần bất khuất của dân tộc. Vũ trụ quan của Phan-bội-Châu là một vũ trụ quan đậm lòng yêu nước. Triết học của Phan-bội-Châu là triết học của chủ nghĩa yêu nước. Không có gì là lạ cả: Phan-bội-Châu là một nhà ái quốc vĩ đại của nước ta, là tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước của dân tộc ta trong hàng chục năm đầu thế kỷ thứ XX này.

II — NHỮNG NHÂN TỐ BIỆN CHỨNG TỰ PHÁT TRONG PHƯƠNG PHÁP TƯ TƯỞNG CỦA PHAN-BỘI-CHÂU

Điềm nổi bật trong phương pháp tư tưởng của Phan-bội-Châu là phép biện chứng tự phát. Phép biện chứng tự phát ấy có một số điểm xuất sắc vượt hẳn trình độ của sĩ phu phong kiến đương thời cũng như các tiên nho trước.

Phan-bội-Châu cho rằng không có sự vật, hiện tượng nào cứ y nguyên như thế mãi, mà luôn luôn có đổi thay biến chuyển:

«Việc đã qua có ngày trở lại, đường đời thay đổi đương gặp hồi bĩ cực thái lai.

«Hệ cơ mĩ ất có lúc duỗi ra...» (Kinh cáo toàn quốc phụ lão văn).

và

«Tuy vậy, tôi nghĩ: «Trong trời đất này có bao giờ con nước thủy triều đã rút xuống rồi mà không lên lại, và có bao giờ cuộc đời này, một cục diện đã thành rồi là vĩnh viễn không thay đổi nữa đâu!» (Vào ngục Quảng-châu).

Đến đây, chưa có gì mới. Nếu chỉ dừng tại đây, thì Phan-bội-Châu vẫn chưa vượt khỏi tư tưởng «bĩ cực, thái lai» và «âm thịnh, dương suy» — tóm lại là tư tưởng thừa nhận sự có thay đổi, thay đổi trong vòng tuần hoàn — của nho giáo cũng như các tiên nho Việt-nam có tư tưởng biện chứng tự phát. Phan-bội-Châu

đã tiến xa hơn. Chịu ảnh hưởng thuyết tiến hóa của Đác-uyn, cụ cho rằng xã hội Việt-nam ta đã tiến hóa qua sáu giai đoạn: động vật, động vật tiến sang dã man, dã man, từ dã man tiến đến khai hóa, khai hóa, khai hóa có xu hướng tiến lên văn minh. Vượt ra khỏi những trước tác của Phan-bội-Châu để lại, đi vào xem xét bản thân cuộc đời hoạt động của cụ, chúng ta có thể thấy rõ thêm quan điểm biện chứng của cụ về sự phát triển. Trước sau, cụ vẫn đầy lòng tin rằng tình trạng bị thống trị của nước nhà nhất định sẽ thay đổi, rằng cái «sự đã thành» là sự mất nước không phải là «nhất thành bất biến». Mặt khác, cụ đã luôn luôn thay đổi chủ trương cụ thể. Ở cụ các chủ trương cứu nước cũng không phải là «nhất thành bất biến». Phan-bội-Châu thuộc về thế hệ các nhà yêu nước tiền bối sống đầu thế kỷ thứ XX được lịch sử giao cho nhiệm vụ đi tìm đường giải phóng dân tộc. «Chạy vạy mấy chục năm trời», cụ toàn gặp thất bại và đã không tìm thấy con đường giải phóng, con đường cách mạng đúng đắn. Nhưng vượt qua tất cả các nhà yêu nước cùng thế hệ, Phan-bội-Châu đã «chạy vạy» nhiều hơn cả, đã có gan luôn luôn thay đổi chủ trương đường lối của mình. Đúng hay sai, đó là một vấn đề khác; ở đây, chúng ta đang quan tâm đến cái

phương pháp biện chứng biểu hiện trong hành động thực tế của cụ: Trong hoạt động thực tế, Phan-bội-Châu đã thể hiện rõ quan điểm biện chứng về sự thay đổi, phát triển tất yếu của xã hội Việt-nam. Đó là một điều rất hay.

Vẫn trong phạm vi còn hạn chế, còn ở mức cảm tính, Phan-bội-Châu nhìn nhận mâu thuẫn của sự vật. Về chính trị, cụ luôn luôn kiên trì rằng dân tộc ta và đế quốc Pháp là không thể cùng đội chung trời. Chính vì vậy, cho nên đầu một lúc nào đó có phạm sai lầm cụ thể về chủ trương đường lối (ví dụ: có lúc nêu lên « Pháp Việt đề huề »), Phan-bội-Châu vẫn là nhà cách mạng — xét trong toàn bộ.

Phan-bội-Châu là người đầu tiên đã thấy và có sự phân tích một số mâu thuẫn trong nội bộ hàng ngũ giặc. Sự phân tích này cố nhiên chưa sâu, nhưng cụ đã có làm. Chẳng hạn, cụ đã chỉ ra mâu thuẫn giữa « linh tập » với đế quốc, giữa bọn Việt gian với quan thầy chúng. Cụ cũng là sĩ phu đầu tiên đã vạch ra mâu thuẫn giữa đồng bào công giáo với đế quốc Pháp. Thấy được như vậy, là một điểm tài tình và tiên tiến của Phan-bội-Châu, so với những người đương thời với cụ.

Phan-bội-Châu chưa bao giờ viết hoặc nói đến phạm trù mâu thuẫn, cũng không thể tự giác phát hiện hoặc nắm được quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập. Tất nhiên, cụ cũng đã không thể nào hiểu sâu sắc sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập trong những điều kiện nhất định. Nhưng, cụ đã có nói đến, viết đến khá rõ về sự chuyển hóa ấy. Dưới đây là một số thí dụ:

— *Hư, thực; tiến, thoái chuyển hóa lẫn nhau.*

... « Hư thì làm ra thực. Thực thì làm ra hư. Ấy là binh pháp. Chúng ta, từ sáng đi về phía rừng xanh, tới đến đây, người dọc đường không ai biết. Quân giặc thế nào mà chẳng đi về các làng sơn cước để mà tìm ta. May làng núi thưa thớt không liền nhau. Khi đi qua làng này, ta nên thấp đuốc mà đi... Thế rồi chúng ta tắt đuốc, ngậm tăm mà quanh trở lại làng đồng... Giặc có thể đoán ta đi vào, không thể ngờ ta đi ra... Không thấy tung tích chúng ta, giặc tắt lại chuyển đi chỗ khác, thì ta đã đi xa rồi. Ta chỉ đi trước nó chừng một buổi thì bình yên vô sự thôi; như thế gọi là lấy thoái làm tiến ». (Lời ông Châu trong « Trùng quang tâm sử »).

Ở đây, điều kiện để lấy « thoái » làm « tiến » là: khéo nghi binh.

— « Có » chuyển thành « không », « sinh » chuyển thành « sát ».

... « Tôn chỉ nhà Phật rất là sáu kín, không thể bàn được. Nói không mà có khi có; nói có, mà có khi không. Bảo không mà không có cái không; bảo có mà lại không có cái có ».

và

« Chân lý đạo Phật bao hàm muôn có. Giết cái đáng giết là lấy sát làm sinh; sinh cái không đáng sinh thì lấy sinh làm sát. Có khi sát cái sát, sát đó tức là sinh; có khi sinh cái sinh, cái sinh đó lại chuyển thành sát. Khi nào biết rõ được cái lẽ mầu nhiệm ấy của nhà Phật, thì không sinh cái sinh, không sát cái sát. Sát cái sinh ra sát, sinh cái sát mất sinh; bốn mặt tám phương, đầu đầu cũng đạo... ». (Lời ni cô Liên trong « Trùng quang tâm sử »).

Ở đây, điều kiện để « có » và « không », « sinh » và « sát » chuyển hóa lẫn nhau là: thấu rõ lẽ mầu nhiệm của đạo Phật, sinh sát đúng đạo lý.

Còn có thể trích dẫn thêm nữa, nhưng chúng tôi dừng lại ở đây. Đề chuyển sang xem xét hành động thực tế của Phan-bội-Châu có liên quan đến vấn đề lý luận mà chúng ta đang nói tới: Trong sự nghiệp cách mạng của mình, Phan-bội-Châu đã rất chú ý tranh thủ ngoại viện. Cụ đã đi tìm sự giúp đỡ từ Nhật đến Trung-quốc, Đức, Xiêm-la (theo danh từ FBC dùng) và các nước châu Á khác. Cụ cũng đã chuẩn bị đề liên lạc với Liên bang Xô-viết. Nhưng, bao giờ Phan-bội-Châu cũng chú trọng trước tiên đến việc bồi bổ thực lực của mình. Trong tư tưởng chính trị của Phan-bội-Châu « ngoại viện chỉ làm thanh thế cho bên trong » (Phan-bội-Châu niên biểu). Và Phan-bội-Châu đã lý giải quan điểm trên theo lối suy nghĩ biện chứng của mình như sau:

... « Rõ ràng là ý lại vào người thì không bằng tự cường lấy ta. Bởi vì tự cường thì khí thế của mình mạnh; khi thế mạnh thì chuyển yếu thành mạnh (do tôi nhấn mạnh — LST). Ý lại vào người thì khi thế yếu; khi thế yếu thì hóa mạnh thành yếu » (do tôi nhấn mạnh — LST) (Việt-nam quốc sử khảo).

Trở về trên, chúng tôi đã trình bày những điểm nổi bật trong phương pháp tư tưởng biện chứng tự phát của Phan-bội-Châu.

Giờ chúng tôi muốn nói thêm một điểm nữa: Phan-bội-Châu cho rằng « Xu hướng của tình thế sẽ phải như thế nào thì cái kết quả của sự thực cũng không thể khác được » (do tôi nhấn mạnh — LST) và:

« Vì đại thiệt, xã hội đức nên anh hùng, anh hùng tạo nên thời thế, vì có nhân mà được quả, rồi do quả lại sinh ra nhân... » (do tôi nhấn mạnh — LST) (Trùng quang tâm sử).

Nói một cách khác, Phan-bội-Châu đã cảm thấy sự vật phát triển một cách có quy luật;

đồng thời, cụ cũng đã cảm thấy một cách biện chứng mối quan hệ nhân quả trong sự phát triển.

Nguyễn-Đức-Đạt, trong các tác phẩm của mình, đặc biệt là trong « Nam-sơn tùng thoại » đã có nhiều nhận xét thể hiện rõ tư tưởng biện chứng tự phát. Cụ cũng thừa nhận « sự vật biến hóa không ngừng », cũng đã thấy mối quan hệ giữa các mặt trái ngược nhau trong sự vật. Có thể trích dẫn hàng loạt câu. Xin đưa ra một câu làm ví dụ :

« Lợi hại có ráo rở ; họa phúc có giao tiếp ; nó biến hóa không ngừng, sâu xa không lường được. Người ta ai cũng biết lợi là lợi, bệnh là bệnh. Có biết đâu trong lợi có bệnh, trong bệnh có lợi... » (Nam-sơn tùng thoại — Văn số — 28)

III — QUAN ĐIỂM CỦA PHAN-BỘI-CHÂU VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

1. Biểu hiện tập trung của quan điểm duy tâm về mặt xã hội học của Phan-bội-Châu.

Muốn xem xét một nhà tư tưởng là duy vật hay duy tâm trong xã hội học, việc quyết định nhất là phải xem ông ta đã giải quyết mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội như thế nào.

Phan-bội-Châu chưa hề dùng các khái niệm « tồn tại xã hội », « ý thức xã hội », cũng chưa hề đặt vấn đề xem xét mối liên hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Tuy vậy, qua các điều mà cụ đã phát biểu về nguyên nhân mất nước, về tội ác của giặc Pháp, về vai trò của quần chúng và cá nhân anh hùng, về dân quyền, dân trí, về tương lai đất nước, v.v... và qua cả các chủ trương cách mạng của cụ nữa, ta vẫn có thể tìm hiểu được điều cần tìm hiểu.

Mục đích cuối cùng của toàn bộ trước tác của Phan-bội-Châu là thức tỉnh, kêu gọi nhân dân cứu nước. Để làm việc đó, Phan-bội-Châu bị lịch sử quy định phải tìm hiểu và nói cho mọi người rõ : vì sao mà một dân tộc anh hùng bất khuất như dân tộc ta lại mất nước ? Kẻ thù của dân tộc ta là ai, vì sao nó đến cướp nước ta và đặt được ách thống trị tàn khốc lên đầu dân ta ? Muốn giải phóng dân tộc thì phải làm gì ? Tương lai của đất nước sẽ như thế nào ? Chính là qua bốn vấn đề kể trên mà chúng ta có thể tìm thấy quan điểm của Phan-bội-Châu về mối liên quan giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Để tập trung vào một ví dụ, xin lấy vấn đề mà Phan-bội-Châu đã nói đến nhiều nhất. Đó là vấn đề : « Nguyên nhân mất nước » (theo cách giải đáp của Phan-bội-Châu). Phan-bội-Châu viết :

Như chúng tôi đã trình bày ở phần I, Nguyễn-Đức-Đạt thiếu triết để trong việc phủ nhận số mệnh. Cái câu « số không thể đổi được » không những thừa nhận số mệnh mà còn mâu thuẫn với luận điểm « sự vật biến hóa không ngừng » cũng của Nguyễn-Đức-Đạt. Phan-bội-Châu, đã một mặt thì tiếp tục tư tưởng biện chứng tự phát, một mặt thì loại bỏ nhân tố siêu hình và phản động của thầy học mình.

Cuối cùng, cả ở đây nữa, cả ở phương pháp tư tưởng của Phan-bội-Châu nữa, vẫn nổi lên lòng yêu nước chưa chan, nổi bật lên lòng tin tưởng sắt son rằng nước ta, dân ta nhất định sẽ thoát khỏi gông xiềng nô lệ.

... « Người Việt lúc bấy giờ tự coi là mẫn túc, óm vàng vênh vào, ếch ngồi đáy giếng không trông thấy trời, vẫn vui chơi, vô yên nghĩ, ngày càng thậm tệ. Trong khi ấy, về chính giáo thì chưa chắt hủ lậu, mọi việc đều mô phỏng Minh, Thanh ; vẫn nhân thì khi khi theo sách cũ, tự khoe đặc chí, vũ sỹ thì cốt ở cò trống mỹ quan, cón quyền coi như trò chơi, tự cho là không ai hơn được. Đáng bỉ hơn hết là ức chế dân quyền, coi thường dư luận, phạm hàn việc quốc gia đại sự, nhân dân chỉ được ở ngoài hời rồi than thở... »

... Đến khoảng đầu Tự Đức, thấy nước Việt-nam quả là đã man, chính giáo, dân quyền ngày càng bị bức đoạt, công luận không được mở rộng, nó biết là lúc Việt-nam sắp mất... đánh Đà-nẵng, ba năm không hạ được, bỏ đi. Từ khi người Pháp thất ý ở Đà-nẵng thì chưa phân, ngầm mưu, thêm muốn lại càng quá quắt. Đây là nguyên nhân chính đầu tiên của người Pháp lấy Việt-nam vậy ». (Việt-nam vong quốc sử).

Lại viết :

... « Nghĩ đến lý do nước ta bị mất, duyên cớ dân ta bị khổ là vì có hai cái bệnh : « ngu và yếu... »

Sở dĩ « ngu và yếu » là vì :

... « — Không có đường lối mở mang trí khôn cho dân ;

— Không có quyền hành cổ võ khi thế cho dân ». (Hiệu triệu Đông du).

Trong tác phẩm « Việt-nam quốc sử khảo », Phan-bội-Châu lại nêu ý kiến sau đây :

... « Nhìn chung lại, nước ta bị diệt vong do

rất nhiều điều tệ, tội nhiều không kể hết. Nhưng trong đó có bốn tội lớn:

- Một là ngoại giao hẹp hòi,
- Hai là nội trị hủ bại,
- Ba là dân trí bế tắc,
- Bốn là vua tôi trên dưới tự tư tự lợi.

Thực ra, tất cả các ý kiến của Phan-bội-Châu về nguyên nhân mất nước đều đúng. Nhưng cụ chưa nói được cái cốt lõi nhất. Cụ mới thấy và chỉ nêu lên được những nguyên nhân thuộc về ý thức tư tưởng và thuộc về thượng tầng kiến trúc của xã hội.

Tình hình cũng giống như vậy, khi Phan-bội-Châu thử đặt ngược vấn đề, nêu lên những giả thuyết theo đó nước ta sẽ không mất:

... « Nếu Việt-nam lúc bấy giờ biết lo tu chỉnh về quân chính, mở rộng dân quyền, vua tôi trên dưới đều mạnh mẽ, mưu trí nước, nghiên cứu sâu trí học của ngoại dương, tẩy trừ khuôn khổ hủ lậu... nước còn có thể phấn chấn lên được. Nhưng, nước Việt-nam mơ màng đời mất ngủ, uể oải một thân bệnh, tôn quân quyền, ức dân quyền, trọng hư văn, khinh võ sỹ, trộm cướp rình mò ở sân mà vợ con say hát trong nhà, chủ nhân nằm trên giường luôn luôn ngáp dài mỗi một... » (Việt-nam quốc sử khảo).

... « Nếu như nước ta hồi đó (sau điều ước Véc-xây — LST) có những kẻ sỹ am hiểu tình hình Tây phương, thông đạt biến cố ở đời, nhân điều ước đó làm cái đà đi trước, kết nạp những người Tây, dùng công pháp ràng buộc nhau, lấy nghĩa lý mà tiếp đãi nhau, đòi họ theo đúng lợi ích trong việc trao đổi đồ, mở rộng thương cảng, đón mời thuyền các nước vào, cử người du học, du nhập văn minh, tri thức, binh pháp, học thuật, kinh tế, chính trị... việc gì cũng đòi mới thì từ đầu thời Gia-long đến giữa thời Tự-Đức mà muốn đạt đến mức độ văn minh phú cường có quy mô xấp xỉ như Nhật, Anh cổ nhiên không phải việc khó. Như thế thì người Pháp làm gì được ta? »... (Việt-nam quốc sử khảo).

Như vậy, dù đặt xuôi hay lật ngược vấn đề, Phan-bội-Châu vẫn chỉ thấy và thời phỏng các nguyên nhân thuộc về ý thức tư tưởng và về thượng tầng kiến trúc của xã hội (nền chính trị, chính sách của triều Nguyễn v.v...). Cụ đã không hề đề cập tới cơ sở kinh tế của nước ta và nước Pháp đương thời. Thế mà, chỉ có đi vào nền kinh tế phong kiến đang sụp đổ, vào giai cấp phong kiến đã trở nên cực kỳ hủ bại, vào mâu thuẫn đã trở nên không sao điều hòa nổi giữa giai cấp phong kiến và giai cấp nông dân ở nước ta, đồng thời đi vào

nền kinh tế đế quốc chủ nghĩa và giai cấp tư bản Pháp lúc đương thời, mới có thể vạch được cái nguyên nhân sâu xa nhất của việc ta mất nước.

Không, chúng ta không đòi Phan-bội-Châu có một sự phân tích sâu sắc và khoa học về bản chất xã hội Việt-nam cũng như bản chất xã hội Pháp đương thời. Chúng ta cũng không đòi Phan-bội-Châu tiến hành một sự phân tích giai cấp sâu sắc. Vấn đề là ở chỗ Phan-bội-Châu đã thời phỏng và chỉ đề cập đến những nguyên nhân thuộc ý thức xã hội, và như vậy là cụ đã đứng trên quan điểm duy tâm về mặt xã hội học.

Quan điểm duy tâm về mặt xã hội học của Phan-bội-Châu tập trung trong các kiến giải của cụ về dân trí. Đối với Phan-bội-Châu, dân trí thấp kém là bệnh căn số một của đất nước, đồng thời, nâng cao dân trí là phương thức số một (không phải là duy nhất) để chữa lành vết thương của tổ quốc. Cụ viết:

... « Dân quyền được tôn trọng là do dân trí đã lên ». (Việt-nam quốc sử khảo).

Và:

... « Nền cộng hòa của nước Pháp, nước Mỹ là do dân trí mà có; nền lập hiến của Nhật, Anh, Đức, cũng do dân trí mà ra... » (Việt-nam quốc sử khảo).

Và nữa:

... « Tại sao người nước ta không biết như vậy? (giảm hủ tục để có đủ tiền quyền góp vào những việc công ích — LST). Chi vì nghi ngờ ghét bỏ lẫn nhau thôi ». (Sách đã dẫn).

Dân trí là cơ sở của dân quyền; dân trí là cái sản sinh ra chế độ cộng hòa ở các nước tư bản; dân trí quyết định sự hưng vong của một quốc gia; dân trí là cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với việc mở mang kinh tế và phát triển văn hóa: *vị trí của ý thức tư tưởng đã được thời phỏng lên; ý thức xã hội đã trở thành cái quyết định tồn tại xã hội; chủ nghĩa duy tâm về mặt xã hội học của Phan-bội-Châu đã bộc lộ tập trung ở đây.*

Xuất phát từ chỗ thời phỏng vai trò của dân trí, nhân tâm, Phan-bội-Châu đã:

a) Căn cứ vào trình độ văn hóa tinh thần để phân chia giai đoạn phát triển của xã hội Việt-nam trong lịch sử.

Cụ chia « nhân loại học » nước ta làm 6 thời đại: — *động vật* (người ta còn « ăn lông uống máu ») — *động vật tiến sang dã man* (« văn tự đã hơi biết », « tục man rợ ở núi rừng » còn tồn tại) — *dã man* (đã biết văn tự nhưng chỉ chuộng phù hoa, « đua các lối dã man ») — *dã man tiến lên khai hóa* (tân học chưa vào, có

người chống tân học nhưng cũng có kẻ tiến tiến muốn xuất dương và chủ trương học tập văn hóa Tây phương — khai hóa (đã được gió mưa Âu Mỹ thức tỉnh, đã có người xuất dương) — khai hóa xu hướng lên văn minh (đoàn thể đã được củng cố, «trình độ» sẽ ngày càng được nâng cao).

b) Căn cứ chủ yếu vào một số nhân tố tư tưởng, tinh thần (như lòng biết ơn, chí trả thù, tin ngưỡng, lòng ưu thời mẫn thế, tri sáng suốt, việc biết rõ thời thế, v.v...) để làm tiêu chuẩn phân chia nhân dân ra làm những tầng lớp khác nhau. (Xin xem sách «Việt-nam quốc sử khảo»).

Phan-bội-Châu đã không thoát khỏi chủ nghĩa duy tâm về mặt xã hội học. Phan-bội-Châu đã thổi phồng vai trò của dân trí trong đời sống và sự phát triển của xã hội. Việc làm của Phan-bội-Châu cũng đã thể hiện rõ nhận thức, tư tưởng của cụ: Trong suốt cuộc đời của mình, Phan-bội-Châu đã «khẩn cò, mỗi hơi» thức tỉnh nhân dân bằng văn chương của bản thân và bằng việc đưa thanh niên xuất dương cầu học. Tinh lực của Phan-bội-Châu dồn gần hết vào hai công việc đó; khiến cho công tác «mở mang dân trí» vượt xa công tác tổ chức và rèn luyện nhân dân đấu tranh.

Phan-bội-Châu không sai khi tích cực làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Trong công tác cách mạng, tuyên truyền, giáo dục là công tác đi đầu. Cái sai của Phan-bội-Châu là ở chỗ không tiếp tục công tác tuyên truyền, giáo dục bằng một công tác tổ chức mạnh mẽ và có kế hoạch, là ở chỗ không nghĩ đến việc tập dượt và đưa đông đảo nhân dân lên đường đấu tranh một cách có kế hoạch. Mỗi chữ mỗi dòng mà Phan-bội-Châu đã viết đều chứa chan lòng yêu nước, ngùn-ngụt lửa căm thù, đều lâm ly thống thiết, có sức hấp dẫn lạ thường. Phan-bội-Châu đã có công lớn nhất trong việc duy trì và bồi dưỡng lòng yêu nước của nhân dân ta trong buổi giao thời của cách mạng Việt-nam. Những năm đầu của thế kỷ XX, trước khi giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị. Chúng ta phê phán quan điểm duy tâm về mặt xã hội học của Phan-bội-Châu, nhưng đánh giá cao công lao tuyên truyền, giáo dục của cụ.

2 — Về vai trò quần chúng và cá nhân trong lịch sử.

Phan-bội-Châu đã luôn luôn đề cao vai trò của đông đảo quần chúng, — trong các trước tác của cụ, theo cụ, sự nghiệp của mỗi cá nhân anh hùng lỗi lạc phải có hàng triệu anh hùng vô danh khác góp vào thì mới thành công được. Phan-bội-Châu thường chê trách

những ai không nhớ đến các anh hùng vô danh ấy. Cụ chưa dứt khoát chỉ rõ rằng quần chúng là lực lượng quyết định lịch sử, nhưng đã chỉ được rằng quần chúng giữ một vai trò tích cực trong sự nghiệp của cá nhân anh hùng:

«Vua Trùng-quang thua, vua Lê Thái-tổ nổi dậy đã quét sạch bọn giặc Ngô, khôi phục bờ cõi. Người đọc sử đều biết được công đức to lớn của vua Lê Thái-tổ là vị anh hùng bậc nhất của nước ta. Nhưng bao nhiêu anh hùng thất bại, anh hùng vô danh đã có công tìm đường xé lổ, vỡ núi dọn gai đi trước để dẫn ra bực anh hùng lừng lẫy ấy, thì quốc dân ta không một ai biết mà nói đến. Quả làm thay! ...» (Trùng quang tâm sử)

và:

... «Nhưng Lê Lợi là một vị anh hùng nổi tiếng lừng lẫy hơn đời đấy thôi. Nếu không có ức triệu anh hùng vô danh khác lợi kéo để thúc đẩy, giúp đỡ cho, thì vị anh hùng lỗi lạc đó cũng không thể thành công được...» (Sách đã dẫn)

Chúng tôi đề nghị bạn đọc đặc biệt lưu ý đến tình hình sau đây: Trong tác phẩm văn học «Trùng quang tâm sử» viết năm 1921, chúng ta thấy một tập thể nhân vật anh hùng. Và họ đều xuất thân từ những người bình thường. Hàng chục nhân vật chính diện trong tiểu thuyết đều xuất sắc, không có ai vượt quá cao, quá xa các người khác. Trong mười lăm nhân vật chính diện, chúng tôi đếm thấy: sáu người thuộc thành phần dân cày, thợ rèn nghèo, hai lính lệ, một điền chủ phá sản, một tri thức và năm người thuộc dòng giới «thế gia lệnh tộc» có lòng yêu nước. Những người nghèo khổ đã chiếm số đông trong số các nhân vật chính diện của quyền truyện. Phải chăng chính Phan-bội-Châu đã là người đầu tiên dám đưa những người nghèo khổ thành những nhân vật chính trong một tác phẩm văn học ở nước ta? Đây chẳng phải là một hiện tượng rất mới và rất tiến bộ trong văn học tiền mác-xít ở Việt-nam hay sao?

Vận dụng quan điểm quần chúng theo cách hiểu của cụ vào công tác quân sự và mượn lời các nhân vật trong «Trùng quang tâm sử» Phan-bội-Châu đã nêu ra những ý kiến hay sau đây:

— Khi quyết định có hay không tiến hành một hoạt động quân sự phải xem xét ảnh hưởng của hoạt động ấy với quyền lợi cụ thể của nhân dân. Nếu nhân dân bị vạ lây thì không tiến hành.

— Tránh phiền nhiễu nhân dân trong việc xây dựng quân đội. Nghĩa quân phải tự sản xuất lương ăn.

— Quân đội tuyệt đối không cướp bóc nhân dân.

— Trong lúc thế lực nghĩa quân còn yếu, thì lấy việc thu phục nhân tâm làm chính, còn việc được hay mất đất đai không phải là vấn đề quan trọng hàng đầu.

— Mộ và tổ chức một lực lượng võ trang của nhân dân bên cạnh nghĩa quân.

Chúng ta thấy gì ở đây? — Một cái gì giống chiến lược «đánh vào lòng người» của Nguyễn Trãi! Một cái gì giống đội quân Sát Thát, hoặc nghĩa quân Lam-sơn, hoặc nghĩa quân Tây-sơn, hoặc nữa các đội quân nông dân khởi nghĩa trong lịch sử. Là quân đội của Trương Định, Phan-đình-Phùng chăng? Là nghĩa quân Bãi Sậy, Yên-thế chăng? Không những thế mà thời đầu, còn có những điểm mới, phẳng phất giống quan điểm xây dựng quân đội nhân dân của chúng ta ngày nay. (Chúng tôi nói: phẳng phất giống).

Thằng tay vất bỏ tư tưởng của giai cấp phong kiến coi vua là chủ cao nhất của đất nước, Phan-bội-Châu viết:

... « Non sông thành quách y nguyên! Chủ nhân là ai? »

Quốc dân ta ơi! Đồng bào ta ơi! Dậy! Dậy!» (Trùng quang tâm sử)

Trong câu hỏi trên đã có ngụ câu trả lời: « quốc dân ta » là chủ của nước non nhà.

Phan-bội-Châu cũng có một câu hay về đường lối quân chúng trong công tác:

... « Tập hợp tri khôn của nghìn vạn người lại làm khôn, thành một cái khôn lớn; hợp sức của nghìn vạn người lại làm sức, thành một cái sức lớn... » (Trùng quang tâm sử)

Trong câu trên, rõ ràng là Phan-bội-Châu thừa nhận tri tuệ tập thể của đông đảo quần chúng, chỉ ra phương pháp công tác của lãnh tụ phải theo là đường lối quần chúng. Ở đây, có sự bài bác quan điểm coi khinh trí tuệ và sức mạnh quần chúng, bài bác quan điểm cho rằng chỉ có cá nhân anh hùng lãnh tụ mới là duy nhất sáng suốt và có sức xoay trời chuyển đất.

Trước giai cấp vô sản chúng ta, không mấy nhà cách mạng hoặc nhà tư tưởng Việt-nam đánh giá cao vai trò phụ nữ trong việc đuổi giặc cứu nước:

... « Cái lòng thương nước giữ đời có phải là độc quyền của nam giới đâu? »

... Chị em ta nay được làm người, tai mắt, đầu óc, hồi cơ kém gì đàn ông. Những sự nghiệp anh hùng có phải chỉ một mình đàn ông làm được mà thôi đâu?

... Người ta chỉ sợ không có chí, nếu có chí khi thì đàn bà cũng chẳng thua gì đàn ông... » (Trùng quang tâm sử).

Tóm lại, Phan-bội-Châu — trong phạm vi nhận thức và sáng tác văn học — rất mực coi trọng vai trò quần chúng. Đồng thời, cụ cũng có những ý kiến rất tiến bộ và có nhiều điểm hợp lý về mối quan hệ giữa anh hùng với xã hội, thời thế. Cụ viết:

... Thời thế tạo anh hùng, mà anh hùng cũng tạo thời thế » (Hòa lệ công ngôn).

và

... « Vì đại thiết! xã hội đúc nên anh hùng, anh hùng tạo nên thời thế, vì có nhân mà được quả, rồi do quả lại sinh ra nhân » (Trùng quang tâm sử).

Như vậy, ngoài cách nhìn biện chứng, Phan-bội-Châu đang vươn tới quan điểm duy vật trong khi giải thích nguồn gốc sản sinh ra anh hùng. Chúng tôi chỉ nói « đang vươn tới quan điểm duy vật », vì: nếu như ở đây Phan-bội-Châu tìm nguồn gốc sản sinh ra anh hùng ở thời thế, xã hội, thì ở một chỗ khác, Phan-bội-Châu lại rời mặt đất, tìm đến thiên đường để truy nguồn gốc một loại anh hùng đặc biệt. Điều này, chúng tôi sẽ xin dẫn chứng ở một đoạn dưới. Giờ, xin tiếp tục trình bày những yếu tố tích cực trong tư tưởng Phan-bội-Châu về anh hùng.

Có « một loại anh hùng » không khác gì người thường, do trời gây nên: ... « Có một hạng người... tinh cách của họ không khác gì người thường. Nhưng trong lúc cố gắng học hỏi, biến đổi được khi chất của họ, nên có chỗ khả quan. Học mãi cũng có thể đến được địa vị thánh hiền. Họ cố gắng học hành mãi, mãi mãi không thôi, tinh thần với thể chất đều biến hóa, cho nên thành ra một hạng người rất tốt, gánh nổi việc lớn. Muốn dặm phong hầu, bổng hết bút nghiên thường tục, làm nên muôn việc. Đây là hạng anh hùng do sức người gây nên » (Tập ký).

Đã vậy thì ai cũng có thể trở thành anh hùng:

... « Có người hỏi rằng: — Có thể làm được anh hùng không? Tôi cười mà đáp rằng: — Anh hùng không phải là việc gì kỳ quái lắm. Muốn làm anh hùng, thì được anh hùng thôi... »

và:

... « Các người muốn làm anh hùng thì cũng phải xem hoàn cảnh trong nước mình và thời thế như thế nào mà thôi... Nay ai có thể cùng với nước sửa đổi thời thế được, đây là anh hùng chứ có kỳ lạ gì, có quái gở gì đâu? » (Tập ký).

Thế là chủ nghĩa anh hùng phải thấm đượm lòng yêu nước. Yêu nước có thể trở thành anh

hùng; muốn thành anh hùng phải cứu nước, — chẳng có gì kỳ lạ cả. Nhưng, Phan-bội-Châu không làm thường hóa anh hùng. Theo cụ, « sự hy sinh của các bậc tiên liệt anh hùng rất là to lớn », vì « thức tỉnh nhân dân », làm « kinh động dân tình », đưa đến thắng lợi của cách mạng :

... « Nhà Minh suy, nhà Thanh cướp toàn đất Trung-hoa, ngày càng làm cho nhân dân mòn mỏi, bắt dân tộc Hán làm nô lệ. Núi sông tũ nhục, không thể làm gì được nhà Thanh. Cũng bởi vì chưa có người hy sinh vậy. Nhưng từ khi có liệt sĩ Sự Kiên-Như, chí sĩ Từ Tích-Lâm hy sinh mình, lấy máu tô lên cờ bọ đầu sỏ Mãn Thanh, 72 liệt sĩ Hoàng-hoa-cương hy sinh tính mệnh để gọi tỉnh hồn nhân dân Hán tộc; sau đó Vũ-xương khởi nghĩa, toàn quốc đứng cờ xi, tranh nhau hiến mình cho tổ quốc — Do đó mà nền quốc dân mới mẻ được thay thế cho xã tắc nhà Thanh — Hậu quả sự hy sinh của các tiên liệt to lớn biết nhường nào » (Truyện Phạm-hồng-Thái).

Phan-bội-Châu cũng cho rằng: nếu thiếu lãnh tụ có tài đức thì không thể phát động phong trào quần chúng :

... « Nếu như Vân-nam có một vị anh hùng hào kiệt, nắm lấy cơ hội đường sắt chưa thành mà sắp thành này, xắn tay áo vùng lên, hãy vứt bỏ hết những lời nói lợi hại, họa phúc, kêu gào mưa sấm, lay động núi khe, liên kết toàn thể dân Điền lại, thực hiện chính sách phát động lên trước để chế áp kẻ khác... Vĩ đại thay chính sách ấy. Muốn thế tất phải có cái tài của Na-pô-lê-ông, A-lếch-xăng mới mong cứu được người Điền ngày nay » (Ai Việt diều Điền).

Phan-bội-Châu đòi người anh hùng lý tưởng của Vân-nam lúc ấy phải « liên kết toàn thể dân Điền lại » và phát động họ vùng dậy đấu tranh. Cho nên, không thể cắt riêng câu cuối của đoạn trích dẫn bên trên để chỉ trích Phan-bội-Châu là đã coi cả nhân anh hùng quyết định lịch sử. Hơn nữa, có gì sai khi cho rằng một phong trào cách mạng cần phải có lãnh tụ kiệt xuất ?

Trong quan điểm của Phan-bội-Châu về anh hùng, mặt duy vật, tiến bộ là chính, nhưng cũng có mặt duy tâm, lạc hậu, thể hiện qua hai vấn đề sau đây :

a) Ngoài « loại anh hùng » không khác gì người thường (như đã trình bày bên trên) Phan-bội-Châu còn cho rằng có một « loại anh hùng » phi phạm, xuất chúng, khác hẳn người thường, do trời gây nên.

Theo cụ, những người này: « khác hẳn người thường, sinh ra mà hiểu biết, theo nghĩa vụ mà làm ». Họ « không phải là lớp người ti tiện

tầm thường! » mà: « đầy vốn là trời phú linh, đất đúc hình, cho nên những công việc của những người ấy làm không pha tạp với người, mà như thần ở trời; không nhờ ở người, mà nên ở trời. Đây là do khi thiêng của non sông, phúc âm của nước nhà.

Thiên hạ sắp loạn ắt có hạng người ấy, thiên hạ sắp trị ắt có hạng người ấy. Trong nghìn muôn người mới có một người, không phải có nhiều. Đây là bậc anh hùng trời gây nên vậy ». (Tạp ký).

Anh hùng của dân tộc ta chỉ có thể xuất hiện ở phái sỹ phu phong kiến :

... « Tuy ngày nay bảo là anh hùng, ta vốn đòi hỏi ở dân ta, trông mong ở dân ta, nhưng không phải đòi hỏi phiếm, trông mong phiếm. Ta chỉ đòi hỏi, trông mong vào phái sỹ phu thôi » (Tạp ký).

Tổng kết lại, ta thấy trong tư tưởng của Phan-bội-Châu về vấn đề vai trò, nguồn gốc anh hùng và mối quan hệ giữa anh hùng và quần chúng cũng có hai mặt duy vật, tiến bộ và duy tâm, lạc hậu. Thể hiện thành các mâu thuẫn sau đây :

— Nhấn mạnh nguồn gốc trần gian của anh hùng, nhấn mạnh thời thế tạo ra anh hùng, nhấn mạnh rằng anh hùng cũng chỉ là người bình thường, xuất thân từ quần chúng, nhưng còn dành ra một loại anh hùng phi phạm xuất chúng do trời sinh ra.

— Đã thấy và đã đề cao vai trò của người nghèo khổ, nhưng gán sai cho tầng lớp sỹ phu phong kiến vai trò lãnh đạo cách mạng Việt-nam.

— Luôn luôn đề cao vai trò của quần chúng nhân dân — khẳng định rằng anh hùng chỉ có thể làm nên sự nghiệp nếu biết đoàn kết nhân dân và được nhân dân ủng hộ. Đề cao tri tuệ tập thể. Nhưng không dứt khoát khẳng định và cũng không thể đạt đến chỗ khẳng định rằng quần chúng là lực lượng quyết định sự tiến bộ và công cuộc cách mạng của xã hội.

Cũng phải nói thêm rằng giữa nhận thức và việc làm của Phan-bội-Châu về vai trò quần chúng trong lịch sử có một khoảng cách khá xa: trong công cuộc vận động cách mạng, Phan-bội-Châu làm kém việc tổ chức quần chúng, cụ chưa vượt khỏi phạm vi những cuộc « âm mưu » và đã không thể nào đạt đến chỗ tổ chức một phong trào quần chúng rộng rãi. Thế nhưng, từ nhận thức đến hành động còn là cả một quá trình phức tạp đòi hỏi hàng loạt nhân tố bên cạnh nhận thức đúng. Cho nên, không thể giản đơn từ sự thiếu sót của Phan-bội-Châu trong hoạt động thực tiễn mà sơ toẹt những điểm đúng và tích cực trong nhận thức tư tưởng của cụ.

Quan điểm quần chúng có liên quan chặt chẽ với quan điểm lao động và quan điểm giai cấp. Chỉ khi nào nhận thức được chân giá trị của lao động mới có thể tiến tới một nhận thức đúng đắn về vai trò sáng tạo của quần chúng trong lịch sử; đồng thời, chỉ khi nào đứng trên lập trường giai cấp vô sản và dùng phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa duy vật lịch sử thì mới có quan điểm quần chúng một cách triệt để. Phan-bội-Châu, cho đến cuối đời mình, vẫn không thể nào chuyển sang lập trường giai cấp vô sản và không thể nào nắm được chủ nghĩa duy vật lịch sử, mặc dầu trong nhà cụ có «treo bóng Lê-nin» và mực dầu trong các tác phẩm «truyện Phạm-hồng-Thái» và «xã hội chủ nghĩa» cụ đã nói đến công nông, thậm chí giới thiệu — theo cách hiểu của cụ — một số vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thiếu quan điểm giai cấp — đó là điều hạn chế chính của Phan-bội-Châu trong khi nhận thức về vai trò quần chúng và cá nhân trong lịch sử. Cũng là điều hạn chế chính trong toàn bộ nhận thức, tư tưởng của cụ về những vấn đề có liên quan đến khoa học xã hội.

Nhưng, mặt khác, Phan-bội-Châu vượt hẳn các «tiên nho» Việt-nam và các sỹ phu cùng thời ở chỗ đã đánh giá rất cao công việc lao động. Cụ là nhà nho duy nhất ở nước ta đã dám nêu câu «Lao động là thần thánh». Mà nêu vào khoảng từ trước năm 1926 :

« Ăn thì phải làm
 Làm thì được ăn
 Có làm, có ăn
 Đó là công lý.
 Sách ta thường dạy
 Lao động thành thần
 (do tôi nhấn mạnh — LST)
 Bởi người làm ăn
 Rặt phùng lao động... »

và :

... « Tuy ai có mỏ,
 Mỏ ai mở mang?
 Tuy ai có đường,
 Đường ai vun đắp?
 Sông kia ai lấp?
 Núi nọ ai xây?
 Ruộng kia ai cày?
 Rẫy kia ai vỡ?
 Vì ta làm chớ,
 Họ mới có ăn... »

(Thuốc chữa dân nghèo — Chương-Thấu sưu tầm ghi theo lời ông Nguyễn-cảnh-Liêm, kể toàn H. T. X. số 9, xóm Sào-nam, xã Nam-sào,

huyện Nam-đàn. Ông Liêm thuộc bài này vào khoảng 1926—1927).

Cho nên: Có căn cứ về mặt lý luận để đánh giá cao nhận thức, tư tưởng của Phan-bội-Châu về vai trò quần chúng trong lịch sử. Chúng tôi tin rằng: Trước khi có những người má-xít Việt-nam thì Phan-bội-Châu là người đã có những nhận thức trội nhất trong lịch sử tư tưởng nước ta về vai trò quần chúng trong lịch sử.

Có thể nghĩ rằng Phan-bội-Châu đã chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, qua các «tân thư», khi đánh giá cao vai trò nhân dân và hạ xuống bần đên uy quyền của «hoàng đế». Nhưng cần phải thấy một sự khác biệt quan trọng giữa Phan-bội-Châu và các nhà khai sáng tư sản: nếu như các nhà khai sáng khởi xướng dân quyền vì lợi ích của giai cấp tư bản, thì Phan-bội-Châu đề cao vai trò quần chúng vì lợi ích của dân tộc, vì mục đích đuổi giặc cứu nước.

Phan-bội-Châu đã kế thừa và phát triển những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử tư tưởng dân tộc ta. Cái mới hơn và cái tích cực hơn là ở chỗ: nếu như các nhà tư tưởng lớn của dân tộc trong các thế kỷ trước (ví dụ Nguyễn Trãi) đề cao vai trò của nhân dân không những chỉ để cứu nước mà còn để dạy cho giai cấp phong kiến thuật «trị dân» thì Phan-bội-Châu vì lợi ích của dân tộc mà đề cao vai trò của quần chúng. Chính vì vậy, cụ đã nhằm vào chính nhân dân mà kêu gọi, thức tỉnh, chớ không nhằm vào giai cấp thống trị, bóc lột, dù là phong kiến hay tư sản dân tộc, mà giáo dục, khuyên nhủ.

Trong vấn đề này, thiết tưởng cũng nên làm một sự so sánh giữa Phan-bội-Châu với Nguyễn-đức-Đạt. Đoạn văn dưới đây nằm trong tác phẩm «Nam-sơn tùng thoại»:

«... Hoặc hỏi: — Giữ nước trông cậy vào gì? Ông rằng: — Vào hiểm.

Hỏi: — Có phải đất hiểm không?

Ông rằng: — Núi cao còn treo được, sông rộng còn bơi được, không phải hiểm. Hiểm, chẳng gì hiểm hơn nhân hòa, mà núi sông còn là nhỏ.

Lại hỏi: — Thành không đủ cậy ư?

Ông rằng: — Thành nhỏ lắm, nhỏ lắm! Lấy đao đức làm thành, không ai đánh được thành; lấy nhân nghĩa làm quách, không ai vào được quách». (Sách đã dẫn—Chương: Pháp chế—22). và :

... «Hoặc hỏi: Lập pháp thế nào cho được lâu?

Ông rằng: Thuận nhân tình thì được lâu. Rễ bèo bám nước, rễ cây bám đất, bây giờ

vớt bèo lên đất, gặp nắng bèo tắt khô; trồng cây dưới nước, gặp nước cây tắt chết». (Xuất sứ như trên).

Có một cái gì rất Nguyễn-Trãi ở đây. Nhưng:

... Lại hỏi: — Thuyền có chèo mới đi, không chèo thời đứng. Ngựa có đánh mới chạy, không đánh thời đứng. Vậy cách chặn dất dân nên như thế nào?

Ông rằng: Không buông chèo, thuyền cứ đi, không buông roi, ngựa cứ chạy... Trị dân cũng chỉ dùng chèo, roi thôi». (Nam-sơn tùng thoại — Chính thuật — 13).

Rốt cuộc, Nguyễn-đức-Đạt ở thế kỷ XIX quả đã tụt lại sau Nguyễn-Trãi của thế kỷ thứ XV. Còn Phan-bội-Châu thì đã phát triển những tư tưởng tích cực của cha ông và thầy học vậy.

* * *

IV — TÍNH QUY LUẬT TRONG VIỆC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA PHAN-BỘI-CHÂU

Chúng tôi đã buộc phải từ nhiều tác phẩm văn học, lịch sử của Phan-bội-Châu mà lọc ra cái chất triết học, hơn nữa sắp xếp, liên kết các ý, các đoạn rời rạc thành một số vấn đề tương đối có hệ thống. Có thể bạn đọc sẽ tán thành; cũng có thể bạn đọc sẽ chê trách chúng tôi và chỉ cho một phương pháp tốt hơn. Dầu sao, giờ đây chúng tôi cũng xin phép tự bào chữa bằng cách viện ra quy luật sau đây trong lịch sử triết học:

Triết học đã ra đời cùng với sự ra đời của chế độ nô lệ, nhưng không phải ngay một lúc nó đã trở thành một môn tách riêng khỏi các môn khoa học khác. Thuở xưa, triết gia đồng thời là nhà bách khoa, và chỉ đến khi các ngành khoa học thực nghiệm phát triển thì mới xảy ra sự phân biệt giữa triết học và các ngành khoa học khác. Sở dĩ như vậy, là vì sự phát triển bên trong của khoa học đòi phải như vậy, đưa đến điều tất yếu như vậy. Đó là quy luật chung trong sự phát triển của lịch sử triết học thế giới.

Nước ta, cho đến đầu thế kỷ XX, tình hình cũng là như vậy. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu của xã hội phong kiến đình trệ lâu dài đã chặn đường phát triển của các ngành khoa học thực nghiệm. Nền chưa có nhu cầu và cũng chưa có điều kiện đưa đến sự phân biệt mà chúng ta vừa nói tới. Quy luật chung cũng đã thể hiện ở Việt-nam ta. Nhưng, còn một mặt khác nữa: Cả ngàn năm lịch sử Việt-nam là cả ngàn năm dân tộc ta chiến đấu chống ngoại

Về quy luật phát triển của xã hội, đây đó Phan-bội-Châu còn thường nói đến thuyết cạnh tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua và thuyết tương số (giải thích sự biến thiên của xã hội bằng sự vận hành tuần hoàn có chu kỳ của « khí » thần diệu). Nhưng, những thuyết này « không Phan-bội-Châu ». Và chẳng, Phan-bội-Châu không nghiên cứu toàn bộ các quy luật phát triển của xã hội; cụ chỉ tập trung tìm hiểu nguyên nhân mất nước và con đường cứu nước. Bởi vậy, chúng tôi dừng lại ở đây, sau khi đã trình bày hai vấn đề nổi bật: vấn đề dẫn trí — biểu hiện tập trung của lập trường duy tâm về mặt xã hội học và vấn đề vai trò quần chúng và cá nhân trong lịch sử — nơi có nhiều điểm tích cực, tiến bộ của Phan-bội-Châu.

Giờ đây, chúng tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ tìm hiểu tại sao tư tưởng Phan-bội-Châu lại như thế ấy mà không như thế khác.

xâm để giành lại hoặc bảo vệ độc lập dân tộc. Vấn đề cứu nước và giữ nước, cho đến tận ngày nay, luôn luôn vẫn là vấn đề số một, nổi lên hàng đầu trong cuộc sống của dân tộc. Trí tuệ dân tộc phải tập trung vào vấn đề đó. Sức lực dân tộc phải dốc vào đó. Triết học phải hòa vào đó và phải phục vụ sát sao cho việc đó. Các nhà tư tưởng của chúng ta thậm chí dường như không được phép và cũng không có thì giờ, điều kiện để buông thả tư duy mình vào thế giới các khái niệm, phạm trù trừu tượng thuần túy triết học. Chẳng phải là như thế hay sao? Chẳng phải là triết học chân chính của Việt-nam, cho đến cả triết học mác-xít — một khi đã du nhập vào nước ta — nữa, cũng phải thường xuyên mặc áo nguy trang và đi ra hỏa tuyến hay sao? Chẳng phải là triết gia chân chính Việt-nam phải đồng thời là chiến sỹ yêu nước, chiến sỹ cách mạng hay sao? Thế thì, nhà tư tưởng Phan-bội-Châu đồng thời phải là nhà cách mạng Phan-bội-Châu; và, trong nhà tư tưởng, nhà cách mạng Phan-bội-Châu có nhà triết học hay bóng giáng của nhà triết học, là một điều hợp lẽ. Sự xen kẽ, sự hòa tan của các tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu trong chủ nghĩa yêu nước đậm đà và trong văn chương cũng như trong các tư tưởng chính trị khác của Phan-bội-Châu là một điều có tính quy luật vậy.

*

Một vấn đề thứ hai cần phải làm rõ : Theo quy luật phổ biến, triết học là có tính giai cấp ; mỗi triết gia và mỗi hệ tư tưởng triết học đều phục vụ cho lợi ích của một giai cấp nhất định.

Thế thì, tính giai cấp trong tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu biểu hiện ra sao ? Các quan điểm triết học của Phan-bội-Châu phục vụ cho lợi ích giai cấp nào ? Nói rộng ra, Phan-bội-Châu đứng trên lập trường giai cấp nào, tư tưởng Phan-bội-Châu thuộc hệ tư tưởng nào ?

Vấn đề mới phức tạp làm sao !

Nhưng cái phức tạp của vấn đề lại là tất yếu vì nó phản ánh cái phức tạp của thời đại mà Phan-bội-Châu sống, cái phức tạp của tầng lớp sỹ phu phong kiến nước ta hồi đầu thế kỷ thứ XX mà Phan-bội-Châu xuất thân và là người tiêu biểu nhất, cái phức tạp bên trong tư tưởng Phan-bội-Châu — Và, chính là *phải tránh bệnh sơ lược, công thức, giáo điều trước một đối tượng phức tạp như vấn đề chúng ta đang xem xét.*

Như chúng tôi đã trình bày trong các phần trên, trong tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu có nhiều mâu thuẫn giữa mặt duy vật và mặt duy tâm, giữa các nhân tố tích cực và các nhân tố tiêu cực ; nhưng toàn bộ những quan niệm có tính chất triết học của Phan-bội-Châu đều tằm mình trong một tinh thần yêu nước lớn. Cái gì đã quy định tình hình ấy ?

Xã hội Việt-nam vào khoảng trên dưới hai chục năm đầu thế kỷ mà chúng ta đang sống là *một xã hội có linh chất giao thời.* Suốt trong thời kỳ đó, *cơ cấu giai cấp của xã hội cũng đang nằm trong buổi quá độ* : Các giai cấp mới — sản phẩm của nền kinh tế tư bản thực dân — như vô sản, tư bản, tiểu tư sản (thành thị) đang trong quá trình thành hình và phải đợi đến khoảng sau những năm 20 mới hoàn thành quá trình ấy và bước lên vũ đài chính trị, tranh nhau quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Trong khi ấy, hai giai cấp cơ bản trong chế độ xã hội cũ : nông dân và địa chủ phong kiến vẫn còn tồn tại. Địa chủ phong kiến, đứng về giai cấp mà xét đã đầu hàng giặc ngoại xâm và làm tay sai cho đế quốc. Giai cấp nông dân, *chiếm hơn 90% dân số cả nước* giờ đây lại bị thêm một tầng áp bức cực kỳ dã man, tàn bạo và luôn luôn nung nấu trong mình truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc, nhưng một mặt không thể đứng ở vị trí lãnh đạo cách mạng, mặt khác lại chưa tìm thấy ngọn cờ lãnh đạo mình.

Trong tình hình xã hội như vậy, thì tầng lớp sỹ phu phong kiến tiến bộ, — *tầng lớp trí thức của dân tộc* — được lịch sử giao cho

nhiệm vụ làm một số việc có tính chất lãnh đạo cách mạng Việt-nam. Chỉ là một số việc có tính chất lãnh đạo thôi, vì nói đến lãnh đạo cách mạng là phải nói đến vai trò của cả một giai cấp. Tầng lớp trí thức không phải là một giai cấp, bởi vậy, về căn bản không thể làm nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng Việt-nam, mà chỉ có thể hoàn thành một số nhiệm vụ nào đó trong lúc giao thời thôi. Thực tế lịch sử đã cho thấy : sứ mệnh chủ yếu của họ là kêu gọi, duy trì lòng yêu nước của dân tộc và, bằng công tác tuyên truyền, giáo dục, hoặc bằng những hoạt động nào đó, duy trì phong trào đấu tranh của dân tộc trong khi chờ đợi các giai cấp mới bước lên vũ đài chính trị. Đồng thời họ cũng đã làm cái việc tìm đường cứu nước, tiếp tục phê phán hệ tư tưởng phong kiến, tìm đến và chứng minh sự bất lực của hệ tư tưởng tư sản, cá biệt có người (như Phan-bội-Châu) bắt đầu tiếp xúc với hệ tư tưởng vô sản. Đến một lúc nào đó, bản thân tầng lớp trí thức dân tộc sẽ phân hóa, hoặc là phục vụ giai cấp này, hoặc là phục vụ giai cấp khác. Tuy nhiên, cơ cấu bên trong của tầng lớp sỹ phu phong kiến tiến-bộ và yêu nước cũng rất phức tạp về thành phần xuất thân và các mối quan hệ xã hội khác. Họ đồng nhất với nhau ở chỗ là những người trí thức của dân tộc, có lòng yêu nước và đi tìm con đường cứu nước. Nhưng lại không giống nhau trong mức độ tiến bộ hay lạc hậu, không giống nhau trong quá trình phát triển của họ. Điều đó làm cho ngay trong tầng lớp sỹ phu phong kiến cũng chia thành những bộ phận khác nhau. Có bộ phận lạc hậu, sau đó sẽ trở thành tay sai đế quốc, hoặc đầu hàng, cầu an. Có bộ phận thiếu tinh thần cách mạng, sa vào chủ nghĩa cải lương và sớm đứng trên lập trường tư sản. Bộ phận tiên tiến nhất, trong đó Phan-bội-Châu là người đứng đầu, về căn bản là những nhà cách mạng. — không thể nói rằng Phan-bội-Châu và những đồng chí của ông như Tiều-La, Nguyễn-thượng-Hiền v.v... đứng trên lập trường tư sản hoặc là những người phát ngôn của giai cấp tư sản. Tư sản thì không cách mạng, chỉ cải lương thôi. Tư sản dân tộc cuối cùng cũng đã chống đế quốc đấy, nhưng lòng yêu nước của họ còn xa niềm sắt son của Phan-bội-Châu lắm lắm. Và, tuy có một lúc nào đó Phan-bội-Châu đã không tự giác đề ra chủ trương « Pháp Việt đề huề », không tự giác xéo phải vũng bùn của chủ nghĩa cải lương, nhưng, xét trong toàn bộ, cụ vẫn là nhà yêu nước vĩ đại, vẫn là nhà cách mạng.

Tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu là tư tưởng triết học của chủ nghĩa yêu nước, nhằm phục vụ cho đất nước, cho cách mạng. Với bản

chất ấy, tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu không thể mang tính giai cấp tư sản được; không thể là tiếng nói của giai cấp tư sản được. Giai cấp tư sản dân tộc Việt-nam hèn yếu không mang nổi chủ nghĩa yêu nước lớn của Phan-bội-Châu đâu.

Tất nhiên, Phan-bội-Châu đã chống lại lập trường giai cấp phong kiến và cũng không vươn nổi lên lập trường giai cấp vô sản. Đồng thời, cũng không thể nói rằng cụ đứng trên lập trường giai cấp nông dân: Cụ có mang tinh thần yêu nước của dân tộc — mà, nông dân chiếm hơn 90% — nhưng cụ đã không hề đả động đến vấn đề ruộng đất.

Tóm lại, sự phân hóa trong tầng lớp tri thức dân tộc yêu nước hồi đầu thế kỷ thứ XX đã tất yếu sản sinh ra một bộ phận cách mạng nhất của tầng lớp ấy và bộ phận này tất yếu sản sinh ra một người tiêu biểu như Phan-bội-Châu. Một người: vì có tinh thần yêu nước và cách mạng nên không thể dừng lại ở lập trường giai cấp tư sản. Một người: vì bị lịch sử và những nguyên nhân bên trong hạn chế nên không thể hoặc chưa kịp vươn đến lập trường giai cấp vô sản — Một người: giữ vai trò lịch sử tích cực trong giai đoạn mà mâu thuẫn giữa một dân tộc có truyền thống quật cường bất khuất với đế quốc xâm lược đang nóng bỏng, nhưng các giai cấp mới còn đang trong quá trình thành hình, nên có giác ngộ dân tộc sâu sắc nhưng chưa có giác ngộ giai cấp. Một người như vậy, chỉ có thể đứng trên lập trường dân tộc rất rõ rệt mà chưa dứt khoát đứng trên lập trường một giai cấp nào. Nói cho rõ hơn: Phan-bội-Châu đứng trên lập trường của bộ phận tiền tiến nhất trong tầng lớp sỹ phu yêu nước hồi đầu thế kỷ thứ XX ở nước ta, đại biểu cho các lực lượng yêu nước và cách mạng của dân tộc lúc đương thời.

Có thể như thế chẳng? Có thể nói rằng một người nào đó có giác ngộ dân tộc mà chưa có lập trường giai cấp rõ rệt chẳng? Chúng tôi thiết tưởng, có thể nói như vậy được. Hàng loạt thế hệ Việt-nam trước và sau Cách mạng tháng 8 đã chẳng đấu tranh anh dũng cho độc lập dân tộc trước khi xác định được lập trường giai cấp vô sản đó hay sao?

Như vậy: phần tích cực trong tư tưởng triết học nói riêng cũng như toàn bộ tư tưởng Phan-bội-Châu phản ánh truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc, phản ánh thái độ yêu nước và cách mạng của bộ phận tiền tiến nhất trong tầng lớp sỹ phu phong kiến ở nước ta hồi đầu thế kỷ thứ XX. Phần tích cực ấy cũng là sự tiếp tục phát triển của các tư tưởng yêu nước và cách mạng đã được hình thành trong lịch sử tư tưởng nước ta. Mặt khác, phản ánh tình hình

phức tạp đầy mâu thuẫn của tầng lớp sỹ phu và bộ phận tiền tiến của nó, tư tưởng Phan-bội-Châu cũng đầy mâu thuẫn. Mâu thuẫn cơ bản chi phối các mâu thuẫn khác trong con người Phan-bội-Châu cũng như trong tư tưởng của cụ, chính là mâu thuẫn giữa sự tồn tại của một nhiệt tình cứu nước cao độ với việc thiếu một giai cấp cách mạng làm chỗ dựa (trong khi xã hội còn đang ở buổi giao thời).

* * *

Tuy nhiên, muốn hiểu sâu sắc và đầy đủ một nhà tư tưởng, còn phải nghiên cứu thêm những đặc điểm riêng của chính bản thân ông ta nữa. Chính cuộc đời riêng của nhà tư tưởng (từ hoàn cảnh kinh tế, chính trị, đến các đặc điểm trong tiêu sử, trong quan hệ bạn bè, thậm chí trong cá tính nữa) sẽ tạo nên ở ông ta những nét riêng biệt trong tinh phổ biến của giai cấp, tầng lớp mà ông ta là thành viên.

Có thể nêu lên 4 đặc điểm sau đây trong cuộc sống riêng của Phan-bội-Châu:

1) Thuộc tầng lớp phong kiến bình dân, thuở thiếu thời và trước lúc thành đạt đã sống nghèo khổ. Sau khi thi đỗ thì theo ngay con đường gian khổ của cách mạng; tóm lại, suốt đời đã sống trong cảnh bần bạc.

2) Có một tinh thần yêu nước cao độ, đến chết không thay đổi. Tinh thần yêu nước ấy kết hợp cao độ với cá tính linh hoạt «miễn là đạt được mục đích cứu nước, còn về mặt thủ đoạn thì sẵn sàng thay đổi, khi cần». Lại kết hợp với một tinh thần cầu tiến bộ rất cao. Vì yêu nước, Phan-bội-Châu đã «chạy vạy hai mươi năm», hết sang Nhật, lại về Trung-quốc, tìm đến Tôn Trung-Sơn, đến các nhà cầm quyền Thái-lan, đến đại sứ Đức, đã từng tiếp xúc và rất có cảm tình với đại sứ Nga, rồi gặp được cả Nguyễn Ái Quốc, lúc nào cũng vì mục đích cứu nước mà sẵn sàng tiếp thu cái mới.

3) Uyên thâm Nho giáo, có đọc tân thư, từ 1925 trở đi, bắt đầu tiếp xúc với chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Tiếc thay vừa được hé thấy ánh bình minh thì đã sa vào cảnh giam lỏng tối tăm, cách biệt cuộc sống cho đến tận lúc chết. Mặt khác, trình độ hiểu biết khoa học tự nhiên chỉ ở trình độ coi như là lạc hậu.

4) Tiếp xúc nhiều nhất với Lương Khải-Siêu (lúc ấy Lương đã đứng trên lập trường chính trị phản động). Bạn bè thân cận nhất cũng không ngoài các sỹ phu đồng tâm, đồng chí.

(Xem tiếp trang 44)

PHAN-BỘI-CHÂU VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BẢO THIÊN CHÚA GIÁO Ở ĐẦU THẾ KỶ XX

DẶNG-HUY-VẬN

Phan-bội-Châu là một sĩ phu yêu nước biếm cổ đã biết chú ý đến việc vận động giáo dân Thiên chúa giáo.

Trong bài nghiên cứu nhỏ này, chúng tôi cố gắng tìm hiểu về công cuộc vận động đồng

bảo Thiên chúa giáo của Phan-bội-Châu, nhưng hiện nay tài liệu còn rất ít ỏi, chúng tôi cũng chỉ mới bước đầu giới thiệu một số tài liệu hy vọng được các bạn đọc tham gia đóng góp thêm ý kiến.

I - ÂM MƯU CHIA RẼ DÂN TỘC CỦA BỌN GIÁN ĐIỆP ĐỘI LỐT THẦY TU VÀ VẤN ĐỀ ĐOÀN KẾT LƯƠNG GIÁO Ở CUỐI THẾ KỶ XIX

Khi cướp được chính quyền trong tay Tây-sơn, nhớ ơn các giáo sĩ Pháp đã có công giúp mình trong lúc gian truân, Gia-long đã cho phép họ được tự do giảng đạo khắp mọi nơi trong nước. Chế độ phong kiến Việt-nam ngày càng đi vào con đường suy đốn khủng hoảng thì việc truyền giáo lại càng có kết quả. Trong điều kiện ấy, con người một khi đau khổ ở nơi trần thế, thường tìm an ủi hoặc hy vọng hạnh phúc ở nơi siêu thế gian. Cho nên ngày nay, chúng ta cũng chẳng ai còn lạ gì với thủ đoạn của các giáo sĩ ngoại quốc dùng con đường họa phúc với cái kiểu xuống địa ngục và lên thiên đường để chinh phục những người đang mong mỏi một hạnh phúc vĩnh viễn ở chốn siêu thế gian nào đó. Đặc biệt, gần những năm tư bản Pháp nổ súng xâm lược nước ta thì những hoạt động của bọn gián điệp đội lốt thầy tu lại càng trắng trợn. Vết chân bọn lính viễn chinh đi đến đâu thì chính bọn chúng lại là những người đưa đường, thu lượm tin tức, tuyển mộ nguy binh, bày mưu tính kế giúp rập vào việc xâm lược. Đồng thời với tiếng súng của bọn thực dân tàn sát, đốt phá xóm làng miền Nam, bọn gián điệp đội lốt thầy tu cũng ra sức phá hoại miền Bắc và miền Trung. Cho nên chính sách cấm đạo ngày càng gay gắt của triều đình nhà Nguyễn không phải là không có lý do. Sự sai lầm của triều đình không phải là ở chỗ đã ngăn chặn những hoạt động của bọn gián điệp đội lốt thầy tu mà là ở chỗ không thấy được ranh giới giữa vấn đề

tín ngưỡng của nhân dân với âm mưu chính trị của bọn xâm lược; ở chỗ họ đã không phân biệt được giữa những bọn gián điệp với những người dân theo đạo. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước đòi hỏi họ phải trấn áp bọn tay sai thực dân đang ráo riết hoạt động phá hoại miền Bắc và miền Trung, nhưng trong thực tế thì họ lại chĩa cả vào những người giáo dân vô tội, trấn áp tràn lan những người theo đạo. Biện pháp cấm đạo của họ không những đã không ngăn chặn được những hoạt động gián điệp mà còn bị bọn chúng lợi dụng sai lầm đó tạo nên mâu thuẫn gay gắt giữa triều đình và giáo dân. Trên thực tế, bọn xâm lược nhân chính sách cấm đạo và diệt đạo của vua quan nhà Nguyễn hòng biến tin đồ ngoan đạo thành bạn đồng minh tự nhiên của chúng trong công cuộc xâm lược thuộc địa. Thậm chí sai lầm đó còn dẫn đến một số hậu quả tai hại rất nghiêm trọng là sự chia rẽ giữa đồng bào lương và giáo. Bọn chúng đã không từ một thủ đoạn xảo quyết nào để khoét sâu thêm mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân khi mà những người sĩ phu yêu nước nêu lên khẩu hiệu « Bình Tây sát tả ». Âm mưu của chúng thể hiện rất rõ trong cuộc khởi nghĩa của Trần Tấn - Đặng-như-Mai năm 1874. Như chúng ta đã biết, trước sự phân bội của triều đình Huế trong việc ký kết điều ước 1874, nhân dân ta vô cùng phẫn uất, đã sôi nổi đứng lên chống Pháp và chống triều đình đầu hàng. Phong trào mạnh mẽ nhất ở Nghệ Tĩnh. Trước

lực lượng của quân chúng ngày càng phát triển, bọn tay sai thực dân đội lốt tôn giáo đã hoảng sợ và điên cuồng chống lại. Chúng đã lợi dụng sai lầm của những người sĩ phu về giết đạo để đề hồ hoạt động chống lại nghĩa quân và nhân dân Nghệ Tĩnh. Chúng đã không từ một thủ đoạn tàn bạo nào để đẩy những người giáo dân đối lập lại phong trào. Chúng hô hào giáo dân nổi dậy, tổ chức họ thành những toán vũ trang hoặc độc lập, hoặc đứng bên cạnh triều đình đàn áp nghĩa quân. Bị kích động và bị mua chuộc, lại thêm căm giận vì nhà cửa bị đốt phá, những người giáo dân lương thiện ngoan đạo đã trở thành những người đối lập với phong trào. Đến khi nghĩa quân tan rã, bọn tay sai thực dân đội lốt tôn giáo lại nhân đó đẩy mạnh thêm những hoạt động phá hoại. Chúng âm mưu gây một cuộc chiến tranh giữa lương và giáo để làm tiêu mòn sinh lực của nhân dân. Chúng công khai xui giục giáo dân vũ trang đi chém giết và đốt phá các làng lương dân làm cho mâu thuẫn giữa lương và giáo thêm sâu sắc. Khi thực dân Pháp mở rộng xâm lược nước ta, phong trào chống Pháp ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhưng khẩu hiệu « sát Tả » vẫn không được hạn chế. Những người sĩ phu kháng chiến mặc dù rất thiết tha yêu nước, nhưng họ vẫn mang nặng ý thức hệ phong kiến. Họ chỉ có thừa nhận nho giáo là tốt đẹp. Phan-đình-Phùng cho rằng cơ sở dựng nước mấy nghìn năm nay « chỉ ở nơi luân thường, vua tôi, cha con mà thôi ». Cho nên không những họ đã coi những người Thiên chúa giáo là những người theo tà giáo, là những người đi theo bọn xâm lược mà họ còn sợ rằng đạo Da-tô phát triển thì sẽ tổn hại đến phong tục, tập quán, đến nền văn hiến ngàn xưa.

Sai lầm của họ không những đã khiến cho những người sĩ phu kháng chiến không đoàn kết được nhân dân chống Pháp mà còn để lại những hậu quả rất tai hại cho phong trào cách mạng sau này. Tất nhiên, lúc bấy giờ

không phải không có người đã nhìn thấy khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của vấn đề. Năm 1857, hai người học trò là Lương-trợ-Lý và Hoàng-hữu-Phu ở Quảng-bình đã nêu rõ đạo Da-tô phát triển được là vì giàu nghèo không đều cho nên không thể cưỡng bức bắt nhân dân bỏ đạo. Trong bản điều trần gửi lên Tự-đức, hai ông đã vạch ra rằng những « người ngoại quốc » đã đem họa phúc dụ người giàu để lấy tiền thóc mua chuộc dân nghèo nên dần dần đi theo đạo. Hai ông đề nghị thi hành phép quân điền và chia lại ruộng để ngăn ngừa đạo giáo phát triển. Hai ông đã nhìn thấy phần nào nguồn gốc kinh tế, xã hội của vấn đề tôn giáo. Nhưng triều đình không những không chấp thuận ý kiến đúng đắn đó mà còn thẳng tay trừng trị, bắt giam tù và phạt đánh trượng hai ông (1). Nguyễn-trường-Tộ, một sĩ phu theo đạo Da-tô trong bài điều trần đề là *Giáo môn luận* gửi lên Tự-đức đã nhấn mạnh đến tinh thần yêu nước của những người dân theo đạo Da-tô và đề nghị triều đình cho họ được tự do tin ngưỡng. Một số thủ lĩnh của phong trào Cần vương như Tống-duy-Tân, Nguyễn-xuân-Ôn, Phan-đình-Phùng, Cao Điền, Đốc Ngữ phần nào đã nhận thấy sai lầm của chủ trương « sát Tả » nên đã chú trọng hô hào lương giáo đoàn kết. Trong tờ cáo thị kêu gọi binh lính đồn Thị-long (huyện Tĩnh-gia), đề đốc Cao Điền một kiện tướng của Tống-duy-Tân đã nhấn mạnh :

« Lương giáo chúng ta đều là thần dân một nước không nên sát hại lẫn nhau » (2). Vương-quốc-Chính cầm đầu phong trào chống Pháp trong những năm cuối thế kỷ XIX với cuộc mưu đánh úp Hà-nội năm 1898 đã chú ý vận động đồng bào Thiên chúa giáo chống Pháp. Nhưng phải chờ đầu thế kỷ XX với Phan-bội-Châu, vấn đề đoàn kết lương giáo mới được đặt trong cương lĩnh đấu tranh cách mạng và hồ sơ chia rẽ giữa lương và giáo mới phần nào được giải quyết.

II — CHỦ TRƯỞNG CỦA PHAN-BỘI-CHÂU VỀ VẤN ĐỀ ĐOÀN KẾT LƯƠNG GIÁO

Sau thời kỳ bình định và xâm lược, thực dân Pháp ráo riết củng cố nền thống trị của chúng để tiến hành áp bức bóc lột nhân dân. Mâu thuẫn giữa bọn cướp nước và dân tộc ta là mâu thuẫn không thể nào điều hòa được. Phan-bội-Châu cũng đã nhận thấy rằng nếu nước mất thì « không một người nào trong nước ta mà không bị khổ khổ trong vòng trâu ngựa tôi đòi » (3). Cho nên theo ông, đã là người dân Việt-nam thì không kể là dân theo đạo Thiên

chúa hay là lương dân đều bị bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột. Ông viết :

(1) *Dựi nam thực lục* kỷ thứ 4.

(2) Daufès — *La garde indigène de l'Indochine*, tome 2, Avignon — 1934, p. 35.

(3) Phan-bội-Châu — *Việt-nam vong quốc sử*. Chu-Thiên, Chương-Thâu dịch. Hà-nội — 1958, tr. 80 — 81.

«Mấy mươi năm nay, người Pháp nghiêm hình trọng phạt có một thứ nào rộng rãi cho người theo đạo Da-tô đâu; tiền sưu, tiền thuế thu nhiều không bớt một đồng nào cho người Da-tô» (1). Ông nhấn mạnh đến sự nhất trí và quyền lợi giữa những người trong cùng một nước cho nên nếu tin ngưỡng có khác nhau thì cũng không nên chia rẽ: Ông viết:

«Cùng để, cùng nuôi, ai là người không ăn cơm, đi đứng trên đất nước này. Đời ấy, người ấy, cố nhiên là cùng đội trời chung, đều là anh ta cả, đều là em ta cả, có hiềm gì đâu, có nghi gì đâu!» (2). Phan-bội-Châu ở đây, tuy chưa thấy sự nhất trí về quyền lợi giai cấp giữa những người lao động cũng như sự đối địch về quyền lợi giữa hai giai cấp đối địch trong cùng một tôn giáo, nhưng ông đã thấy rằng sự khác nhau về tin ngưỡng không làm ra cách những người cùng chung một tổ quốc, đều có một trách nhiệm chung với đất nước. Ông đã phân tích một cách sâu sắc rằng đối với những người dân Thiên chúa giáo thì thiên đường của cuộc sống nào chưa rõ nhưng trước mắt là phải đấu tranh cho đời sống ở «trần thế» hiện đang hết sức đau thương vì sự thống trị tàn bạo của bọn đế quốc. Ông viết:

«Sau khi chết lên thiên đường thế nào chưa biết, hiện tại hãy cầu cho hòa bình ở ngay đời sống địa ngục trần gian này thật đáng thương! Sao nữ đừng nhìn lầm than nhường ấy!» (3).

Trên cơ sở đó, ông nhấn mạnh đến tinh thần yêu nước của đồng bào Thiên chúa giáo và bày tỏ lòng tin tưởng của mình đối với họ:

«Dân đạo Da-tô ta là dân nước Việt-nam, tất nhiên ta không theo nước Pháp, tất nhiên ta không chịu đi giúp người Pháp để làm hại nước Việt-nam. Như thế mới là dân trong Thiên chúa giáo, như thế mới là dân của đồng bào nước Việt-nam. Nếu có ai không chịu giết người Pháp, nhả tâm nhìn người Pháp làm hại người Việt tức là không phải dân Thiên chúa giáo tức là trong đạo chúa Cứu thế không có thứ đạo lý ấy; hơn nữa trong đồng bào nước Việt-nam không có cái giống người ấy. Một lớp người này là dân Da-tô cần diệt người Pháp để bảo vệ đồng loại mà thờ Chúa. Bằng bảo rằng dân Da-tô không có tư tưởng diệt Pháp, người nước Việt-nam ta quyết không có cái thuyết ấy» (4).

Lòng tin tưởng của Phan-bội-Châu không phải không có căn cứ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở cuối thế kỷ XIX, đồng bào Thiên chúa giáo đã có những đại biểu xứng đáng của mình trong hàng ngũ những người yêu nước. Đội Vũ, một thủ lĩnh nghĩa quân theo đạo Thiên chúa ở Nam-định đã chiến đấu rất kiên cường và làm quân thù hoảng sợ (5). Nguyễn Phiền,

một lãnh binh người công giáo, thủ lĩnh nghĩa quân xuất sắc ở Quảng-bình bị bắt sa vào tay giặc và bị tra tấn dã man. Mặc dù chúng đem cả bọn cố đạo đến lấy danh nghĩa Chúa cứu thế dụ dỗ, nhưng ông vẫn không chịu đầu hàng giặc và đã hy sinh anh dũng (6). Nguyễn-trường-Tộ, Đinh-văn-Điền, Nguyễn-đức-Thuận, những người công giáo yêu nước đã gửi nhiều điều trần đề nghị cải cách, mong muốn đất nước được giàu mạnh. Phan-bội-Châu còn nhấn mạnh đến sự nhất trí giữa yêu nước và kính chúa. Lê Khanh, một thanh niên Thiên chúa giáo, người huyện Chân-lộc (nay là huyện Nghi-lộc) tỉnh Nghệ-an; là người đã nhiệt liệt hưởng ứng và hoạt động cho phong trào Đông-du. Về sau, anh đã bị Pháp bắn chết khi định đánh giải vây cho Ngư-Hải. Tác giả *Việt-nam nghĩa liệt sử* đã viết về anh như sau:

«Hỡi ôi, tận trung báo nước là do thành tâm, gặp nguy không chịu chết, không muốn cầu miễn như Lê thiết là người trời của nước ta mà cũng là kiêu mẫu của tôn giáo. Đàng ta gọi là ông Hiếu tôn... con con yêu của Thượng đế là Hiếu tôn cũng là hiếu với tổ quốc vậy» (7).

Như vậy, Phan-bội-Châu và các đồng chí của ông quan niệm tận trung báo nước không trái với kính chúa; hiếu với tổ quốc cũng là hiếu với Thượng đế. Phan-bội-Châu chủ trương mọi người đều được tự do tin ngưỡng. Tuy nhận thức của ông còn rất đơn giản, nhưng so với quan niệm cực đoan của những người sĩ phu yêu nước ở cuối thế kỷ XIX thì đã là một tiến bộ và có lợi cho việc đoàn kết lương giáo lúc đó. Ông viết:

«Người ta đều có quyền tự do tin ngưỡng. Ai muốn theo đạo Khổng thì cứ theo đạo Khổng. Ai muốn theo đạo Phật thì cứ theo đạo Phật. Ai muốn theo đạo Da-tô thì cứ theo đạo Da-tô. Nếu đạo ấy đúng đắn thì can chi phải ruộng bỏ

(1, 2, 3, 4) Phan-bội-Châu — *Việt-nam vong quốc sử*. Chu-Thiên, Chương-Thấu dịch. Hà-nội 1958, tr. 80—81.

(5) Đặng-huy-Vận, Chu Thiên, *Đề đốc Tự Hiện và phong trào chống Pháp vùng Nam-định Thái-bình cuối thế kỷ XIX — Nghiên cứu lịch sử* số 83.

(6) Delveaux — *Quelques papiers du capitaine Mouteaux*. B.A.V.H. N° 1, 1944, p. 49 — 90.

(7) Đặng-đoàn-Bằng — *Việt-nam nghĩa liệt sử*, bản dịch của Tôn-quang-Phiệt, Hà-nội 1959, trang 205.

một cách nghiêm khắc. Nếu đạo giáo ấy xằng bậy thì dù người ta có bị mê hoặc trong một thời gian chẳng nữa, lâu rồi cũng phải sinh lòng chán bỏ mà thôi cần gì phải chèn bai cừu địch với nhau» (1) Ở đây, Phan-bội-Châu không thấy được cơ sở giai cấp và nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Tuy vậy, ông đã biết đặt vấn đề tôn giáo trong vấn đề dân tộc. Ông nhấn mạnh rằng là người dân trong một nước thì dù theo tôn giáo nào cũng phải đặt quyền lợi của tổ quốc trên hết. Theo ông, nếu nước đã mất, rồi giống đã bị tiêu diệt thì không một đạo giáo nào có thể « sáng danh » được, « Cho nên các nhà tôn giáo không nên bàn tôn giáo nào phải hay trái, mà chỉ nên bàn nước mình mạnh hay yếu, không nên bàn tôn giáo nào giống nhau, khác nhau, mà chỉ nên bàn nước còn hay nước mất » (2). Ông nhấn mạnh rằng trước mắt hãy tập trung vào kẻ thù bên ngoài vì chúng đang thống trị nhân dân ta, đang bắt dân ta làm nô lệ :

« Hãy một lòng yêu nước, yêu nòi, liều chết chống giặc. Hãy một lòng vì nghĩa. Nếu được như thế thì không phải bàn là theo đạo Không, đạo Phật hay đạo Da-tô. Về sau, muốn theo đạo nào thì cũng còn nòi giống để mà theo, nòi mất rồi, giống tuyệt rồi, lấy đâu mà tôn sùng làm sáng lớn tôn giáo nữa » (3). Ông cũng nói rõ thêm rằng nước đã mất thì cũng không có tự do tín ngưỡng. Năm 1923 Phan-bội-Châu viết tác phẩm *Thiên hồ để hồ* [Trời ơi ! Thượng đế ơi !] khi nói đến cuộc hội nghị của hội Đồng minh học sinh đạo Cơ đốc thế giới họp ở Bắc-kinh, đã vạch rõ rằng những người Thiên chúa giáo Việt-nam cũng là con của Thượng đế, cũng « muốn cầu đạo đức mới, rất muốn chen vào một ghế ở giáo hội Cơ đốc thế giới » nhưng đại biểu của họ lại là người Pháp vì chính phủ Pháp cấm người Việt-nam xuất dương. Ông đau xót viết : « Như thế, người mất nước thì đến việc cầu đạo đức cũng không được tự do. Nếu quả có thượng đế thật, thì thượng đế đối với hạng người mất nước đó nên như thế nào ? » (4).

Nhận thức của Phan-bội-Châu hoàn toàn phù hợp với tình hình đạo Thiên chúa trên nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến. Như chúng ta đã biết, sau thời kỳ bình định thực dân Pháp tuy có ưu đãi giáo hội nhưng chỉ một số người có quyền cao chức trọng trong giáo hội mới có những đặc quyền đặc lợi cho nên tín đồ Thiên chúa, mặc dù là kinh chúa, nhưng vẫn đối lập về quyền lợi với bọn thực dân và bọn nắm quyền trong giáo hội. Và ngay trong nội bộ giáo hội cũng không phải không có mâu thuẫn. Giáo hội Đông-dương phải hoàn toàn phụ thuộc vào hội truyền giáo

Pháp; các chức vụ quan trọng trong giáo hội đều do giáo sĩ nước ngoài nắm giữ. Giáo hội Việt-nam là một bộ phận của giáo hội Pháp và không được coi là một giáo hội chính thức. Giữa những giáo sĩ người Âu và giáo sĩ Việt-nam có sự phân biệt đối xử. Do đó không kể là người dân lao động theo đạo Thiên chúa mà ngay đến các giáo sĩ Việt-nam cũng không tránh khỏi được sự nhục nhã của người dân mất nước vì chính sách thực dân được thi hành ngay cả ở trong giáo hội. Tuy nhiên, một mặt Phan-bội-Châu khẳng định tinh thần yêu nước của những người giáo dân và chủ trương đoàn kết lương giáo, nhưng một mặt ông cũng thấy khá rõ dã tâm và âm mưu chính trị của bọn giáo dân điệp đội lột thầy tu. Ông đã vạch rõ thủ đoạn xảo quyệt của bọn thực dân tư bản chủ nghĩa trong việc dùng tôn giáo làm công cụ xâm lược và bành trướng thuộc địa. Trong tác phẩm *Thiên hồ để hồ*, Phan-bội-Châu đã dành nhiều trang nêu lên thủ đoạn trên đây của bọn thực dân Pháp trong việc xâm lược nước ta. Âm mưu của Bê-hen trong việc phục vụ cho chủ nghĩa tư bản Pháp đã bị ông vạch trần như sau : « Tuy hẳn lấy tư cách là người đi truyền giáo cho giáo hội, nhưng âm mưu của hẳn là làm nhiệm vụ của đội tiên phong, cho công cuộc đi xâm lược của nước Pháp. Hẳn tự xưng là con yêu của Thượng đế, là hậu thân của Da-tô Cơ đốc, nhưng cái chứa trong óc hẳn lại chính là chính sách của « chủ nghĩa đế quốc » của Nã-phá-luân » (5). Phan-bội-Châu cũng đã nêu khá rõ thủ đoạn xảo quyệt và khôn khéo của Bê-hen trong việc « chụp » lấy Nguyễn Ánh khi đang lưu lạc chìm nổi ở Gia-định, để đặt nền móng cho việc xâm lược của thực dân Pháp sau này. Ông viết :

« Hẳn có dã tâm ghê tởm, những loại giáo đồ nông nổi không thể sánh kịp. Vì thế sau khi yết kiến Nguyễn Ánh rồi, hẳn liền ra sức trình bày kế hoạch phục quốc để cảm dỗ Nguyễn Ánh » (6). Phan viết tiếp : « Theo Bi-nhu, kế hoạch xâm lược này là một kế hoạch lớn, không thể bỏ qua được, dù không thực hiện được ngay cũng phải lưu lại ít nhiều dấu vết để cho người sau tiếp tục làm cho được » (7).

(1, 2, 3) Phan-bội-Châu — *Tân Việt-nam*, bản dịch viết tay của Trần-lê-Hữu.

(4) Tác phẩm này Phan-bội-Châu ký tên là Phan-thị-Hán. Chúng tôi sử dụng bản dịch đánh máy của Nguyễn-sĩ-Lâm, Lê-xuân-Oai, Chương-Thấu.

(5, 6, 7) Phan-thị-Hán — *Thiên hồ để hồ*, tài liệu đã dẫn.

Và như chúng ta đã biết, sau khi lên ngôi, để trả ơn Bê-hen, Gia-long đã phải để cho các giáo sĩ Pháp dễ dàng truyền đạo. Bọn gián điệp đội lốt thầy tu lợi dụng cơ hội đó đã hoạt động khá ráo riết để chuẩn bị cho mưu đồ của bọn tư bản Pháp. Phan-bội-Châu đã vạch rõ rằng bọn chúng «đều noi theo chính sách của Bi-nhu và lại còn thấm nhuần rất sâu cái tinh thần của Bi-nhu [P. de Béhatne]: bên ngoài thì đeo cái mặt nạ đạo đức mà bên trong thì làm cái chức vụ nâng đỡ cho chính sách tàn ngược của chính phủ Pháp» (1). Ông đã tố cáo trước dư luận thế giới rằng bọn tư bản Pháp đã mượn danh nghĩa Chúa cứu thế để thống trị nhân dân Việt-nam:

« Các người [bọn tư bản Pháp — T.G.] mang sứ mệnh Thượng đế thương con tới nước chúng tôi mà giày xéo lên đất đai chúng tôi, mà nuốt sống nhân dân chúng tôi như nuốt cá thịt, người ấy có phải ai đâu chính là người Pháp-lan-tây đồ đệ đạo Da-tô đó [bọn tư bản Pháp — T.G.] » (2). Ông cũng đã phê bầy luận điệu lừa bịp của bọn gián điệp lốt thầy tu trong việc mượn danh nghĩa chúa để ru ngủ nhân dân bị áp bức. Ông vạch rõ rằng t.ong khi họ nói «đạo đức là con đường hòa bình, không qua bác ái không được»; «thượng đế là cha trời, loài người là anh em» (3) thì «cái mà chúng tôi đã gặp là cái độc «tôn giáo tiêu diệt nước người» (4). Trong khi họ diễn giảng nếu «chủ nghĩa chân chính bình đẳng thân yêu» này [đạo Da-tô — T.G.] được áp dụng trong hoàn cầu thì mọi người đều bình đẳng nhưng người nước chúng tôi «từ 60 năm nay, có tai mà không được nghe, có mắt mà không được nhìn, có tay chân mà không được co duỗi, có đầu óc mà không được tư tưởng» (5). Người nước tôi đã nhiều lần yêu cầu người Pháp trả lại tự do và độc lập cho nước chúng tôi nhưng họ «quyết không chịu cho chúng tôi cái hạnh phúc đó; ruộng đất chúng tôi họ chiếm cứ, quyền lợi chúng tôi họ hưởng thụ, cho đến cái hạnh phúc của tai mắt tay chân, đầu não họ cũng cắt đứt» (6). Đồng thời, Phan-bội-Châu đã vạch trần những thủ đoạn tàn bạo của bọn thực dân Pháp trong việc nô dịch nhân dân ta. Hơn nữa, ông còn vạch ra rằng những kẻ mượn tôn giáo để đạt «mục đích cường quyền» không phải là ít. Bọn tư bản cho rằng «chuyên dùng vũ lực để chinh phục chưa phải là chính sách hay», cho nên chúng mới «mượn đường tôn giáo» (7) để ngấm ngầm thi hành chính sách tiêu diệt nòi giống nước khác.

Vạch trần dã tâm của bọn đội lốt thầy tu cũng như thủ đoạn của bọn thực dân trong việc dùng tôn giáo làm công cụ xâm lược là hoàn toàn đúng.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng hoàn toàn không có nghĩa là dung túng cho kẻ địch lợi dụng tín ngưỡng của đồng bào ta để gây chia rẽ và làm thiệt hại đến lợi ích của nhân dân ta.

Xuất phát từ nhận thức trên đây, Phan-bội-Châu đã đặt vấn đề đoàn kết lương và giáo. Khi đã sang Nhật, Phan viết *Hải ngoại huyết thư* đề gửi về nước kêu gọi nhân dân đứng lên chống Pháp. Nhưng sau khi gặp Lương Khải-Siêu được xem cuốn *Ý-đại-lợi tam kiệt truyện*, ông rất tán đồng chủ trương của Ma-di-ni [Mazzini] về việc phải tiến hành giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ quần chúng cứu nước đồng thời với việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Do đó ông mới viết thêm vào cuốn *Hải ngoại huyết thư sơ biên* một phần kêu gọi nhân dân đoàn kết và đổi là *Tục hải ngoại huyết thư* do ông Lê Đại dịch. Kết thúc bài này ông kêu gọi đoàn kết chống giặc. Trong đoạn «kêu gọi sự đồng tâm của giáo đồ Thiên chúa», ông đã tóm tắt chủ trương đoàn kết lương giáo như sau:

« Từ nhà thế tộc quan cao,

Từ người thân sĩ, phú hào binh dân,

Khắp đến kẻ hành nhân tâu tốt,

Cả giáo đồ khắp suốt nơi nơi

Đội trời, đạp đất ở đời.

Sinh ra Nam quốc là người trọng phụ

Ai cũng bưng phục thù báo quốc»...

... « Dẫu cùng ta là đạo bất đồng

Nhưng cùng đất nước cùng chung,

Quyết không có nhẽ nào không vì mình

Chớ thấy khác mà sinh hình tích

Đề cho rằng cứu địch nam nhân,

Chữ rằng đồng loại tương thân

Giáo dân xem với lương dân khác gì!»...

... « Thấy quân tàn ngược bất nhân,

Dẫu cùng một giáo nhưng thân nỡ gì» (8).

Lớn lên trong phong trào đấu tranh vũ trang sôi nổi của nhân dân Nghệ Tĩnh ở cuối thế kỷ XIX, Phan-bội-Châu một mặt tiếp thu được truyền thống quật cường của dân tộc nhưng mặt khác cũng được chứng kiến cái hậu quả tai hại của khẩu hiệu «sát tả», cho nên ngay khi bước vào cuộc đời hoạt động cách mạng, ông đã rất chú ý đến vấn đề đoàn kết tôn giáo. Trong cuốn *Trùng quang tâm sử*,

(1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) Phan-thị-Hàn — *Thiên hồ để hồ*, tài liệu đã dẫn

(8) Đặng-thai-Mai dẫn trong *Văn thơ Phan-bội-Châu* Hà-nội trang 142 — 143.

tuy lấy khung cảnh của cuộc kháng chiến thời Hậu Trần nhưng ông vẫn cố đưa vấn đề đoàn kết lương giáo cũng như khẳng định tinh thần yêu nước và sự đóng góp của họ cho cuộc

kháng chiến. Trong chuyện đã có một đồng bào Thiên chúa giáo rất tích cực với công việc cứu nước và có cả một làng công giáo đã quyên trâu bò, tiền bạc cho nghĩa quân (1).

III — MỘT VÀI TÀI LIỆU VỀ PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA ĐỒNG BÀO THIÊN CHÚA GIÁO HỒI ĐẦU THẾ KỶ XX

Phong trào yêu nước chống Pháp của đồng bào Thiên chúa giáo hồi đầu thế kỷ XX không thể tách rời với công cuộc vận động cách mạng của Phan-bội-Châu. Tài liệu hiện nay còn rất thiếu, chúng tôi một mặt dựa vào những tài liệu của Phan-bội-Châu, một mặt kết hợp với lời kể lại của cụ Nguyễn Hộ ở Mặt trận tổ quốc Nghệ-an nhằm cung cấp một số tài liệu về phong trào yêu nước của đồng bào Thiên chúa giáo hồi đầu thế kỷ XX.

Như chúng ta đã biết năm 1904, sau khi thi hỏng kỳ thi thứ hai khoa thi hội, Phan-bội-Châu đã lên đi Quảng-nam gặp ông Trần Thị ở nhà ông Tiểu-la; Trần Thị đã ngoài 50 tuổi, có tinh thần yêu nước. Trước đây đã bị thực dân Pháp bắt giam, Trần mới giả dạng đi tu ở chùa Thất-son. Gặp Phan, Trần Thị rất mừng và dẫn ông vào kinh yết kiến Kỳ ngoại hầu. Sau đó, ông lại cùng Phan trở vào Quảng-nam họp với ông Trình Hiền cùng với một số đồng chí (trong nghĩa đảng để trừ tình công việc. Trần Thị chịu trách nhiệm về Nam-kỳ trừ liệu tài chính để chi phí cho nghĩa hội. Còn Phan-bội-Châu lại ra Bắc để đi các nơi vận động phong trào cách mạng. Đối với công cuộc vận động đồng bào Thiên chúa giáo, ông được Ngô Quảng giúp đỡ rất đắc lực. Ngô Quảng hiệu là Thần-son, nguyên là một kiện tướng của Phan-đình-Phùng phụ trách Nghi thứ (quân thứ Nghi-xuân). Sau khi Phan-đình-Phùng thất bại, ông phải xin đi theo đạo Thiên chúa, ăn nhả chờ thời cơ hoạt động. Ông vẫn thường đi lại với Phan-bội-Châu để bàn tính kế hoạch cứu nước. Do có Ngô Quảng là người theo đạo nên Phan đã thâm nhập dễ dàng trong giáo dân. Ông đã gặp gỡ những đạo trưởng như cụ Thông ở Mộ-vĩnh, cụ Truyền ở Mỹ-dụ, cụ Thông ở Quỳnh-lưu, cụ Ngọc ở Quảng-bình. Đứng như những điều suy nghĩ của Phan, đồng bào Thiên chúa giáo rên xiết dưới ách thống trị của bọn thực dân đã hưởng ứng nhiệt liệt phong trào cứu nước do ông đề xướng. Tháng 10 năm 1904, Phan-bội-Châu lại trở vào Quảng-bình và cũng do đã ước hẹn trước với các yếu nhân trong giáo hữu như cụ Thông, cụ Thị nên Phan đã mở được một cuộc dạ hội tại nhà giáo Ba-đôn. Những người dự hội phần nhiều là dư đảng của ông Hiền, ông

Hậu, họ oán ghét giặc Pháp rất là sâu sắc. Còn các người khác đều do ông Học, ông Thiện, ông Tú, ông Định vận động đồng bào đến. Đồng bào Thiên chúa giáo nói chung đã hưởng ứng sôi nổi lời kêu gọi của Phan-bội-Châu. Trong *Niên biểu*, Phan viết: « Đám mây đen tối chia rẽ giáo lương bây giờ đã được quét sạch, đó cũng là việc đáng thích » (2). Như vậy, ngay khi Phan chưa xuất dương, đồng bào Thiên chúa giáo ở miền Bắc Trung-bộ đã hưởng ứng khá tích cực lời kêu gọi của Phan, hố sâu ngăn cách giữa lương và giáo ở đây đã phần nào bị phá vỡ. Đặc biệt, khi Phan-bội-Châu sang Nhật gửi *Hải ngoại huyết thư* về nước thì phong trào lại càng lên mạnh. Ở Nam-bộ, phong trào phát triển có chậm hơn. Năm 1907, phái Thiên chúa giáo ở Hương-cảng có mở một trường Cao đẳng tiểu học. Trong trường này, có anh Trần-văn-Tuyết, một thiếu niên Nam-kỳ, con tri phủ Trần-chánh-Biểu tức Gilbert Chiêu, theo học. Phan-bội-Châu được viên thông phán ở đó giúp đỡ đã giác ngộ được anh. Trần-văn-Tuyết sau một thời gian tìm hiểu đã tán thành chủ trương của Phan. Sau đó, anh lại theo lời ông, gửi những văn kiện cách mạng về cho bố đọc và vận động bố anh tham gia phong trào. Được ít lâu, Trần-chánh-Biểu sang Hương-cảng cùng với các anh Trần-văn-Định, Bùi-mộng-Vũ. Trần-chánh-Biểu từ khi sang Hương-cảng về đã hoạt động tích cực cho phong trào Đông-du. Từ đó, thanh niên Nam-kỳ xuất dương nhiều trong đó có cả thanh niên Thiên chúa giáo. Ở Bắc-kỳ chúng tôi chưa có tài liệu nào nói về phong trào yêu nước của đồng bào Thiên chúa giáo và trong các tài liệu của Phan-bội-Châu để lại cũng không thấy nói đến. Riêng ở Nghệ Tĩnh thì phong trào khá mạnh mẽ. Ở đây phong trào đã lôi cuốn được nhiều linh mục tham gia và đã thành hình một tổ chức do Đẩu-quang-Lĩnh, Nguyễn-thần-Đông và Nguyễn Tường đứng đầu. Đẩu-quang-Lĩnh sinh năm 1867, con ông Đẩu Dung

(1) Cuốn này có bản dịch của Trần-lê-Hữu nhà xuất bản Văn hóa 1957 với tên *Hậu Trần dật sử*.

(2) Phan-bội-Châu *Niên biểu*, bản dịch của Tôn-quang-Phiệt trang 50.

tức cố Chiên ở làng Yên-phú [Việt-yên] huyện Đức-thọ [Hà-tĩnh]. Ông giỏi chữ Hán và chữ La-tinh. Cụ Huỳnh-thúc-Kháng trong *Thi từ tùng thoại* viết về ông như sau: «Đỗ quân có thông chữ Hán, về học thuyết mới cũng thông hiểu không mê tin như ai» (1). Khi còn làm việc đạo, ông thường được nhà chung giao cho dịch sách nước ngoài do đó mà ông đã được đọc các Tân thư đặc biệt là các trước tác của Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu. Ngoài ra tham gia phong trào còn có linh mục Phan ở xứ Kê-tùng [Đức-thọ], linh mục Minh ở xứ Kim-đôi, xứ Đông-tràng, Phan-bội-Châu ở đây đã dựa được vào giáo dân nhiệt tình yêu nước như Trần-văn-Bình, Nguyễn Hộ để bắt rả vào đồng bào Thiên chúa giáo và các đạo trưởng trong giáo hội. Trần-văn-Bình người phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh. Mồ côi cha mẹ từ lúc còn nhỏ, ông rất nghèo và là một tín đồ rất sùng đạo. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nghệ-an, ông nổi dậy kháng chiến nhưng bị thất bại. Ông cho rằng nước mất là vì địch có vũ khí tối tân nên từ đó ông ra sức học tập máy móc, chế tạo vũ khí. Ông vẫn đi lại với Phan-bội-Châu để bàn bạc công việc cứu nước. Năm 1906 - 1907, Phan muốn vũ trang khởi nghĩa, ông nhận trách nhiệm xây dựng một công binh xưởng để cung cấp vũ khí cho nghĩa quân. Nguyễn Hộ quê ở Vinh là một thanh niên Thiên chúa giáo rất nhiệt tình yêu nước. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Hộ đã bị bắt nhiều lần nhưng vẫn kiên trì theo đuổi cách mạng. Ngoài ra, chúng ta còn phải kể đến Lê Khánh, một thanh niên Thiên chúa giáo ưu tú đã có nhiều đóng góp cho phong trào. Ông người huyện Chân-lộc [nay là Nghi-lộc]. Thuở nhỏ, ông theo học ở trường dòng. Cụ thân sinh ra ông hy vọng sau này ông sẽ ra làm linh mục. Nhưng lớn lên, Lê Khánh đã thấy nỗi nhục của một người dân mất nước và tìm con đường hoạt động cứu nước. Ông đau xót khi thấy nhân dân bị làm than cực khổ dưới ách thống trị của bọn thực dân. Ông thường nghĩ rằng:

«Chúa ta và các môn đồ đều lấy máu rửa cái dơ của người đời, nay tổ quốc, đồng bào bị tai ách như thế; chúng ta không biết bỏ mình cứu vớt; ngồi nhìn nước mất, chủng diệt, tương lai ta sẽ tuyên cái giáo gì» (2).

Sống ở trường dòng, ông bị bọn giáo sĩ Pháp ngăn cấm nghiêm ngặt nên không dám hoạt động nhưng mặt khác, ông càng hiểu vì sao một số giáo dân điệt lối thấy tu cố tình tìm mọi cách bưng bít tình hình chính trị và ngăn chặn học sinh trường dòng tìm hiểu các sách tân thư ở ngoài đưa vào. Nhưng sau khi ra trường, thoát khỏi sự ràng buộc của giáo sĩ

Pháp, ông đã được tự do giao thiệp với bên ngoài. Nhờ đó, ông đã được Trần-văn-Bình giới thiệu với những người phụ trách Duy tân hội và đã hoạt động khá tích cực cho phong trào Đông du. Đồng bào Thiên chúa giáo Nghệ Tĩnh thường gọi ông thân mật là già Khánh. Lúc đó, tổ chức thường lấy xã Đoài làm nơi liên lạc đi về. Sau nhiều lần trao đổi, họ đã nhất trí với chủ trương của Phan-bội-Châu và thấy rằng việc cấp thiết trước mắt là phải đoàn kết lương giáo và đào tạo cán bộ. Do đó, tổ chức những người công giáo yêu nước ở Nghệ Tĩnh đã quyết định chọn trong các chủng sinh ở tiểu chủng viện hay đại chủng viện cho sang Nhật học trước sau có vài chục người trong đó có các anh như Lưu-văn-Quế, Lý-trọng-Mậu, Nguyễn-văn-Phú tức Mậu đơn, Lê-kin-Thanh, Lý-hồng-Chung, Lê Khanh. Có người học đã thành tài như anh Lưu-văn-Quế tức Yên-đan. Anh người Quỳnh-lưu, sang Nhật học sau đổi họ tên là Lý-trọng-Hoàn nhập tịch Trung-quốc nên được cấp học phí lưu học ở Nhật-bản. Anh tốt nghiệp trường Cao đẳng công nghiệp sau đó lại học ở trường bách khoa đại kỹ sư công chính, nhưng không có điều kiện về nước phục vụ. Nhiều người đã hoạt động tích cực cho phong trào của Phan-bội-Châu như anh Nguyễn-văn-Phú hiệu Mậu-đơn, anh Lê Khanh, em Lê Khánh.

Đồng thời, nghĩa hội đã cử Mai-lão-Bạng tức Mai Châu ra nước ngoài với tư cách là đại biểu của đồng bào Thiên chúa giáo tham gia hội Duy tân để cộng tác và giúp đỡ Phan trong công việc cứu nước. Phan-bội-Châu đã họp toàn trường để hoan nghênh. Mai Châu rất nhiệt tình hoạt động cho phong trào. Ông đã viết *Lão bang phổ khuyến* và được Phan cho in 200 cuốn vào tháng 8 năm 1908 ở Nhật để gửi về trong nước. Tác phẩm này đã có tác dụng lớn trong công việc tuyên truyền đồng bào Thiên chúa giáo chống Pháp. Bức ảnh của Lão Bạng chụp chung với Phan-bội-Châu và Cường Đê cũng đã được gửi về trong nước, coi như hình ảnh tượng trưng cho tinh đoàn kết giữa lương và giáo. Cụ Nguyễn Hộ kể lại rằng hồi đó trong khi đi tuyên truyền trong giáo dân, cụ thường mang theo bức ảnh đó.

Phong trào đang phát triển thuận lợi thì bị tên Châu giám điệp đội lối thấy tu báo cho Pháp bắt ba ông linh mục: Lĩnh, Tường, Đông. Chúng bắt ngờ khám nhà ba ông, bắt được

(1) Huỳnh-thúc-Kháng - *Thi từ tùng thoại*, trang 134.

(2) Đặng-đoàn-Bằng - *Việt-nam nghĩa liệt sử*, bản dịch của Tôn-quang-Phiệt, Hà-nội, trang 204.

danh sách đồng bào Thiên chúa giáo đóng tiền gạo và một số sách tân thư. Tuy chứng cứ chưa rõ ràng, nhưng ba ông vẫn bị giam và bị tra tấn rất dã man ở nhà lao Vinh. Ba ông đã nêu cao tinh thần đấu tranh bất khuất và không chịu khai báo một điều gì. Chứng chất vấn Đậu-quang-Lĩnh rằng « đã đi làm «cụ đạo» sao còn làm giặc? ». Ông đã khẳng khái làm đôi câu đối trả lời chúng như sau :

« Vị bạch nhân hồ, thử sinh giảng tọa, pháp trường, nhược cam, nhược khổ, nhược lời đình, chỉ thị công dân thường trách nhiệm.

« Giai hoàng tộc giả, vô số nhơn nhân chí sĩ, vi phối, vi đồ, vi lưu huyết, khả vô ngổ bĩ biểu đồng tâm ».

Tạm dịch :

« Vì người da trắng ư, sống trên giảng tọa, nơi pháp trường khi ngọt, khi cay, khi sấm sét, chỉ là phần công dân phải đền trách nhiệm.

« Đều giống da vàng cả, vô số hạc nhơn nhân chí sĩ, bị đầy, bị tù, bị đổ máu, lẽ nào bọn chúng tôi không biểu đồng tâm » (1).

Chúng cảm giận ba ông liền giao sang cho tòa án Nam triều trị tội, đồng thời bắt bớ tràn lan để khủng bố và uy hiếp tinh thần giáo dân. Nam triều định kết án tử hình ba ông, nhưng các ông đã đấu tranh quyết liệt nên chúng cũng đành phải kết án tù 9 năm và đầy ba ông đi Côn-đảo. Cùng với ba ông, 50 giáo dân đã bị kết án tù từ một năm đến 5 năm. Ở ngoài Côn-đảo, Đậu-quang-Lĩnh đã làm nhiều bài thơ nói lên tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất của mình.

Tâm sự của Đậu-quang-Lĩnh đã được Huỳnh-thúc-Kháng nói đến trong hai bài thơ chữ Hán; trong đó có câu :

« Quyền nước còn hèn, quyền giáo thấp,

Tri thần chưa mở, tri dân, ngậy.

Làng nô lũ quyết xô nên đồ.

Chữ thập cơ toan dựng xứ này (2).

Về sau linh mục Lĩnh được đưa về Sài-gòn và quản thúc ở Cái-mông (tỉnh Bến-tre). Linh mục Cường hy sinh ở Côn-đảo, linh mục Đồng bị quản thúc ở Nhân-hòa (Nghệ-an).

Vào những năm 1909-1910, mặc dù phong trào bị dập tắt, Lê Khánh tuy bị địch truy nã rất gắt gao, nhưng vẫn cố gắng hoạt động để xây dựng lại cơ sở. Ông đã cùng với Ngự-hải dự định vũ trang khởi nghĩa vì sợ rằng địch khủng bố thì dần dần phong trào cũng đi đến chỗ tàn rã. Hai ông đã viết thư đề nghị Phan lo mua vũ khí ở ngoài gửi về trong nước. Nhưng kế hoạch đưa vũ khí về nước bị lộ không thực hiện được. Ở trong nước, phong

trào ngày càng gặp khó khăn. Lê Khánh đã bị bắt một lần và bị giam ở nhà lao Vinh. Giặc tra tấn ông cực kỳ dã man nhưng không khai thác được tài liệu. Bị giam trong tù, ông trữ lại gói bánh tày và về sau đã bện thành dây thừng để leo lên mái nhà, rồi ngó trốn khỏi nhà lao. Năm 1910 ông Ngự-hải đi hoạt động về họp hội nghị ở nhà một đồng chí ở Phan thôn. Ở đây đã tụ tập một số đồng chí trong đó có Ứng-quế Tạ-quốc-Khanh. Bọn Pháp dò biết đem quân vây bắt, theo Việt-nam nghĩa liệt sử thì chúng đưa tới 500 lính. Trong người ông Ngự-hải có mang súng lục và mặc dù quân địch đông gấp bội, ông vẫn chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Theo lời cụ Nguyễn Hộ kể lại ông đã nấp ở trên máng nước giữa hai ngôi nhà giáp nhau và dùng súng lục bắn vào quân thù. Đến khi hết đạn, ông dùng viên đạn cuối cùng tự bắn mà chết, quyết không chịu sa vào tay giặc. Lê Khánh được tin đem dân làng đến đánh giặc vây cũng bị bắn chết. Theo tài liệu của địch thì chúng đã nhận bừa rằng chúng đã bắn chết Ngự-hải, nhưng không đúng; trong *Niên biểu Phan-bội-Châu* cũng ghi rằng Ngự-hải đã dùng viên đạn cuối cùng để tự sát và không chịu sa vào tay giặc.

Cũng như tình hình chung của phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước của đồng bào Thiên chúa giáo cũng bị đàn áp khốc liệt sau cuộc kháng sưu bùng nổ mãnh liệt ở miền Nam Trung-kỳ cho nên từ năm 1910 phong trào có phần nào bị sút xuống. Tuy vậy, đồng bào Thiên chúa giáo vẫn nung nấu chí căm thù và sẵn sàng chờ thời cơ đứng lên chống Pháp.

Ở nước ngoài, Mai-lão-Bạng vẫn sát cánh cùng Phan hoạt động cứu nước. Sau khi đã gặp Phan, Mai-lão-Bạng định trở về nước bằng đường Xiêm. Chính phủ Pháp dò biết đã nhờ bọn cầm quyền Xiêm lúc đó bắt giam ông. Ông bị tù bốn tháng rồi bị trục xuất. Sau ông sang Hương-cảng để gặp Phan-bội-Châu, lại bị bọn Anh bắt giam ba tháng. Sau khi thả ra, chúng lại trục xuất; ông phải về Quảng-đông một thời gian. Đầu năm 1912, được tin cách mạng Tân-hợi (Trung-hoa) thành công, ông từ Xiêm

(1) Bản dịch của Chu-Thiên.

(2) Nguyên văn như sau :

Thần tri vị khai, dân tri ám
Quốc quyền bất chấn, giáo quyền ty
Lực bài nô chương thiên trùng lũy
Biệt thụ minh đồ thập tự kỳ.

(Bản dịch ở trên và tài liệu lấy trong Huỳnh-thúc-Kháng — *Thi từ tòng thoại*, sách đã dẫn ở trên).

trở lại Trung-quốc gặp Phan-bội-Châu và tham gia hội nghị thành lập Việt-nam quang phục hội. Trong hội nghị này, ông được cử làm ủy viên chấp hành phụ trách kinh tế cùng với ông Đặng-tử-Kinh. Sau đó Phan-bội-Châu lại tổ chức hội Chấn Hoa hưng Á nhằm tranh thủ sự viện trợ của cách mạng Trung-hoa để vũ trang bạo động đánh đuổi thực dân Pháp. Để có cơ sở giao thiệp đối ngoại, trong thời gian này, Phan thuê một cái nhà hai tầng 10 gian chia làm 3 sảnh rộng trước cửa treo biển sơn son thiếp vàng của Đông bằng y xã. Việc y tế do một tây y là Dương-trấn-Hải người Triều-tiên phụ trách và một đông y do Mai-lão-Bạng phụ trách. Đến tháng 8 năm Nhâm-tý (1912), Phan lại cải tổ Việt-nam quang phục hội để người Trung-hoa tham dự, Mai-lão-Bạng giữ chức phó tổng trưởng tài chính, Lê Lộc-Nam người Quảng-đông giữ chức tổng trưởng.

Tháng 3 năm Quý sử (1913), Phan và Mai-lão-Bạng vẫn lưu trú tại Quảng-đông. Hai người trong thời kỳ này gặp rất nhiều khó khăn, Mai-lão-Bạng viết bài *Khuyến đồng tâm* để khuyên anh em hoạt động cách mạng ngoài nước phải hết sức đoàn kết, quên hết tiểu khí tư lợi để cùng đồng lòng chung sức làm cách mạng. Vào tháng 5, tình hình Trung-hoa biến đổi, Long Tế-Quang nắm chính quyền ở Quảng-đông và thay đổi thái độ đối với cách

mạng Việt-nam. Việt-nam quang phục hội phải rút lui vào bí mật. Tháng 7, viên toàn quyền Xa-rô (Sarraut) thân sang Quảng-đông trực tiếp giao thiệp với tổng đốc Long Tế-Quang, yêu cầu bắt Cường Đê, Phan-bội-Châu và Mai-lão-Bạng. Phan đã được người mật báo trước, nhưng chưa kịp rời Quảng-đông thì bị bắt. Hôm đó là ngày 24 tháng 12 (1913). Bọn quan quân Trung-hoa lấy tiền của Pháp vu cho Phan ngầm kết với Trần Quýnh-Minh, bắt giam hai ông, mỗi người một nơi. Phan vận động Đoàn Kỳ-Thụy giúp đỡ, nên Long Tế-Quang đem giam ở núi Quan-âm và nói dối với Pháp là đã quyết nghị xử trảm rồi. Mai-lão-Bạng vẫn bị giam ở sở cảnh sát mà Phan không biết. Đến tháng ba năm Bình thìn (1916), Long Tế-Quang bị quân hộ quốc đánh bại chạy về Quỳnh-Châu, Phan được tha. Lúc đó, Phan mới được Phan-bá-Ngọc và Lê Dư báo cho biết tin Mai vẫn bị giam. Phan nhờ Mạc-vinh-Tân cứu được Mai-lão-Bạng, nhưng lại chính là mưu của Phan-bá-Ngọc nhằm bắt Mai nộp cho Pháp. Vào tháng 3 năm Mậu ngọ (1918), Mai ở nhà tù ra về đến Thượng-hải thì bị Phan-bá-Ngọc bắt giải về trong nước. Ông bị giam ở nhà lao Hà-nội, rồi nhà lao Vinh. Ông bị kết án tù chung thân, nhưng đến năm 1926 thì Mai được địch thả về. Ông sống tại quê nhà ở Vinh và mất ở đó.

* * *

Nói tóm lại, Phan-bội-Châu đã có nhiều đóng góp tích cực cho công cuộc vận động đồng bào Thiên chúa giáo cũng như việc đoàn kết lương giáo ở đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, Phan chưa thấy rõ được nguồn gốc xã hội cũng như chưa thấy rõ được cơ sở giai cấp của vấn đề tôn giáo để đặt vấn đề đoàn kết tôn giáo. Nói chung ông còn chú trọng nhiều đến tầng lớp trên nên chưa khuấy động được một phong trào yêu nước rộng lớn trong đồng

bào Thiên chúa giáo. Vì vậy, phong trào còn lẻ tẻ, tự phát, chưa đều trong toàn quốc và cũng chưa có cơ sở vững chắc trong quảng đại quần chúng lao động của tin đồ Thiên chúa giáo và phải đến khi có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông-dương thì phong trào cách mạng Việt-nam nói chung, phong trào yêu nước của đồng bào Thiên chúa giáo nói riêng mới trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn và có một cơ sở vững chắc,



PHAN-BỘI-CHÂU TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

NGUYỄN-THỊ TUYẾT-MAI

Trong lịch sử Việt-nam ta biết bao anh hùng đã góp sức đẩy lịch sử tiến lên. Phan-bội-Châu là một trong những nhân vật như thế.

Trong thời kỳ hoạt động cách mạng của mình, Phan-bội-Châu dựa vào lực lượng phong kiến là lực lượng đã suy tàn, và lực lượng tiểu tư sản và tư sản là những lực lượng đang thành hình và yếu ớt, cho nên Phan thất bại là lẽ tất nhiên. Song trong lịch sử cách mạng Việt-nam, Phan-bội-Châu đã suốt đời vì dân vì nước mà đấu tranh liên tục, do đó cụ đã thiết thực cống hiến vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau năm 1897, phong trào Cần vương thất bại, thực dân Pháp đã đặt vững nền đô hộ của chúng; nhưng ngọn lửa cách mạng vẫn âm ỉ cháy trong mạch máu của dân tộc Việt-nam, một dân tộc bất khuất. Trước những biến chuyển về kinh tế và xã hội trong nước, tiếp theo ảnh hưởng tư tưởng bên ngoài dội mạnh vào các sĩ phu yêu nước đã dần dần mạnh dạn vứt bỏ những quan niệm hẹp hòi, cũ kỹ về thế giới và nhân sinh, hấp thu tư tưởng mới và mưu đồ sự nghiệp cứu nước theo những phương hướng hoạt động mới. Tiêu biểu nhất cho giới sĩ phu yêu nước và tiến bộ lúc ấy là Phan-bội-Châu, một nhà yêu nước chân chính tiêu biểu cho thời kỳ cách mạng đầu thế kỷ XX.

Với tinh thần yêu nước cao độ, với chí khí cách mạng kiên cường, Phan-bội-Châu đã có ảnh hưởng lớn lao và rộng rãi trong quần chúng, có tác dụng chi phối cả một thời đại: thời đại Phan-bội-Châu. Phong trào Phan-bội-Châu đã đánh dấu một giai đoạn lịch sử, là cái gạch nối giữa hai giai đoạn trong lịch sử cách mạng Việt-nam, sau khi phong trào Cần vương thất bại và trước khi một phong trào mới chưa gây nên để tiếp tục cuộc vận động giải phóng dân tộc. Phan-bội-Châu đã làm cho thực dân Pháp và thế giới thấy rằng dân tộc Việt-nam là một dân tộc bất khuất,

luôn luôn đấu tranh chống xâm lược. Trước tòa án đề hình Hà-nội, luật sư của Pháp bào chữa cho Phan-bội-Châu đã thừa nhận: « Trong mấy chục năm gần đây, lịch sử Việt-nam đã lẫn lộn với lịch sử Phan-bội-Châu... Dẫu tôi là người Pháp, đối với Phan-bội-Châu tôi cũng phải hâm mộ. Tôi hâm mộ là hâm mộ cái thân thể quang vinh, cái tinh thần cao thượng, cái nghị lực bất di, bất khuất đã từng tỏ ra trong các việc làm của đời ông ».

Tên tuổi nhà chí sĩ họ Phan đã được nhân dân ta kính mến, người Pháp khâm phục, Phan là tượng trưng một lực lượng cách mạng trong lịch sử cận đại Việt-nam.

Phan-bội-Châu tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh vì hạnh phúc nhân dân, vì quyền lợi dân tộc. Cụ là tấm gương sáng cho lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần lạc quan cách mạng. Chỉ khi đấu tranh diệt thù cứu nước của Phan thật là mãnh liệt. Thua keo này, Phan lại bày keo khác, dùng phương pháp này không được Phan lại tìm phương pháp khác. Trước những thất bại dồn dập có lúc Phan thối chí nản lòng, kém phần tự tin, nhưng qua cơn khủng hoảng tư tưởng ấy, Phan lại trấn tĩnh được tinh thần và nhận ngay được đường đi của mình, rồi lại hăng hái lao mình vào sự nghiệp cứu nước.

Sinh ra gặp cảnh nhà tan nước mất, Phan sớm mang nặng tấm lòng yêu nước thương nòi. Phan đã nhận rõ trách nhiệm của một người dân trung thực của đất nước là phải hy sinh phấn đấu chống kẻ cướp nước để giành độc lập dân tộc và mưu đồ cho sự cường thịnh của giống nòi. Ngay từ thuở nhỏ, Phan-bội-Châu đã có nhiều hành động thể hiện một chí khí khác thường. Năm lên chín tuổi (1876), thấy văn thân Nghệ-an, Hà-tĩnh khởi nghĩa lấy khẩu hiệu « Bình Tây » hiệu triệu, Phan tụ tập các bạn học nhỏ lấy ống tre làm súng, tập vài làm đạn, giả đũa làm quân Bình Tây. Năm mười bảy tuổi (1883), giữa lúc Pháp đã

chiếm hết Bắc-kỳ, từ Ninh-binh trở ra nghĩa binh nổi dậy rầm rộ, Phan-bội-Châu nửa đêm kêu đèn thảo bài hịch « Bình Tây thu Bắc » (đánh Tây lấy lại đất Bắc) bị mật đem dán trên cây to ngoài đường cái. Rồi năm mươi chín tuổi (1885), kinh thành Huế thất thủ, Pháp kéo quân vào tỉnh Nghệ-an, thân hào hai tỉnh Nghệ—Tĩnh đều phụng chiếu cầu vương của Hàm Nghi khởi nghĩa, Phan-bội-Châu đã tụ tập anh em bạn học tổ chức thành đội « Thi sinh quân » gồm 60 người đề ứng nghĩa. Năm hai mươi tuổi (1886), Phan viết bài « Song Tuất lục » với nội dung ca ngợi việc năm Giáp-tuất dân hai tỉnh Nghệ—Tĩnh khởi nghĩa và việc năm Bình-tuất dân hai tỉnh này cầu vương, kèm theo lời phê phán ngắn rất mực tán dương hai ông Trần Tấn và Đỗ Mai là những người đã bị giặc giết vì bị khệp tội đứng đầu phản nghịch... Thất bại bước đầu đã là một bài học kinh nghiệm cho Phan-bội-Châu. Từ bài hịch « Bình Tây thu Bắc » không được hưởng ứng; rồi tổ chức đội « Thi sinh quân » bị dân làng khiển trách vì bị binh Pháp kéo đến đốt phá bắn giết ngay sau đó; bài « Song Tuất lục » thì bị học trò buộc phải đốt đi..., Phan thấy muốn làm được việc lớn thì cần phải lập danh theo thời, phải bồi dưỡng lực lượng.

Xuất thân từ tầng lớp phong kiến, mang theo tư tưởng giai cấp mình, lại sinh trưởng trong một vùng mà phong trào Cần vương chống Pháp lên rất mạnh, Phan-bội-Châu thấy chỉ có con đường vũ trang khởi nghĩa, con đường cách mạng bằng bạo động mới có thể đưa tới chỗ cứu nước cứu dân; ngoài con đường đó không còn con đường nào khác.

Vì hoàn cảnh gia đình, năm 34 tuổi, Phan-bội-Châu mới bắt đầu hoạt động cách mạng. Cụ rất hâm mộ các nhà văn thân kháng Pháp. Năm 1901 cụ liên kết với dự đảng cần vương định đến ngày kỷ niệm Cộng hòa của Pháp (14-7-1901) dùng dao mác để cướp vũ khí giặc rồi đánh úp tỉnh thành Nghệ-an nhưng việc thất bại.

Năm 1904 Phan-bội-Châu thành lập Duy tân hội, một tổ chức cách mạng đầu tiên trong giai đoạn mới và tìm người trong hoàng tộc là Kỳ ngoại hầu Cường Để lập làm minh chủ. Khi làm việc này Phan muốn lợi dụng nhà Nguyễn để thu phục nhân tâm, cốt làm sao đánh đuổi được giặc Pháp. Mục đích chính của Hội là khởi phục nước Việt-nam lập thành nước quân chủ lập hiến. Phát động phong trào Đông-du, Phan tin tưởng vào Nhật, Phan thấy rằng Nhật có vang danh ở Á đông vì đang đánh bại đế quốc Nga trong chiến tranh Nga—Nhật (1904—1905); Phan hy vọng Nhật là dân

tộc da vàng sẽ giúp đỡ các dân tộc da vàng nhỏ yếu ở Á đông thoát khỏi ách áp bức bóc lột của bọn đế quốc da trắng. Việc Nhật thắng Nga cũng kích thích tư tưởng yêu nước của sĩ phu Việt-nam, các sĩ phu này thấy rằng người da vàng có thể đánh bại người da trắng và có thể làm cho nước giàu dân mạnh được.

Từ già quê hương, Phan xuất dương để lánh lộ trên con đường cách mạng, lúc qua Nhật, khi về Trung-quốc, khi đi bán sách kiếm ăn rồi sang Xiêm làm ruộng chờ thời, Phan đã trải bao gian nan, bao cảnh tù tội gian khổ tối tăm, nhưng trước sau Cụ vẫn một lòng hy sinh phấn đấu vì nước vì dân. Trải qua nhiều thất bại đau đớn, nhưng Phan vẫn luôn luôn ra sức gây dựng lại phong trào, tổ chức lực lượng tìm cách thay đổi phương pháp đấu tranh, luôn luôn lạc quan tin tưởng ở tiền đồ về vang của dân tộc. Có lần ở trong nhà giam, Phan đã tuyệt thực bảy ngày chỉ mong chết, nhưng khi nghe tin đại chiến Âu châu bùng nổ, cụ lại phấn khởi trở lại ăn uống như thường. Phan tin rằng đại chiến Âu châu là cơ hội để Phan thực hiện giấc mộng đánh Pháp cứu nước. Phan cũng luôn tâm niệm một lý tưởng là quyết tâm chiến đấu cho nền độc lập dân tộc. Chính Phan đã tuyên bố: «

« *Đề huê chi mà đề huê,*

Ôn thù ta hãy còn lâu,

Trông tre nên gậy gập đầu đánh què ».

Phan-bội-Châu đã mở đầu cho con đường cách mạng bằng hình thức mới khác hẳn các lãnh tụ của phong trào cần vương trước. Phan thấy rõ kẻ thù chính là đế quốc Pháp xâm lược, thấy được sự hủ bại của giai cấp phong kiến làm tay sai cho đế quốc: « *Mãn triều Trung-quốc cũng như Nguyễn triều Việt-nam đều là một phường chó chết như nhau cả* », cho nên Cụ đã vượt ra khỏi tư tưởng phong kiến của sĩ phu cần vương. Thêm vào đó, chịu ảnh hưởng tiến bộ của tư tưởng tư sản Pháp thông qua các tân thư của Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu, và nhất là thông qua ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tân-hội, Phan-bội-Châu càng ngày càng quyết tâm tiến dần vào con đường đấu tranh giành độc lập để xây dựng một tổ quốc cộng hòa tiến theo con đường tư bản chủ nghĩa giàu mạnh. Cụ lo lập hội cách mạng, vận động mặt trận chống giặc, liên kết với phong trào cách mạng các nước Á châu. Phan căm ghét bọn phong kiến hủ bại phản động và muốn khai hóa nhân dân theo tư tưởng Khang—Lương. Phan mong muốn phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, xây dựng được nước nhà đủ sức tự cường tự lập, và Phan đã lập hội Duy-tân cổ động tuyên truyền cho sự đổi mới phong tục văn hóa.

Phan-bội-Châu mang thù không đội trời chung với đế quốc nên chủ trương đánh giặc đến cùng. Để đạt mục đích đó, Phan chủ trương bạo động, nhiều khi đi đến phiêu lưu nguy hiểm và dựa vào Nhật để làm ngoại viện chính, đi đến chỗ không phân biệt được rõ ràng tinh chất ăn cướp của đế quốc Nhật. Nhưng Phan-bội-Châu là một con người tiến bộ luôn luôn theo kịp sự phát triển của phong trào cách mạng dân tộc. Qua hơn hai mươi năm trời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng đất nước, Phan đã có nhiều sự thay đổi về chính kiến, tư tưởng, phương pháp đấu tranh. Cụ đã cố gắng tiến bộ, luôn luôn thể hiện thái độ thực sự cầu thị, tinh thần cầu tiến trên con đường cách mạng, mặc dù bị sự ràng buộc của đạo lý Khổng Mạnh. Từ tư tưởng quân chủ là tư tưởng chính trị bước đầu, cụ đã dần dần mạnh dạn chuyển sang tư tưởng dân chủ, và cho đến thời kỳ hoạt động cuối cùng của đời mình, cụ đã bước đầu chịu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười. Cũng chỉ vì tinh thần giai cấp hạn chế nên tư tưởng dân chủ ở Phan-bội-Châu phát triển chậm chạp. Ngay từ năm 1905, khi sang Nhật gặp Lương Khải-Siêu và một số chính khách Nhật-bản, được giới thiệu những tư tưởng tư sản Âu Tây và tình hình quốc tế, tuy Phan chưa thay đổi chủ trương quân chủ, nhưng đã bước đầu chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản, nên Cụ đã từ bỏ tư tưởng cầu viện mà chuyển sang tổ chức thanh niên du học, phong trào du học này chính là cái cầu nối giữa khuynh hướng có tinh thần phong kiến của Hội Duy tân lúc đầu và khuynh hướng có tinh thần dân chủ tư sản. Tư tưởng dân chủ tư sản nảy mầm ở Phan ngay từ thời gian Cụ viết cuốn *Hoàng-phan-Thái*, ca tụng hành động của Hoàng-phan-Thái chống lại Tự Đức bị khép tội đại nghịch bất đạo. Năm 1906, được gặp Tôn Trung-Sơn là người rất mực đề cao dân chủ, công kích chủ trương quân chủ lập hiến, Phan cũng đã có cảm tình với chủ nghĩa dân chủ, nhận thấy chính thể dân chủ cộng hòa là hay song chưa áp dụng được trong điều kiện lịch sử của Việt-nam. Sang năm 1907, tư tưởng dân chủ thấm nhuần dần khi Cụ được tiếp xúc với các nhân sĩ cách mạng chi bộ Văn-nam. Đến năm 1909 tư tưởng này đã phát triển hơn do Cụ được sự giúp đỡ tận tình của đảng cách mạng Trung-quốc; Cách mạng Tân-hợi năm 1911 đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế (Mãn Thanh), lập chính phủ cộng hòa dân quốc đã có ảnh hưởng quyết định đến tư tưởng chính trị của Phan-bội-Châu. Thấy Trung-hoa là thành trì của chế độ phong kiến lạc hậu nay cũng theo dân chủ, thấy rõ dân chủ là xu hướng cách mạng tiến bộ, có theo dân chủ mới tập hợp được đồng đảo

quần chúng, theo quân chủ thì thất bại. Phan đã ngã theo dân chủ, và năm 1912, trong hội nghị thành lập Việt-nam quang phục hội, Phan cương quyết đề nghị chuyển sang dân chủ, đề ra mục đích tôn chỉ của Hội là khôi phục nước Việt-nam độc lập, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt-nam.

Do lòng ái quốc chân thật, do lòng căm thù giặc sâu sắc, Phan-bội-Châu tiếp thu tất cả những tư tưởng mới tiến bộ, luôn luôn cố gắng vươn lên theo kịp trào lưu cách mạng để đạt tới mục đích cuối cùng là đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục độc lập dân tộc, đưa cách mạng đến thành công. Quan sát và nghiên cứu phong trào cách mạng nước bạn, cụ Phan đã thấy rõ được sự lỗi thời của chế độ quân chủ sau năm 1911, Cụ đã biết tiến tới chính sách dựa vào cách mạng và đoàn kết các lực lượng cách mạng Á châu chống đế quốc phong kiến. Cụ đã đi tới tìm hiểu chủ nghĩa xã hội, tìm hiểu Liên-xô qua Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại: « *Chủ nghĩa xã hội là xe tăng của nhà triết học để xông vào thành lũy của chủ nghĩa quốc gia mà cũng là toàn quân vô địch của nhà nhân từ để phá tan đồ đảng của chủ nghĩa tư bản* ». Giữa lúc Phan-bội-Châu cảm thấy mệt mỏi, chán nản vì thất bại dồn dập thì Cách mạng tháng Mười Nga thành công đã soi sáng và mở đường cho cụ tiếp tục sự nghiệp quang vinh. Cụ thân hành lên Bắc-kinh tìm môi giới để nói chuyện với người Nga và đã hỏi căn cứ về việc gửi học sinh sang Nga học tập. Cụ đã phát biểu: « Trong khi người Nga nói chuyện với tôi, tỏ ra thái độ hòa nhã, thành thật, lời nói cũng như nét mặt, lúc mạnh dạn, lúc dịu dàng... ». Có thể nói sau lãnh tụ Nguyễn-Ái-Quốc, Phan-bội-Châu là một trong những người Việt-nam đầu tiên đã góp sức vào việc xây dựng mối tình hữu nghị Việt - Xô ngày nay. Lúc Phan-bội-Châu bị Pháp bắt năm 1925 chính là lúc cụ đang đi từ Hàng-châu về Quảng-dông để gặp những nhà cách mạng ta trong đó có lãnh tụ Nguyễn-Ái-Quốc, nhằm cải tổ lại đảng cách mạng của mình theo phương hướng mới cho thích hợp với phong trào mới, như đề nghị của lãnh tụ Nguyễn-Ái-Quốc. Ngay sau khi bị bắt về Huế, Phan còn treo ảnh Lê-nin trong nhà cạnh tranh vẽ Khổng Tử, để tỏ lòng hâm mộ Cách mạng tháng Mười.

Phan-bội-Châu đã suốt đời hy sinh tận tụy đấu tranh vì dân tộc. Từ lúc mười bảy tuổi bồng bột với bài hịch « Bình Tây thu Bắc », cho đến những năm bị giam lỏng ở Huế tới khi mất, suốt đời cụ chăm lo đến cách mạng giải phóng dân tộc. Phan không những là một nhà hoạt động chính trị mà còn là một nhà

văn nhà thơ cách mạng tài ba đã dùng ngòi bút làm phương tiện động viên, thức tỉnh đồng bào. Không những Phan cổ động tuyên truyền trong nước, cụ còn tuyên truyền ở nước ngoài. Khi xuất dương sang Nhật, gặp Lương Khải-Siêu, cụ viết *Việt-nam vong quốc sử* là cuốn lịch sử cách mạng đầu tiên của Việt-nam, và một số thơ văn khác như *Hải ngoại huyết thư...* gửi về nước cổ động đồng bào, vừa tố cáo tội ác của giặc Pháp, vừa kích thích tinh thần yêu nước chống Pháp. Phan-bội-Châu viết rất nhiều thơ văn yêu nước, hầu hết đều lâm ly thống thiết, tràn đầy một lòng ái quốc nồng nàn, có tác dụng xúc động lòng người rất mãnh liệt. Khi khái, lạc quan cách mạng, không sờn lòng nản chí trước những thất bại gian nan, cảm kích trước nỗi đau khổ của đồng bào đồng chí, tinh thần

hy sinh cao độ trước lợi ích của nhân dân, lòng tin tưởng vào chính nghĩa, vào tương lai của dân tộc, đó là nội dung tư tưởng của thơ văn Phan-bội-Châu.

Những hoạt động của Phan-bội-Châu tuy không đạt được mục đích là khôi phục nền độc lập cho Việt-nam nhưng đã thức tỉnh được các giới đồng bào, đồng viên được hàng triệu thanh niên, đưa họ vào con đường hoạt động cách mạng, đánh giặc cứu nước.

Năm nay dân tộc ta kỷ niệm 100 năm sinh của Phan-bội-Châu, tôi ôn lại cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ nhằm học tập chủ trương cách mạng bằng bạo lực của cụ, lòng trung thành với cách mạng của cụ, và nhất là noi gương tinh thần luôn luôn cầu tiến bộ, thực sự cầu thị của cụ.

Thư nêu lên một số nhận xét...

(Tiếp theo trang 31)

Những đặc điểm trên tổng hợp lại đã đưa đến đặc điểm riêng của Phan-bội-Châu về mặt chính trị: Cụ yêu nước sâu sắc, là nhà cách mạng, đã phát triển không ngừng từ chủ trương quân chủ lập hiến, đến chủ trương có màu sắc dân chủ tư sản rồi đến cảm tình với Liên bang Xô-viết, học thuyết Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội (hiểu theo cách của cụ). Đồng thời, từ bên trong con người và tư tưởng của cụ cũng đã có chỗ cho chủ nghĩa cải lương ần náu. Tư tưởng sai trái này, cuối cùng vẫn là thứ yếu, nhưng khi có điều kiện cũng đã bộc lộ ra.

Tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu không thể không tìm mình trong chủ nghĩa yêu nước, không thể không đáp ứng cho sứ mệnh mà lịch sử đã giao phó cho cụ. Cho nên nó tất yếu phải có nhiều nhân tố duy vật và biện chứng, nhiều nhân tố tiến bộ. Tất yếu Phan-bội-Châu phải đề cao vai trò của con người đối với mệnh trời, tin tưởng ở sự thay đổi của xã hội, đề cao vai trò của quần chúng nhân dân. Tất yếu Phan-bội-Châu phải kế thừa và phát huy đến một trình độ nhất định những

quan điểm triết học và xã hội học tích cực của cha ông, đồng thời gạt bỏ những nhân tố phản động trái với lợi ích dân tộc, dù là của thầy học mình. Đồng thời, Phan-bội-Châu có khả năng đưa vào trong quan điểm triết học của mình một số nhận thức về khoa học tự nhiên, dù là ở trình độ nông cạn. Mặt khác, Phan-bội-Châu cũng không thể đoạn tuyệt với Nho giáo và học thuyết Lão-tử cùng với các phạm trù cũ kỹ của các học thuyết ấy, không thể vượt khỏi chủ nghĩa duy vật thô sơ, phương pháp biện chứng tự phát và quan điểm xã hội học về cơ bản là duy tâm.

Mức độ tiến bộ đến đâu, hạn chế đến đâu, tiến bộ hay hạn chế ở những điểm cụ thể nào, — điều đó có nhân tố ngẫu nhiên. Nhưng, xu thế chung, tất yếu của tư tưởng triết học của Phan-bội-Châu không thể không là tiến bộ, đồng thời chứa đựng nhiều mâu thuẫn được. Xu thế này, chúng ta đã thấy ngay từ khi Phan-bội-Châu đụng đến một trong những phạm trù cơ bản của triết học truyền thống nước ta: phạm trù « khí ».

31-5-67

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ Ý NGHĨA QUỐC TẾ CỦA CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM

QUỲNH-CU

Từ lâu, một sự kiện nổi bật trên thế giới, tập trung sự chú ý của cả nhân loại là cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Để tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, Mỹ đã đưa vào miền Nam gần 50 vạn quân, bao gồm những đơn vị tinh nhuệ, được trang bị bằng những vũ khí tối tân và những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất; đồng thời, Mỹ cũng đã áp dụng ở miền Nam đủ các loại chiến lược quân sự hiện đại: từ «chiến lược toàn cầu», chiến lược «phản ứng linh hoạt» đến chiến lược «chiến tranh cục bộ». Nhưng chúng đã thất bại và ngày càng thất bại. Nước Việt-nam không lớn và sự nghèo nàn về vật chất

cũng nổi tiếng như sự giàu có của Mỹ, nhưng đã «dám đánh» và đánh thắng một cường quốc có nền công nghiệp hiện đại, có những đội quân thiện chiến nhất của chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, nhân dân thế giới chẳng những chỉ theo dõi cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam với lòng khâm phục đồng tình, mà còn coi cuộc đấu tranh đó là tấm gương sáng, có ý nghĩa quốc tế to lớn và những bài học kinh nghiệm quý báu.

Đây là một đề tài lớn và rất phong phú, khả năng lại có hạn, nên chúng tôi chỉ cố gắng trình bày mấy nét về chủ đề này trên cơ sở tài liệu sẵn có, mong được bạn đọc bổ sung.

CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM LÀ TUYẾN ĐẦU CỦA CÁC LỰC LƯỢNG ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ CỦA NHÂN DÂN THẾ GIỚI

Không phải ngẫu nhiên mà các bạn An-giê-ri thường nói: «Nhân dân Việt-nam là người đi đầu và mở màn cho các dân tộc thuộc địa nổi dậy làm cách mạng giải phóng dân tộc bằng vũ trang, bây giờ cũng đi đầu phá xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc và thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ» (1). Càng không phải không có lý do để Hội nghị ba châu hợp ở La Ha-van (Cu-ba) tháng 1-1966, tuyên bố: «Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ là trung tâm của cuộc đấu tranh của tất cả các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới chống chủ nghĩa đế quốc». Cổ nhiên sự đánh giá này không phải là những trường hợp cá biệt riêng lẻ, mà ngày nay, cùng với những chiến thắng liên tiếp của nhân dân miền Nam, ngày càng có nhiều người, nhiều nước đánh giá cao ý nghĩa về vai trò, vị trí cuộc chiến đấu giành độc lập của nhân dân Việt-nam. Đương nhiên sự đánh giá của từng nước, từng khối có khác nhau; song tất

cả đều cho rằng: Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam hiện nay là trung tâm điểm của các lực lượng đấu tranh chống đế quốc trên thế giới.

Vì sao có sự đánh giá đó?

Mọi người đều biết, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, cùng với hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào đấu tranh chống ách thống trị và ảnh hưởng của bọn đế quốc phát triển mạnh mẽ, tấn công vào các thế lực đế quốc, đứng đầu là Mỹ. Trước sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa và nguy cơ diệt vong của chủ nghĩa đế quốc, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ không từ một hành động, thủ đoạn xảo quyệt nào để tấn công lại các phong trào cách mạng. Song song với âm mưu nhằm duy trì thuộc địa bằng chính sách thực dân kiểu mới, đế quốc Mỹ ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị gây chiến tranh thế giới. Năm

(1) *Thông nhất*, số ra ngày 12-8-1966.

1945, sau khi thả hai quả bom nguyên tử xuống đất Nhật, nhất là sau khi chế tạo được vũ khí hạt nhân, Mỹ tự cho rằng đã nắm được vũ khí «tuyệt đối», có thể bắt thế giới tuân theo ý muốn của chúng; trên cơ sở đó, thực hiện âm mưu «chiến lược toàn cầu» làm bá chủ thế giới. Đồng thời, chiến lược «trả miếng ào ạt», dựa vào việc đe dọa dùng vũ khí hạt nhân, cũng trở thành chiến lược thích ứng với chính sách gây chiến đó của đế quốc Mỹ. Kế đó, bên cạnh việc chuẩn bị chiến tranh hạt nhân toàn diện, chúng còn tiến hành những âm mưu lật đổ, can thiệp từng bước và chuẩn bị tiến hành cả những cuộc chiến tranh cục bộ từ thấp lên cao, đàn áp các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc các nước. Vì vậy, ngay sau chiến tranh Mỹ đã ra sức lập hết khối liên minh quân sự này đến khối liên minh phòng thủ khác, xây dựng nhiều căn cứ quân sự, đưa quân đội đến đóng ở nhiều nước để bao vây phe xã hội chủ nghĩa, đe dọa phong trào giải phóng dân tộc thế giới (1). Tình hình đó cho thấy rằng, Mỹ là tên trùm hiếu chiến, xâm lược, là kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân thế giới. Rõ ràng, kẻ khiêu khích phe xã hội chủ nghĩa, kẻ đàn áp các phong trào giải phóng dân tộc, kẻ đe dọa nền hòa bình và an ninh của nhân loại, kẻ cản trở cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân chủ của nhân dân các nước tư bản đều là đế quốc Mỹ. Vì vậy, nhiệm vụ hàng đầu, nhiệm vụ có tính chất trung tâm của thời đại của nhân dân thế giới là phải bằng mọi biện pháp đấu tranh chống Mỹ. Vận mệnh các dân tộc, vận mệnh các trào lưu cách mạng tùy thuộc vào sự thắng lợi hay không thắng lợi của cuộc đấu tranh này.

Trước thực tế ấy, cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam hơn 12 năm qua giữ một vị trí quan trọng đặc biệt. Nó được coi là tuyến đầu của các lực lượng đấu tranh chống đế quốc do Mỹ cầm đầu vì những lý do cụ thể sau đây:

Thứ nhất, ở miền Nam Việt-nam lâu nay đang là nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt nhất giữa hai lực lượng cách mạng và phản cách mạng, đang là nơi tập trung nhiều mâu thuẫn của thời đại cần phải giải quyết: mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức, mâu thuẫn giữa lực lượng gây chiến và hòa bình v.v... Đồng thời, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam cũng gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc, dân chủ, sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới, nghĩa là gắn liền với những mục tiêu cơ bản nhất của cả loài người. Nói một cách khác, sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam có quan hệ mật thiết

với công cuộc bảo vệ phe xã hội chủ nghĩa, với phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh; có quan hệ tới cuộc đấu tranh đòi dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân các nước tư bản chủ nghĩa và sự nghiệp chống Mỹ bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới. Không thể phủ nhận được rằng, trong cao trào đấu tranh chống Mỹ của nhân dân thế giới nhằm giải quyết những mâu thuẫn trên, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam là đỉnh cao trong toàn bộ cuộc đấu tranh của các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình và chủ nghĩa xã hội. Không kể đối với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước đang đấu tranh giành độc lập mà ngay đối với nhân dân các nước tư bản thì kể gây ra cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt-nam cũng là kẻ chủ trương bóp nghẹt các quyền lợi dân chủ, áp bức tư tưởng, cản trở cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống của nhân dân các nước đó. Kẻ thù của nhân dân Việt-nam cũng là kẻ đã chiếm đóng, lập các căn cứ quân sự trên đất Nhật, câu kết với chính phủ Nhật lập căn cứ lâu ngầm nguyên tử, đàn áp cuộc đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế và chính trị của nhân dân Nhật bản. Kẻ đang tăng cường và mở rộng cuộc chiến tranh man rợ đối với nhân dân Việt-nam, chính là kẻ đang bóp nghẹt các trào lưu tư tưởng tiến bộ, chủ trương phân biệt chủng tộc, phái hàng vạn quân đội, cảnh sát bán giết người da đen ở hàng trăm thành phố Mỹ. Ta không ngạc nhiên khi thấy trong một bức thư gửi cho thanh niên miền Nam, nhiều thanh niên Mỹ khẳng định: «Kẻ thù mà các bạn đang đánh cũng là kẻ thù của quần chúng nhân dân Mỹ, và do đó, mỗi một đòn các bạn giáng vào kẻ thù cũng là giúp cho tự do của chúng tôi». Hoặc như là Ê-li-đa-bét Xan-đơc-lan, lãnh đạo tổ chức Ủy ban sinh viên phối hợp đấu tranh không dùng bạo lực ở Nữ-ước, viết trên tạp chí *Sinh hoạt quốc tế* số 2 năm 1966 rằng: «Chúng tôi xuất phát từ quan điểm là giữa vấn đề Việt-nam và cuộc đấu tranh để giành quyền công dân có một mối quan hệ trực tiếp... Chúng tôi nghĩ rằng bọn kinh doanh lớn và giới cầm quyền Mỹ, những lực lượng đang ủng hộ cuộc chiến tranh ở Việt-nam cũng hiện đang ngăn cản sự tiến bộ ở miền Nam nước Mỹ».

Điểm trọng yếu trong ý nghĩa về vai trò trung tâm của cuộc đấu tranh của nhân dân miền

(1) Năm 1947, Mỹ lập khối phòng thủ chung Tây bán cầu; năm 1949, Mỹ lập khối Bắc Đại tây dương; năm 1954 lập khối Đông Nam Á; năm 1955, lập khối Bắc-đá. Số quân Mỹ đóng ở nước ngoài bằng 1/3 tổng số quân đội Mỹ (hơn 90 vạn tên).

Nam còn là ở chỗ cuộc đấu tranh đó gắn liền độc lập dân tộc với một nền hòa bình chân chính của nhân loại. Rõ ràng, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm đánh bại chính sách xâm lược của đế quốc Mỹ chính là đánh bại nguyên nhân trực tiếp gây ra chiến tranh và nguồn gốc sâu xa của chiến tranh. Trong lúc bọn trùm hiếu chiến lâu Năm góc và tòa Nhà trắng không ngớt hò hét mở rộng chiến tranh ở Việt-nam, khiến cho nhiều người có cơ sở để nghĩ rằng: chiến tranh ở Việt-nam có thể dẫn đến một cuộc chiến tranh rộng lớn ở khu vực này. Hơn thế nữa, có thể dẫn đến một cuộc chiến tranh thế giới. Cho nên, cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam nhằm đánh bại âm mưu xâm lược của Mỹ cũng có nghĩa là đánh bại mọi âm mưu mở rộng chiến tranh của chúng; buộc chúng phải tôn trọng quyền tự quyết dân tộc bất khả xâm phạm của nhân dân Việt-nam và nhân dân các dân tộc trên thế giới. Và cũng chỉ có như thế mới bảo vệ được hòa bình, bảo vệ được thành quả lao động và đời sống yên vui của các dân tộc. Đồng chí Giôn-gơn-lan, Tổng bí thư Đảng cộng sản Anh phát biểu trong Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu họp ở Các-lô-vi Va-ri giữa năm 1967 rằng: « Làm thất bại sự xâm lược của Mỹ tại Việt-nam hiện nay là trọng tâm vấn đề an ninh của các dân tộc trên toàn thế giới trong đó có châu Âu ». Giáo sư Vật lý học nổi tiếng Pháp J. P. Vi-giê (Viger) trong buổi nói chuyện tại Hội trường trường tế Pa-ri tối 20-2-1967, cũng nhấn mạnh: « Việt-nam là vấn đề trung tâm của thế giới. Trong lịch sử có những dân tộc phải mang gánh nặng đối với cả thế giới. Hiện nay dân tộc Việt-nam đang làm nhiệm vụ nặng nề đó. Tất nhiên mỗi dân tộc đều có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam lại còn có quan hệ mật thiết tới cuộc đấu tranh của các dân tộc khác ».

Thứ hai, trong quá trình tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, đế quốc Mỹ không chỉ nhằm đàn áp, thống trị nhân dân Việt-nam mà còn biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự uy hiếp châu Á. Hơn thế nữa, chúng còn biến miền Nam thành vị trí đầu cầu, thành vị trí chiến lược quan trọng để Mỹ tiến hành chính sách xâm lược, mở rộng chiến tranh ở Đông Nam Á, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, uy hiếp và chuẩn bị tiến công phe xã hội chủ nghĩa và các nước độc lập. Ngay từ khi Aix-en-hao còn làm tổng thống Mỹ, nhiều lần y tuyên bố: Miền Nam Việt-nam là « tiền đồn quan trọng của Mỹ ở Viễn Đông », vì miền Nam « không chế cửa sông Mê-kông động mạch

trọng yếu của Đông Nam Á, đồng thời tạo thành một bờ biển của biển Nam Trung-hoa, có đường sang Mã-lai và In-đô-nê-xi-a ». Tổng thống Mỹ Giôn-xơn và các giới quân sự thường tuyên bố: phải đánh bại cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam để nêu gương sáng cho thế giới. Từ *Cách mạng quốc gia* (Sài-gòn) số ra ngày 22-4-1959, cũng đề lộ ý đồ của quan thầy chúng về vị trí quan trọng của miền Nam: « Nếu tấn công từ Đài-loan vào lục địa thì phải mất cả ngàn cây số mà chưa chắc đã ăn thua gì. Nhưng nếu từ miền Nam đánh vào Bắc Việt thì chỉ tiến chừng 300 hoặc 400 cây số là có thể chia cắt được khu vực cộng sản ». Điều đó chứng tỏ rằng, cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân miền Nam không chỉ ảnh hưởng đến vận mệnh nhân dân Đông-dương, nhân dân Đông Nam Á, mà còn ảnh hưởng đến hàng loạt phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh và việc duy trì nền hòa bình thế giới.

Đối với phe xã hội chủ nghĩa, trong hệ thống căn cứ chiến lược của Mỹ, nếu Tây Đức được chọn làm bàn đạp tấn công các nước xã hội chủ nghĩa từ phía Tây, thì miền Nam Việt-nam là bàn đạp tấn công từ phía Đông. Vì vậy, tuyên bố ngày 11-2-1965, chính phủ Liên-xô xác nhận: « Việt-nam là tiền đồn phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, đang đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới ». Rõ ràng Mỹ đánh vào Việt-nam là trực tiếp đe dọa các nước xã hội chủ nghĩa; Việt-nam thắng cũng tức là phe xã hội chủ nghĩa thắng. Ta không ngạc nhiên khi nghe thượng tướng Xi-nê-ghe La-i-ốt, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Hung-ga-ri, đến thăm Việt-nam cuối tháng 5-1967, nói rằng: « Việt-nam là pháo đài mạnh mẽ vô địch của phe xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp giải phóng dân tộc ». Hoặc như tuyên bố của Đảng lao động Triều-tiên tại Đại hội lần thứ XXIII Đảng cộng sản Liên-xô rằng: « Cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt-nam và cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt-nam chống cuộc xâm lược này là trung tâm điểm giữa các lực lượng chống đế quốc và các thế lực đế quốc chủ nghĩa. Các Đảng cộng sản và công nhân phải làm tất cả mọi việc có thể làm được để chống đế quốc Mỹ và giúp đỡ nhân dân Việt-nam ».

Khát vọng của Mỹ cũng không chỉ coi miền Nam Việt-nam là miếng mồi béo bở mà chúng còn muốn rằng, cả các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ La-tinh phải là thuộc địa kiểu mới của chúng, phải thuộc quyền sở hữu của « thế giới tự do ». Xâm lược miền Nam, Mỹ đã

thi điếm tất cả các chiến lược quân sự, muốn tích lũy ngay qua cuộc chiến tranh này những kinh nghiệm tiến hành chiến tranh phản cách mạng để áp dụng rộng rãi trên thế giới. Chính Mác Na-ma-ra, bộ trưởng Bộ quốc phòng trong cuộc họp của Ủy ban xét duyệt tài khoản của Thượng nghị viện Mỹ ngày 7-2-1963, thừa nhận: « Chúng ta đang huấn luyện và học tập ở Nam Việt-nam. Binh lính thuộc cả 4 quân chủng của chúng ta đã đang thay phiên nhau đến miền Nam Việt-nam vừa để giúp đỡ tổ chức huấn luyện lực lượng địa phương vừa để rút kinh nghiệm thực tiễn về chiến tranh du kích. Những kinh nghiệm mà họ mang về đã làm phong phú rất nhiều cho việc huấn luyện binh sĩ và góp phần phát triển kỹ thuật và lý thuyết mới cho các cuộc hành quân chống « nổi loạn ». Trưởng Đoàn « cố vấn » quân sự Mỹ ở miền Nam là I-mu-xơ, cũng trắng trợn: « Các cố vấn quân sự của chúng ta ở đây đã thu lượm được những tri thức đầu tay về loại chiến tranh mà trong tương lai nước Mỹ sẽ cần đến để tác chiến ở các nơi khác; qua kinh nghiệm của họ, chúng ta đã sáng lập cho chúng ta học thuyết về cách tiến hành loại chiến tranh thường. Đó là một phòng thí nghiệm để học tập kỹ thuật thâm nhập, phục kích, chống phục kích và tuần tra ban đêm ». Vì thế, Mỹ đã đưa sang miền Nam hàng loạt chuyên gia phụ trách tổng kết kinh nghiệm của loại « chiến tranh đặc biệt ». Đến nỗi ngay từ tháng 4-1962, một nghị sĩ Công đảng Anh đã viết trên tạp chí *Dialle* (Tây đức), xác nhận: « Việt-nam điếm chủ chốt trong chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á đã được chọn làm nơi thí nghiệm đầu tiên cho một loại chiến tranh mà sau này có thể đem áp dụng vào những hoàn cảnh thích hợp ở châu Mỹ la-tinh, Trung Đông và có thể cả Trung Âu nữa ». Chính vì thế, bọn xâm lược Mỹ rất có ý thức rằng, nếu chúng thất bại ở miền Nam Việt-nam thì không phải chúng chỉ « mất » có miền Nam mà là mất thêm nhiều miếng mồi béo bở khác nữa; « mất » miền Nam là Mỹ mất cái cơ sở thuộc địa kiểu mới và căn cứ xâm lược then chốt mà chúng đã tốn bao công phu để gây dựng nên. Ken-ơ-di đã có lần nói: « Nếu rút lui ở Nam Việt-nam và Thái-lan thì như thế có nghĩa là toàn bộ khu vực bị sụp đổ ». David Halbestam, một phóng viên chiến tranh của Mỹ ở miền Nam, trong cuốn *Ngập giữa vùng lầy* cũng nhận rằng: « Một cuộc chiến đấu chống cộng sản thắng lợi ở Việt-nam sẽ có tác dụng làm nản lòng những cuộc gọi là chiến tranh giải phóng » (1).

Qua đó chúng ta thấy rõ, cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam không chỉ

quyết định vận mệnh của nhân dân Việt-nam mà còn ảnh hưởng đến sự sinh tồn của các nước đang đấu tranh để tự giải phóng ở Á, Phi, Mỹ la-tinh. Nhận thức như thế nên trong Hội nghị Ủy ban công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam cuối năm 1963, đại biểu Đan-đi-ba nhấn mạnh: « Chúng ta, các nước thuộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh phải đặt câu hỏi này: nếu để quốc Mỹ thành công trong cuộc thí điếm của chúng thì sẽ ra sao? Theo ý chúng tôi, tôi xin phép được nói rằng chúng sẽ thí điếm đối với chúng ta bất cứ lúc nào khi chúng ta vùng dậy lật đổ bọn tay sai trong nước chúng ta, chúng ta cùng chịu chung số phận đó ».

Thứ ba, chính vì mục tiêu xâm lược của Mỹ như trên đã trình bày; chính vì cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam là trung tâm điếm của các lực lượng đấu tranh chống đế quốc, nên Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam kéo dài, khốc liệt, đã man chưa từng có trong lịch sử thế giới. Có thể nói trong lịch sử chiến tranh thế giới, chưa bao giờ các thế lực xâm lược được tung vào một chiến trường nhỏ hẹp như miền Nam số lượng quân đội, vũ khí, bom đạn và tiền của lớn như thế. Điều đó một lần chứng tỏ cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam hiện nay, đang ở mặt trận chính diện, căn bản nhất của các lực lượng đấu tranh chống đế quốc. Vì vậy cho nên:

Ở miền Nam, Mỹ đã huy động trực tiếp và gián tiếp vào cuộc chiến tranh 75% lực lượng, 60% không quân, 40% hải quân, bao gồm những đơn vị tinh nhuệ nhất của cả nước Mỹ; đồng thời nuôi dưỡng và trang bị cho một đội quân đánh thuê bản xứ trên 60 vạn tên.

Ở miền Nam, Mỹ phải chi tiêu một số tiền lớn chưa từng thấy (2). Theo con số chúng công bố, chi phí cho cuộc chiến tranh ở Việt-nam riêng năm 1966 là 25 tỷ đô-la, chúng còn dự định tăng từ 5 đến 7 tỷ trong năm 1967.

Ở miền Nam, Mỹ đã sử dụng các loại vũ khí kiểu mới, trừ vũ khí hạt nhân; chúng cũng đã tiến hành chiến tranh hóa học và thả số lượng

(1) David Halberstam — *En plein bourbier*, Nhà xuất bản Buchet Chastel, Paris — 1966, trang 305.

(2) Theo báo *Tin Mỹ* và *Thế giới* 2-1-1967 thì chi tiêu quốc phòng năm cao nhất trong chiến tranh Triều-tiên (1953) là 49 tỷ. Chi tiêu quốc phòng năm 1966 là 58 tỷ đô-la và năm 1967 có thể tới 70 tỷ đô-la.

bom cực lớn (1). Bộ chỉ huy quân sự Mỹ đã bỏ ra hàng tỷ đô-la để tiến hành 4.500 công trình nghiên cứu nhằm phát triển các loại vũ khí và trang bị (2).

Ở miền Nam, Mỹ đã áp dụng đủ mọi thứ chiến lược, đã tập trung vận dụng những kinh nghiệm đàn áp nhân dân các nước trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II của bọn phát-xít Đức, những kinh nghiệm « đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân Hy-lạp sau chiến tranh, những kinh nghiệm đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở Mã-lai của đế quốc Anh, những kinh nghiệm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đông-dương của thực dân Pháp cùng những « bảu bối » khác của chủ nghĩa thực dân.

Ở miền Nam, Mỹ đã đưa vào các tướng soái quân sự và các nhà chính trị, ngoại giao sừng sỏ nhất của tòa Nhà trắng và lầu Năm góc (3).

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ còn âm mưu lập ra 17.000 « ấp chiến lược », nhằm nhốt hơn 10 triệu nông dân miền Nam, tạo ra những nhà ngục lớn nhất trong lịch sử nhân loại.

Ở miền Nam, Mỹ đã phải tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược trong nhiều năm, và lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, chúng đưa đại quân vào nhưng không chặn được tình hình nguy ngập, hoặc khiến cục diện biến chuyển có lợi cho chúng, ngược lại, chúng vẫn phải liên tiếp chịu những thất bại chông chốt.

Qua mấy nét trên, có lẽ là chưa đầy đủ, chúng ta thấy rõ, về bất cứ mặt nào, cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam đều có ý nghĩa là tuyến đầu của các lực lượng đấu tranh chống đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ. Khỏi phải nói rằng, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, nhân dân

miền Nam không phải chỉ xuất phát từ quyền lợi dân tộc mà trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, nhân dân miền Nam rất có ý thức giác ngộ về nghĩa vụ quốc tế của mình. Trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội lần thứ II của Mặt trận giải phóng miền Nam, luật sư Nguyễn-hữu-Thọ thay mặt nhân dân miền Nam khẳng định: « Chúng ta rất tự hào được sống trong thời đại có nhiều ý nghĩa như hiện nay, và rất hãnh diện được thay mặt cho nhân dân các nước đứng trên mũi nhọn của cuộc kháng chiến với tư cách là những người đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc dưới hình thức đấu tranh chống cuộc « chiến tranh đặc biệt »; chúng ta quyết thay mặt cho nhân dân thế giới bẻ gãy mưu đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và làm cho những kinh nghiệm mà chúng rút ra ở miền Nam chỉ là kinh nghiệm của sự thất bại ». Trong diễn văn chào mừng Đoàn đại biểu quân sự Hung-ga-ri sang thăm Việt-nam giữa năm 1967, đại tướng Võ-nguyên-Giáp cũng nhấn mạnh: « Nước Việt-nam chúng tôi đang đứng trên tuyến đầu của phe xã hội chủ nghĩa và của cả loài người tiến bộ chiến đấu chống tên đế quốc hung bạo nhất trong thời đại hiện nay. Chúng tôi đang làm nhiệm vụ của dân tộc mình, đồng thời làm nhiệm vụ quốc tế về vang dội với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Chúng tôi nhất định chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng ».

Chính với nhận thức và quyết tâm ấy, nhân dân Việt-nam đã « dám đánh » và đánh thắng một tên đầu sỏ đế quốc hiếu chiến, giáng một đòn chí tử vào âm mưu gây chiến, chọc thủng mặt trận căn bản của đế quốc Mỹ, làm suy yếu thế lực Mỹ, đi tới chấm dứt con đường xâm lược của chúng ở nơi này.

CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM LÀ MỘT NHÂN TỐ ĐOÀN KẾT CÁC LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG THẾ GIỚI, LÀ NGUỒN ĐỘNG VIÊN MẠNH MẼ PHONG TRAO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CÁC NƯỚC

Như trên ta đã thấy, từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đã diễn ra cuộc đấu tranh rộng lớn và quyết liệt chưa từng có giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và một bên là phe xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân quốc tế, các dân tộc bị áp bức và nhân dân các nước nhằm giành hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, hơn lúc nào hết, bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu bị các lực lượng cách mạng tấn công từ mọi phía, hình thành một trận tuyến rộng lớn có khả năng chôn vùi chủ nghĩa đế quốc. Và, xuất phát từ mục tiêu cuối cùng của các cuộc đấu tranh đều nhằm tiêu diệt chủ nghĩa

(1) Theo *New York Herald Tribune* 10-10-1966 thì, riêng năm 1966 Mỹ thả 638.000 tấn bom ở Việt-nam trong khi cả 3 năm chiến tranh ở Triều-tiên, Mỹ ném 448.366 tấn bom. Năm 1967, Mỹ định ném 4.824.000 tấn bom ở Việt-nam.

(2) UPI: 25-3-1963.

(3) « Danh tướng » như Tay-lo — cha đẻ của chiến lược « phản ứng linh hoạt » với các loại chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, đã phải nuốt hận về vườn.

— Nhà « chính trị lỗi lạc » như Ca-bốt-lốt cũng đành chôn vùi vốn liếng chính trị trong cuộc chiến tranh « vô cùng chán ngán » ở miền Nam.

để quốc, nguồn gốc của mọi áp bức, bóc lột và chiến tranh, nên giữa các phong trào cách mạng có quan hệ gắn bó, thúc đẩy lẫn nhau.

Trước hết, phong trào chống bọn đế quốc hiếu chiến và xâm lược phải kết hợp chặt chẽ với cuộc cách mạng lật đổ chủ nghĩa đế quốc, giành giải phóng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Có làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, cuối cùng quét sạch chủ nghĩa đế quốc thì mới thủ tiêu được nguy cơ chiến tranh, duy trì một nền hòa bình lâu dài trên trái đất. Nói rõ hơn, trong thời đại hiện nay, sự phát triển như vũ bão và sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới không thể tách khỏi sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân quốc tế; ngược lại, chỉ có hết lòng ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc đang tấn công mạnh mẽ vào hậu phương của chủ nghĩa đế quốc, phe xã hội chủ nghĩa và giai cấp công nhân quốc tế mới làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình. Đó là những tiền đề khách quan hướng tới một mặt trận chống Mỹ rộng lớn và có tổ chức. Tiền đề này có một đà thuận lợi là những năm gần đây, cùng với cuộc chiến đấu kiên cường của nhân dân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ, phong trào cách mạng ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh phát triển nhanh chóng, lôi cuốn những lực địa mệnh mông từ: Lào, Campuchia, Thái-lan qua Đan-đi-ba, Công-gô (L), Ga-na, Ghi-nê (Bit-xô), Mô-dăm-bích, Ca-bin-da, Cáp-ve, Ca-mơ-run, Kô-đê-đi Bắc, Nam Phi đến Vê-nê-đu-ê-la, Goa-tê-ma-la, Cô-lôm-bi, Pê-ru v.v... đều nổi lên dùng đấu tranh chính trị hay đấu tranh vũ trang để tự giải phóng. Không thể phủ nhận được rằng, trên từng khu vực nhỏ, trên từng mặt trận, trong từng lúc, do điều kiện chủ quan của từng nước, phong trào cách mạng một số nơi còn bị thao túng lũng đoạn, song không phải vì thế mà cách mạng thụt lùi, ngược lại cách mạng các nước vẫn áp đảo kẻ thù mạnh mẽ. Để đối phó với cơn bão táp cách mạng này, đế quốc Mỹ đã phát động nhiều cuộc chiến tranh thực dân đủ các loại: kiểu cũ, kiểu mới, chiến tranh cục bộ, chiến tranh đặc biệt và dùng cả hình thức lật đổ từ bên trong; đồng thời chúng ra sức tập trung mọi hoạt động nhằm chia rẽ phe xã hội chủ nghĩa, đe dọa, lôi kéo các nước dân tộc chủ nghĩa, tranh thủ sự nhất trí trong phe đế quốc. Vì vậy, ý nghĩa của sự phối hợp hành động chống đế quốc Mỹ hơn lúc nào hết trở thành một yêu cầu cấp bách của thời đại, là phương hướng tấn công đảm bảo thắng lợi của mọi cuộc cách mạng chống đế quốc do Mỹ cầm đầu. Kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh: trong quá trình chiến đấu để tự giải phóng, các

dân tộc càng cần phải xiết chặt hàng ngũ của mình, phải phối hợp chặt chẽ những cố gắng, tiến tới những hành động có tổ chức, mới giành được thắng lợi. Không phải nói rằng, đoàn kết để chiến thắng kẻ thù, đó là quyết tâm của các dân tộc bị áp bức đang vùng dậy đòi quyền độc lập và tinh hữu nghị giữa các dân tộc. Vì vậy, có thể nói, nếu mục đích chiến tranh của Mỹ ở miền Nam còn là biến miền Nam thành bàn đạp tấn công phe xã hội chủ nghĩa, phá hoại hòa bình thế giới và phong trào giải phóng dân tộc các nước; nếu cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam còn là góp phần tích cực bảo vệ phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, thì chiến thắng của nhân dân rõ ràng cũng có ý nghĩa thực tiễn to lớn ở chỗ, nó có thể từng bước dẫn đến việc tăng cường đoàn kết các lực lượng cách mạng trên thế giới chống đế quốc Mỹ.

Có thấy được nhân dân miền Nam đang đánh vào khâu trọng yếu nhất của hệ thống đế quốc, đập tan chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, đánh chúng ở mặt trận quan trọng, khiến cho chúng gặp nhiều khó khăn trong các kế hoạch chuẩn bị chiến tranh hạt nhân tổng lực đánh phe xã hội chủ nghĩa; đồng thời, làm cho Mỹ không đủ sức cùng một lúc mở hai cuộc chiến tranh tương tự như ở Việt-nam, mới thấy được ý nghĩa quốc tế to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam, và cũng mới thấy được miền Nam Việt-nam là nhân tố đoàn kết quan trọng nhất, dẫn tới một mặt trận chống Mỹ rộng rãi và có hiệu lực.

Đối với phe xã hội chủ nghĩa, không phải ngẫu nhiên mà đồng chí Brê-giơ-nép, Trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Liên-xô trong Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân ở châu Âu, nhấn mạnh: « Những sự kiện ở Việt-nam lại một lần nữa nhắc nhở chúng ta rằng trong tình hình hiện nay việc củng cố sự thống nhất của đội ngũ của phong trào cộng sản thế giới chính là nhiệm vụ quan trọng sống còn biết nhường nào ». Cũng không phải không có lý do để bạn bè ta thường khẳng định: Việc ủng hộ Việt-nam ngày nay đã trở thành « hòn đá thử vàng », là thước đo lòng yêu nước, tinh thần cách mạng và lòng yêu hòa bình của mỗi người trước cuộc đấu tranh giữa các lực lượng cách mạng và phản động, hòa bình và chiến tranh, chính nghĩa và phi nghĩa. Tờ *Rondong Shin-Mum*, cơ quan trung ương của Đảng lao động Triều-tiên ngày 12-8-1966, viết rằng: « Lập trường đối với vấn đề Việt-nam là thước đo cơ bản để kiểm nghiệm lập trường mác-xít-lê-nin-nít của mỗi

Đảng. Đương nhiên, có nhiều mâu thuẫn khác, nhưng vì hành động chung chống đế quốc và mặt trận thống nhất, người ta phải tìm ra những điểm chung trước hết là trong vấn đề cơ bản này (vấn đề ủng hộ Việt-nam chống Mỹ — tác giả chú thích) còn thì gác lại những vấn đề khác». Điều đó cho ta thấy rõ quyết tâm chống Mỹ, đoàn kết với nhân dân Việt-nam của các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng phản ảnh yêu cầu bức thiết là trước việc Mỹ tăng cường xâm lược miền Nam, mở rộng leo thang đánh phá miền Bắc, các nước xã hội chủ nghĩa cần khắc phục một số bất đồng nội bộ để đoàn kết chặt chẽ, thống nhất hành động, mà trước mắt là trả lời sự thách thức của Mỹ xâm lược nước Việt-nam dân chủ cộng hòa bằng hành động cụ thể.

Từ lâu, nhân dân Việt-nam đã và đang nhận được sự giúp đỡ ngày càng to lớn về mọi mặt của Liên-xô, Trung-quốc và các nước anh em khác; sự ủng hộ đó như đồng chí Phi-đen Cát-xơ-rô nói: «Vi Việt-nam chúng tôi xin hiến dâng cả dòng máu của mình»; song cũng chính cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam đã là chất xúc tác tăng cường sự đoàn kết chặt chẽ trong phe xã hội chủ nghĩa. Có thấy được giữa nước này nước khác, giữa quan điểm về vấn đề này hay vấn đề khác trong phe xã hội chủ nghĩa còn chưa thống nhất, hoặc ngay trong việc thành lập mặt trận chống Mỹ, ủng hộ Việt-nam, chưa phải tất cả đã hoàn toàn nhất trí về biện pháp tiến hành kể cả về nội dung, tổ chức, song tất cả các nước dù có những ý khác nhau nhưng đều đồng tình với quan điểm và đường lối chống Mỹ của nhân dân Việt-nam. Sự việc đó một lần nữa chứng tỏ, bằng đường lối chống Mỹ đúng đắn của mình, nhân dân Việt-nam đã thuyết phục được sự đồng tình của cả phe xã hội chủ nghĩa, là chất xi-măng gắn bó các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế, trên cơ sở chống Mỹ, bảo vệ nền hòa bình và an ninh của nhân loại.

Cùng với sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh ở các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh cũng là một nguồn động viên lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam; song, cũng không thể phủ nhận được rằng, chính cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam đã và đang tạo ra những cơ hội tốt cho các nước để giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng. Các bạn An-giê-ri xác nhận: «Nhân dân Việt-nam hy sinh vô hạn chống đế quốc Mỹ xâm lược chẳng những để cứu nước cứu mình mà còn trực tiếp ủng hộ phong trào

giải phóng dân tộc trên thế giới và trực tiếp giúp đỡ, củng cố và bảo vệ các nước giành được độc lập dân tộc». Nghị quyết Hội nghị ba châu đoàn kết với Việt-nam đầu năm 1966 cũng khẳng định: «Bản thân cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam là một sự ủng hộ trực tiếp và góp phần mạnh mẽ vào phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước ở khắp 3 châu, đồng thời là tấm gương chói lọi cổ vũ toàn thể loài người tiến bộ».

Đặc biệt đối với các nước láng giềng Đông Nam Á, cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân miền Nam không chỉ là nguồn động viên cổ vũ lớn lao mà vấn đề đoàn kết chống Mỹ còn được đặt ra cấp thiết trong sinh hoạt chính trị hàng ngày. Có thấy được Mỹ xâm lược Việt-nam, đồng thời xâm lược Lào, khiêu khích Căm-pu-chia, đe dọa nền độc lập của In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, Mã-lai v... mới thấy được ý nghĩa của việc đoàn kết chống Mỹ để đảm bảo quyền dân tộc tự quyết của mỗi dân tộc. Trong diễn văn đọc trước một cuộc mít tinh lớn của nhân dân Nông-pênh, quốc trưởng Nô-rô-đôm Si-a-núc tuyên bố: «Chúng ta báo trước để nhân dân thế giới biết và đặc biệt là để quốc Mỹ và bè lũ tay sai biết, nếu quân thù buộc chúng ta phải làm như vậy (phải chiến đấu — Q.C.) thì chúng ta sẽ không do dự mà cùng các dân tộc anh em Việt-nam (Việt-nam dân chủ cộng hòa — Q.C.), Mặt trận dân tộc giải phóng Lào (Neo Lào Hắc-sạt — Q.C.) và Thái-lan (Mặt trận yêu nước Thái-lan — Q.C.) lập một mặt trận chung chống bọn xâm lược». Trong nghị quyết cuộc mít-tinh của lao động Mã-lai ngày 23-4-1967, cũng khẳng định: «Cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược là một sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu cho cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ của Mã-lai chúng ta».

Chính do nhận thức rằng cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam có tác dụng hỗ trợ to lớn đến cuộc cách mạng giải phóng dân tộc như trên, nên các nước đó đều coi thắng lợi của nhân dân miền Nam là thắng lợi của chính bản thân họ, coi cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam là nguồn gốc của sự đồng tình sâu sắc đối với các dân tộc bị áp bức, là một đảm bảo cho công cuộc giải phóng mà họ có thể làm được; trên cơ sở đó, càng đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ ở mỗi nước. Ta không ngạc nhiên khi thấy nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Neo Lào Hắc-sạt ngày 5-2-1966, vạch rõ: «Đứng trước những hành động thâm độc và vô cùng dã man của đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân Lào là anh em gần gũi, có chung hàng nghìn cây số biên giới với Việt-nam và Găm-pu-chia sẽ

tăng cường đoàn kết với nhân dân Việt-nam, kẻ vai sát cánh đấu tranh chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai». Với ý nghĩa ấy, Hội nghị tổ chức đoàn kết các nước châu Mỹ la-tinh lần thứ nhất tại La Ha-van tháng 8-1966 đã nhất trí quyết nghị: « Phải tạo thêm một Việt-nam thứ hai và nhiều Việt-nam nữa để có thể tấn công mạnh mẽ hơn chủ nghĩa đế quốc ». Cũng chính ý nghĩa ấy nên có nước tự cho là một thiếu sót khi phong trào cách mạng nước mình chưa được đẩy mạnh. Đồng chí Giê-đuy Pha-ri-a (Jesus Faria) tổng bí thư Đảng cộng sản Vê-nê-đuy-ê-la trong Hội nghị 3 châu đoàn kết với Việt-nam, nói rằng: « Phong trào cách mạng nước chúng tôi còn yếu, còn phải làm nhiều thứ để hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đoàn kết của mình đối với nhân dân Việt-nam ».

Cuối cùng, trong trào lưu đấu tranh giữ gìn hòa bình, đòi quyền dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước tư bản, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam cũng chẳng những được sự ủng hộ tích cực của hàng triệu công nhân, nổi nhất là Nhật-bản, Pháp, Ý mà còn được các tầng lớp nhân dân tiến bộ khác quan tâm với mối thiện cảm chân thành. Tòa án quốc tế xử tội ác của đế quốc Mỹ do sáng kiến của nhà triết học nổi tiếng Anh, cụ Béc-tơ-răng Rút-xen, với 6 đoàn điều tra đã sang Việt-nam (1) là một hình thức ủng hộ và đoàn kết với nhân dân Việt-nam chống Mỹ vô cùng độc đáo, ít thấy trong lịch sử thế giới. Không ít người trong các nước tư bản buổi đầu ủng hộ nhân dân Việt-nam chống Mỹ chỉ vì coi cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam là chính nghĩa, là của một nước nhỏ bé chống lại một cường quốc mạnh nhất thế giới tư bản. Nhưng trải qua thực tế chiến thắng của nhân dân Việt-nam, nhận thức đó đã biến chuyển. Hơn lúc nào hết, họ chẳng những chỉ đồng tình ủng hộ mà còn tin tưởng vào chiến thắng cuối cùng sẽ thuộc về nhân dân Việt-nam, và coi thắng lợi của nhân dân Việt-nam không phải chỉ là của dân tộc Việt-nam mà là thắng lợi có ý nghĩa quốc tế; nó đánh dấu trong lịch sử thế giới một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô của một cường quốc đã bị một nước nhỏ bé như Việt-nam đánh bại. Do vậy, nó có tác dụng cổ vũ quần chúng các nước tư bản đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ của mình. Lê-ông Ma-ta-xa-rô, chủ tịch Ủy ban pháp lý, trưởng đoàn điều tra của tòa án quốc tế thứ nhất nêu rõ: « Trước khi tới đây, chúng tôi tưởng rằng nhân dân Việt-nam sẽ kiệt quệ trước sức mạnh sắt thép của Mỹ. Nhưng thật trái ngược với nhận thức của chúng tôi, trước mắt chúng tôi là nhân dân Việt-nam phần lớn

là nông dân, đã cầm vũ khí đứng lên dũng cảm chiến đấu chống một cường quốc lớn nhất thế giới. Chúng tôi có thể chứng minh được rằng họ đã chiến đấu với niềm tin tưởng tuyệt đối ở thắng lợi cuối cùng. Và chính họ làm cho chúng tôi tin tưởng như vậy ». Ta cũng không ngạc nhiên khi một bạn người Mỹ nói rằng: « Chính là cuộc đấu tranh của các bạn Việt-nam đã tạo thêm điều kiện cho nhân dân nước Mỹ chúng tôi có những nhận thức đầy đủ về chính quyền đế quốc chủ nghĩa ở Mỹ và đang thức tỉnh những tình cảm ách mạng của chúng tôi. Chúng tôi xem cuộc chiến đấu của các bạn Việt-nam là một bộ phận liên quan khăng khít có tác dụng thúc đẩy cách mạng nhân dân ở Mỹ ».

Trên cơ sở tin tưởng ở thắng lợi của nhân dân Việt-nam, phong trào đấu tranh chống Mỹ xâm lược, hiếu chiến đề ủng hộ nhân dân Việt-nam phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy, lời cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân ở các nước tư bản. Chính thắng lợi của nhân dân Việt-Nam đã và đang động viên nhân dân các nước tư bản đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ ngay tại sào huyệt của chúng, gây cho chúng những khó khăn trong việc tuyển quân, mộ lính và huy động các phương tiện hậu cần cho cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt-nam. Cố nhiên, thực tiễn cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân Việt-nam cũng là một sự ủng hộ to lớn đối với các cuộc đấu tranh nhằm gìn giữ hòa bình, đòi quyền dân chủ và tiến bộ xã hội ở các nước tư bản. Đặc biệt đối với nhân dân Mỹ, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam đã cổ vũ, khích lệ cuộc đấu tranh chống nạn phân biệt chủng tộc của người da đen và các trào lưu chống chiến tranh ở Việt-nam, chống chế độ phân dân chủ của Giôn-xơn. Cho nên, cùng với phong trào tình nguyện sang chiến đấu chống Mỹ bên cạnh nhân dân Việt-nam của các nước tư bản như: Nhật, Ý, Tây Đức v.v... cuộc đấu tranh phản chiến ngày càng sâu rộng của nhân dân Mỹ, của những người da đen đang cầm súng chống lại bọn phân biệt chủng tộc ở hàng trăm thành phố Mỹ hiện nay, là một biểu hiện của sự liên minh chiến đấu chống kẻ thù

(1) Đoàn điều tra thứ nhất tới Việt-nam ngày: 30-12-1966.

Đoàn điều tra thứ hai : 24- 1-1967.

Đoàn điều tra thứ ba : 14- 3-1967.

Đoàn điều tra thứ tư : 8- 4-1967.

Đoàn điều tra thứ năm : 28- 7-1967.

Đoàn điều tra thứ sáu : giữa tháng 9-1967.

chung; đồng thời cũng là biểu hiện của khối đoàn kết quốc tế với cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt-nam đang có xu thế phát triển mạnh. Ta không ngạc nhiên khi thấy người da đen Mỹ trong lúc chiến đấu chống lại quân đội, cảnh sát đến đàn áp, lại tuyên bố: « Cuộc chiến đấu của chúng ta không phải ở Việt-nam mà là ở ngay tại nước Mỹ », hoặc nhiều thanh niên Mỹ vẫn khẳng định: « Chúng tôi không sang miền Nam chiến đấu trừ phi đứng trong hàng ngũ Mặt trận giải phóng ».

Tóm lại, hiện nay đế quốc Mỹ không chỉ đang bị sa lầy ở Việt-nam, mà trên phạm vi toàn thế giới, Mỹ đang phải đối phó với một trận tuyến bao gồm phe xã hội chủ nghĩa, phong

trào giải phóng dân tộc, phong trào đòi hòa bình dân chủ ở các nước tư bản và mặt trận phản chiến của nhân dân Mỹ ngay tại sào huyệt của chúng. Nói rõ hơn, bên cạnh cuộc chiến đấu chính diện chống đế quốc Mỹ của nhân dân miền Nam, nhiều mặt trận khác đang hợp đồng tác chiến, đánh vào hậu phương bao la của Mỹ. Trên tuyến đầu chống Mỹ, nhân dân miền Nam đã và đang nhận được mối tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân thế giới, và từ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam đã và đang mở ra một triển vọng to lớn là khả năng nhân dân thế giới chiến thắng đế quốc Mỹ.

MỘT VÀI KINH NGHIỆM CÓ Ý NGHĨA QUỐC TẾ CỦA CUỘC CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM

Cống hiến có tinh chất cách mạng lớn nhất của nhân dân miền Nam những năm qua là bằng cuộc chiến đấu của mình, làm cho nhân dân thế giới hiểu được thực chất của cái gọi là « lực lượng quân sự khó tưởng tượng nổi » của đế quốc Mỹ; trên cơ sở đó, khẳng định một quy luật phổ biến đã được thực tế chiến thắng của nhân dân miền Nam xác minh là: « Trong thời đại hiện nay, một dân tộc dù nhỏ nhưng có quyết tâm đoàn kết chiến đấu cho độc lập, tự do, dưới một đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, sáng tạo, biết dựa vào sức mình là chính và biết phát huy những thuận lợi của thời đại, biết phát động một cuộc chiến tranh nhân dân phù hợp với những đặc điểm và hoàn cảnh của nước mình, có cách đánh giỏi; thì có đầy đủ khả năng đánh thắng và nhất định đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược; kẻ cả đế quốc Mỹ » (1).

Từ lâu, Mỹ không ngớt khoa trương rằng: « Mỹ có lực lượng hạt nhân tiêu diệt được cả phe xã hội chủ nghĩa ». Xâm lược Việt-nam, ngoại trưởng Mỹ Đin Rát-xơ, mấy lần nói rằng: « Mỹ là nước có một lực lượng quân sự mà đầu óc người ta khó tưởng tượng nổi », đồng thời, chúng ra sức tuyên truyền lác đung hủy diệt của vũ khí hiện đại, cơ hồ như trên thế giới này, khó có một nước nào tồn tại được trước sức tấn công của quân đội Mỹ. Không phải ít người vì lý do này, lý do khác hoặc chưa hiểu Mỹ lắm nên lầm tưởng rằng Mỹ quả có lực lượng quân sự hùng mạnh, do đó, để dao động trước sự lờ bệ của bọn cường quốc chiến Mỹ. Cũng không phải ít người theo dõi cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam với thái độ lo lắng; thậm chí không tin tưởng nhân dân miền Nam sẽ thắng Mỹ. Vì vậy, thực tế cuộc

chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam hơn 10 năm qua đã giải đáp cho nhân dân thế giới câu hỏi mà không ít người còn phân vân chưa tìm ra câu trả lời, đặc biệt làm cho những người chính trực trên thế giới vô cùng phấn khởi là câu giải đáp mà nhân dân miền Nam đang viết bằng xương máu: nhân dân miền Nam không những dám đương đầu với Mỹ mà điều quan trọng hơn là đang thắng Mỹ, đẩy chúng đến thảm cảnh càng đánh càng thua, càng thua càng bị.

Trên chiến trường miền Nam, Mỹ đã sử dụng tất cả vũ khí hiện đại nhất, trừ vũ khí hạt nhân; thậm chí, chúng đã dùng vũ khí hóa học một cách quy mô. Chúng đã đưa vào miền Nam gần 50 vạn quân bao gồm những lực lượng thiện chiến nhất thuộc các binh chủng, chưa kể trên 60 vạn quân nguy và chư hầu. Đúng như báo *Tin Mỹ* và *Thế giới* số ra ngày 2-1-1967 xác nhận: « Mỹ đã dốc phần lớn lực lượng của bộ máy chiến tranh to lớn của Mỹ vào Việt-nam. Mỹ đang tăng thêm lực lượng nữa. Chi phí về tiền bạc, vật liệu và tính mạng lính Mỹ đang tăng lên. Lực lượng và linh thủy đánh bộ Mỹ đã đưa sang Việt-nam những tinh hoa của lực lượng chiến đấu của họ, trong đó có cả những đơn vị nhảy dù. Ở ngoài khơi Việt-nam có tới 175 tàu chiến thuộc hạm đội 7. Ngoài ra Mỹ còn dùng các máy bay B52, loại máy bay lớn nhất thế giới ».

Với lực lượng ấy, Mỹ tưởng rằng có thể nhanh chóng tiêu diệt các lực lượng vũ trang

(1) Võ-nguyên-Giáp: « Thắng lợi to lớn, nhiệm vụ vĩ đại ». Báo Q. Đ. N. D. ngày 16-9-1967.

miền Nam, buộc nhân dân miền Nam phải đầu hàng trước sức mạnh sắt thép của Mỹ. Nhưng điều làm đảo lộn sự suy nghĩ và tính toán của nhiều người là kẻ có sức mạnh; thậm chí, đã dùng quá sức mạnh của mình như Mỹ lại không thể nào đè bẹp được một dân tộc không lớn như dân tộc Việt-nam, trái lại, chúng đang bị đánh bại và đứng trước một ngõ cụt. Bọn trùm hiếu chiến, các chiến lược gia, các tướng tá Mỹ không bao giờ thấy, hoặc cố tình không thấy là cái sức mạnh của chúng nhìn qua thật là ghê gớm mà hóa ra không mạnh, hay là sức mạnh không cần đối; nghĩa là sức mạnh bắt nguồn từ một chế độ đã lỗi thời, một thế giới đang tan rã, một cơ thể đầy bệnh hoạn và được sử dụng vào mục đích phản động, bị cả thế giới lên án.

Bằng cuộc chiến đấu của mình, nhân dân miền Nam đã giúp cho nhân dân thế giới hiểu Mỹ không chỉ trên lý luận mà còn cả trong thực tế.

Trước hết, một đặc điểm và cũng là một nhược điểm căn bản của quân đội Mỹ ở miền Nam là trước nhân dân tay không, tổ chức chiến đấu kém thì tỏ ra hung hăng, nhưng khi bị giáng trả quyết liệt thì rất nhanh chóng mất tinh thần; bị một vài lần thua thì khí giáp trận, nhiều lính Mỹ bỏ cả chiến đấu. Cho nên khi lâm trận, đặc biệt trước những tình huống phức tạp, bất lợi, chúng không làm chủ được vũ khí, không chấp hành mệnh lệnh của chỉ huy vận dụng có hiệu quả kỹ thuật, chiến thuật để tiếp tục chiến đấu. Ta không lấy làm lạ là nhiều binh lính Mỹ vì sợ hãm công, sợ đi càn đến nỗi phát điên; có tên đã tự thương, tự sát để khỏi phải chết một cách khùng khiếp trên chiến trường. Cũng dễ hiểu vì bản chất lính đánh thuê và tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa, quân đội Mỹ không thể nào xây dựng được tinh thần chiến đấu. Đến nỗi một phóng viên Mỹ ở miền Nam phải nhận rằng: «Ngủ đêm trong lô-cốt ngoài mặt trận là một việc hết sức đáng sợ. Sự thấp thỏm lo có quân cộng sản bất ngờ tấn công từ một nơi cách xa mấy nghìn mét tới sẽ làm cho bạn luôn luôn cảm thấy rợn người; lo lắng, căng thẳng đã làm cho binh lính Mỹ khi đánh rơi chiếc bao diêm cũng giật mình thon thót» (1).

Thứ hai, Mỹ có nhiều máy bay phản lực, có hạm đội mạnh, có nhiều vũ khí hiện đại, cực nhanh v.v..., bọn cuồng chiến Mỹ khoa trương để lừa bịp nhân dân miền Nam, đồng thời mong để nâng cao tinh thần của binh lính. Nhưng, chiến tranh là cuộc đấu tranh giữa người với người, cho nên sức mạnh vật chất của Mỹ như trên đã nói, tuy ghê gớm nhưng không phải là một yếu tố quyết định trong một

cuộc chiến tranh. Trái lại, cái quyết định trong một cuộc chiến tranh là sức mạnh tinh thần bắt nguồn từ mục đích chính trị. Nói khác đi, uy lực của vũ khí bao giờ cũng chỉ có thể phát huy được qua khả năng của con người sử dụng nó, trong đó, sự giác ngộ về mục đích chiến đấu giữ vai trò quyết định. Và chẳng, vũ khí càng hiện đại càng đòi hỏi phải có tinh thần dũng cảm mới sử dụng chính xác được; kỹ thuật càng tinh vi càng đòi hỏi người sử dụng phải bình tĩnh mới phát huy được tác dụng. Những yếu tố này quân đội Mỹ thiếu hẳn và cũng không thể khắc phục được vì nó phụ thuộc vào bản chất quân đội và bản chất chiến tranh. Chính do tinh thần, ý chí quyết định thắng bại của chiến tranh chứ không phải vũ khí, nên binh lính Mỹ ở miền Nam lúc đầu đời có xe bọc thép mới dám chiến đấu, đến khi nhiều xe bị bắn cháy, chúng lại khiếp sợ phải ngồi trên xe, đi cạnh xe. Máy bay phản lực mỗi khi chúc xuống cất bom, phóng tên lửa là lúc nguy hiểm nhất cho đối phương trong tầm lao của chúng; lịch sử chiến tranh trước đây gặp những trường hợp này, người điều khiển pháo mặt đất thường cúi vào hầm tránh bom đạn, nhưng bộ đội và du kích Việt-nam lại coi đó là cơ hội bắn dứt điểm và tốt nhất. Trong những lần «đọ» lòng dũng cảm ấy, phi công Mỹ mất tinh thần và thường bị bắn rơi, dẫn đến tình trạng phi công Mỹ sợ phải đi oanh tạc. Mặt khác, Quân giải phóng miền Nam chọn cách đánh gần, đánh giáp lá cà cũng chính là đánh vào chỗ yếu, phát huy tinh thần dũng cảm phi thường của mình, giáng cho quân đội Mỹ những đòn chí tử.

Thứ ba, xuất phát từ học thuyết vũ khí luận, coi việc quyết định chiến tranh là ở ưu thế vũ khí, kỹ thuật, nên Mỹ chỉ chú trọng đến không quân, hải quân mà không có lực lượng mạnh. Có thể nói, lực lượng Mỹ ở miền Nam tỏ ra không những mất tinh thần mà còn thiếu hẳn kinh nghiệm chiến đấu; thậm chí, còn thua kém lực lượng Pháp trong chiến tranh Đông-dương 1945 — 1954. Ví dụ: sư đoàn bộ binh «Anh cả đỏ» của Mỹ vừa vào miền Nam đã bị thua 4 trận liên tiếp (2), kết quả là 3 chiến đoàn xe tăng, xe bọc thép, 3 tiểu đoàn bị diệt và tiêu hao nặng. Sư đoàn bộ binh số 25 được gọi là «tia chớp nhiệt đới» ngay buổi đầu vào đóng chốt ở Đông-dù (Củ-chi) đã bị Quân giải phóng miền Nam diệt 600 tên và cả trăm máy bay, xe quân sự bị phá hủy.

(1) UPI ngày 26-6-1965.

(2) Những trận đó là: trận Cần-dầm (8-6-66), Cần-lê (30-6), Xa-cát (9-7) và Bông-trang, Lò-gạch (25-8).

Cố nhiên ta không phủ nhận Mỹ có không quân mạnh (1), nhưng không quân chỉ thực hiện được nhiệm vụ oanh tạc gây khó khăn chứ không quyết định thắng lợi của chiến tranh, ngược lại, quyết định thắng lợi của chiến tranh bao giờ cũng là lực quân. Chính vì không có lực quân mạnh nên ở miền Nam, những trận càn lớn nhất của Mỹ cũng là những trận thua đau nhất. Trận càn Gian-xơn Xi-ti vào Tây-ninh trong Đông-xuân 1966 — 1967 là một trong những trận càn quy mô của Mỹ. Mỹ đã huy động toàn bộ lực lượng cơ động của chúng ở đông Nam-bộ, gồm 32 tiểu đoàn của 8 lữ đoàn tinh nhuệ với 45.000 quân. Nhưng kết quả là 1.200 lính Mỹ bị tiêu diệt, gồm 8 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh, 9 tiểu đoàn xe bọc thép, 900 xe quân sự bị phá hủy và 170 máy bay bị bắn rơi.

Qua những nét trên, một lần nữa chúng mình rằng, cái bề ngoài hùng hổ, cũng như mọi luận điệu tuyên truyền lừa bịp, mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý xảo quyệt của Mỹ đều không thể che đậy nổi những chỗ suy yếu cơ bản của chúng. Qua cuộc chiến tranh xâm lược thất bại ở Việt-nam của Mỹ, nhân dân thế giới thấy rõ Mỹ chỉ đáng tởm chứ không đáng sợ. Đồng chí Et-ga Út, Tổng bí thư Đảng lao động Thụy-sĩ nhấn mạnh trong Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân châu Âu rằng: « Tất cả những điều đó — sự thất bại của Mỹ ở Việt-nam, tác giả chú thích — ngày càng giảm đi rất nhiều sự khâm phục trước kia đối với một nước có những khả năng vô tận ».

Đánh giá đúng lực lượng của Mỹ, đó là bài học kinh nghiệm quý báu có tính chất cách mạng của nhân dân miền Nam, giúp cho nhân dân thế giới có nhận thức đúng đắn hơn về khả năng quân sự Mỹ, trên cơ sở đó, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ. Có thấy nhiều nước, nhiều người trước đây vẫn đánh giá quá cao lực lượng quân sự Mỹ, dẫn đến tư tưởng phục Mỹ, sợ Mỹ; có thấy được đế quốc Mỹ vẫn cậy có vũ khí hiện đại, đưa quân đội xâm lược nơi này can thiệp nơi khác, làm dao động nhiều người, mới thấy hết được ý nghĩa to lớn của sự cống hiến kinh nghiệm qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam.

Cống hiến thứ hai là xuất phát từ nhận thức sâu sắc về bản chất xâm lược, ngoan cố của đế quốc Mỹ; Mỹ nô dịch các dân tộc nhược tiểu bằng chủ nghĩa thực dân kiểu mới, song chúng không loại trừ con đường dùng vũ lực và máu lửa để buộc nhân dân các nước phải tuân theo « lẽ phải » của chúng; cho nên, nhân dân miền Nam hiểu rằng, con đường giành giải phóng dân tộc không phải là con đường cầu xin, trông cậy vào sự biết điều của kẻ xâm

lược; trái lại, đối với kẻ thù dùng bạo lực để đàn áp bắn giết nhân dân như Mỹ thì phải lấy bạo lực chống lại. Hơn thế nữa, phải bằng cuộc chiến đấu của mình kiên quyết đập tan ý chí xâm lược của chúng. Vì vậy, hơn 10 năm qua, dù buổi đầu trong tay không có vũ khí hiện đại, nhân dân miền Nam vẫn kiên cường chống Mỹ, dùng bạo lực cách mạng liên tục tấn công chúng cả ở thành thị lẫn thôn quê. Phương châm liên tục tấn công địch của nhân dân miền Nam không chỉ bắt đầu từ lúc Mỹ đưa đại quân vào trực tiếp tham chiến mà là từ những năm đầu Mỹ « giúp » Ngô-đình-Diệm tàn sát, giết hại hàng loạt người kháng chiến, yêu nước bằng chính sách tổ cộng và luật phát-xít 10-59. Đến năm 1960 — 1961, nhân dân các vùng tạm bị chiếm ở miền Nam bằng cuộc đấu tranh quân sự, chính trị kết hợp, đã tiến hành khởi nghĩa từng phần, tiến tới cao trào đồng khởi — một hình thức bạo lực toàn dân của cách mạng miền Nam — liên tiếp tấn công địch, làm tan rã đại bộ phận chính quyền cơ sở của giặc ở các địa phương, đẩy chế độ độc tài Ngô-đình-Diệm đến chỗ sụp đổ, tạo được thế đứng vững vàng cho cách mạng của nhân dân miền Nam. Năm 1961 — 1965, Mỹ thực hiện chiến lược « chiến tranh đặc biệt », một mặt tăng cường đưa quân vào miền Nam, mặt khác, âm mưu lập 17.000 « ấp chiến lược », thì các cuộc khởi nghĩa cục bộ liên tục phá hàng nghìn « ấp chiến lược » nổi lên mạnh mẽ. Với phương châm biến « ấp chiến lược » của địch thành thôn ấp chiến đấu của mình, nhân dân miền Nam đã xây dựng được hàng loạt thôn ấp chiến đấu hoàn chỉnh, kiên cố mọc lên vây quanh đồn bốt, cứ điểm địch. Cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện của nhân dân miền Nam đã tạo thành chiến lược tấn công liên tục vào đế quốc Mỹ, khiến cho « chiến tranh đặc biệt » của chúng phá sản thảm hại. Đến khi Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam hòng phản công giành lại quyền chủ động, lấn đất, giành dân, nhân dân miền Nam không hề nhụt nhuệ khí chiến đấu. Mỹ đưa vào 10 vạn quân, nhân dân miền Nam vẫn đánh. Chúng đưa thêm 20 vạn, 30 vạn, 40 vạn và gần 50 vạn quân (2), nhân dân miền Nam vẫn quyết chiến,

(1) Chúng dùng 1.400 máy bay chiến thuật trong số 4.500 chiếc các loại, trong khi ở Triều-tiên chúng chỉ dùng 1.100 máy bay chiến thuật trong số 2.300 chiếc các loại.

(2) Số quân Mỹ đưa vào miền nam như sau :
— 1965 : 190.000 tên.
— 1966 : 389.000 tên.
— Đến tháng 9-1967 : 460.000 tên chưa kể 50.000 lính Mỹ ở hạm đội 7.

quyết thắng, liên tục dồn chúng vào thế bị động. Chính do phương châm liên tục tấn công địch nên nhân dân miền Nam đã đánh bại kế hoạch phân công mùa khô 1965 — 1966 của Mỹ với trên 75 vạn quân, tiếp tục tấn công chúng trong mùa mưa 1966 và liên tiếp giành thắng lợi ngày càng to lớn trong mùa khô 1966 — 1967, dù lúc này chúng có trên một triệu quân cả Mỹ — ngụy và chư hầu (1). Phương châm liên tục tấn công của nhân dân miền Nam đã làm cho Mỹ vô cùng lúng túng trong việc bố trí lực lượng và phải bị động đối phó khắp nơi, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang giải phóng mở các chiến dịch tấn công tiêu diệt từng bộ phận sinh lực quan trọng của Mỹ. Ta không ngạc nhiên khi nghe đại biểu Công đoàn Tây Nam Phi trong Hội nghị Công đoàn quốc tế năm 1963 ở Hà-nội nói rằng: « Những điều tôi học được ở đây (Việt-nam — QC) tôi sẽ đem về cho nhân dân nước tôi. Điều đó là đấu tranh vũ trang, vì Tây Nam Phi không còn con đường nào khác ». Hoặc như đại biểu E-qua-tor cũng trong Hội nghị trên nhấn mạnh: « Tiếng nói mà chúng ta nói với đế quốc là tiếng nói của vũ khí. Chỉ có tiếng nói đó thì đế quốc Mỹ mới dễ hiểu; chúng ta đến đây để học tập nhân dân Việt-nam đánh Mỹ ».

Một cố gắng hiển cơ bản khác là đề chống lại kế địch ý vào thế mạnh về quân số và vũ khí, dùng chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, nhân dân miền Nam đã vận dụng sáng tạo chiến lược chiến tranh nhân dân dựa vào tinh thần quyết chiến quyết thắng, phát huy tru thế tuyệt đối về chính trị tinh thần, dám hy sinh đến cùng bảo vệ cho độc lập, tự do và thống nhất tổ quốc. Nội dung chủ yếu của chiến lược này là chủ trương đánh lâu dài, đấu tranh toàn dân, toàn diện để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân từ không đến có, từ yếu đến mạnh, từ nhỏ đến lớn, và cuối cùng, hơn kẻ thù trong phạm vi cục bộ ở miền Nam và chiến thắng chúng. Không phải ngẫu nhiên mà trong thư của Hội nghị lần thứ II Ủy ban Công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam gửi nhân dân miền Nam có đoạn viết rằng: « Cuộc chiến tranh mà các bạn đang tiến hành với những hình thức sáng tạo vô cùng phong phú và hiệu nghiệm đã làm cho đế quốc Mỹ vấp phải hết thất bại này đến thất bại khác, đã chứng minh rằng sức mạnh mà chiến tranh nhân dân là bất khả chiến thắng, sức mạnh của con người, những con người kiên quyết đấu tranh cho độc lập và tự do của tổ quốc là vô địch. Vì thế, cuộc đấu tranh thắng lợi của các bạn cổ vũ mạnh mẽ và cố gắng hiển những kinh nghiệm quý báu cho cuộc đấu tranh chung của lao động và

nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới đứng đầu là đế quốc Mỹ ». Những năm qua, do tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân nên nhân dân miền Nam đã đọ sức với tất cả những « tinh hoa » của học thuyết quân sự tư sản hiện đại và sáng tạo nhiều cách đánh phong phú: như đánh tiêu diệt các vị trí địch; như kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; như kết hợp tác chiến với binh vận để tiêu diệt đồn bốt, phối hợp tác chiến với binh biến để tiêu diệt từng đơn vị quan trọng của địch. Vì vậy, đem quân vào miền Nam, ở đâu Mỹ cũng bị đánh: bộ đội chủ lực đánh, bộ đội địa phương đánh, dân quân du kích đánh; thậm chí, cả phụ nữ, cụ già, trẻ em cũng bằng mọi cách đánh Mỹ. Có thể nói, Mỹ như sa vào thế trận thiên la địa võng; từ miền núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, từ quanh các trục giao thông đến ven biển, ngay các căn cứ chiến lược then chốt của quân đội Mỹ như: Đà-nẵng, Chu-lai, Bến-cát, Củ-chi, Lái-thieu v.v... quân đội Mỹ cũng bị giáng những đòn sấm sét, bất ngờ. Nhân dân miền Nam không có tên lửa, không có máy bay phản lực, xe bọc thép v.v... nhưng có quyết tâm chống Mỹ cao, sáng tạo ra những phương pháp tác chiến phong phú, có hiệu quả, nhất là vận dụng tài tình cách đánh du kích nên ngay những vũ khí thô sơ như: gậy gộc, cạm bẫy, cái đinh rỉ, cái ống bơ, cây nổ nằm trong tay những con người dũng cảm, có óc sáng tạo vẫn chiến thắng quân đội Mỹ có thừa mọi vũ khí tối tân. Do phát động được toàn dân đánh Mỹ, do tiến hành cuộc chiến tranh du kích rộng khắp nên cả miền Nam, đã thành một chiến trường mênh mông, không phân biệt hậu phương với tiền tuyến, không phân biệt tuyến ngoài tuyến trong, không lệ thuộc vào địa hình thời gian và tiếp tế hậu cần, tạo thành hình thái chiến tranh không có chiến tuyến, xen kẽ cài rặng lực khắp nơi. Cho nên quân Mỹ bị tiêu hao ở mọi nơi mọi chốn; thậm chí, ngay giữa sào huyệt của chúng ở Sài-gòn. David Halberstam trong cuốn *Ngập giữa vùng lầy* viết rất đúng rằng: « Chiến tranh du kích là một nghệ thuật và Việt cộng đã trở thành những bậc thầy của nghệ thuật đó » (2). Càng không phải ngẫu nhiên mà hãng AP ngày 14-2-1966 khi nhận xét về cuộc chiến tranh ở miền Nam, thú nhận: « Linh Mỹ như một lực

(1) Quân số của chúng lúc này 1.008.000 tên:
— Mỹ có: 438.000 tên, chưa kể 50.000 quân ở hạm đội 7.

— Ngụy có: 466.000 tên.

— Linh chư hầu: 54.000 tên.

(2) Sách đã dẫn, trang 108.

sĩ hạng nặng, nhưng mù mắt, lại bị đẩy vào một chiến trường đầy cạm bẫy chông gai. Việt cộng là một võ sĩ hạng nhẹ tinh khôn, già dặn lại có con mắt cả ở sau đầu».

Một điểm nổi bật trong chiến lược chiến tranh nhân dân, đồng thời cũng là một cố gắng của nhân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống Mỹ là đã kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị. Ở miền Nam nếu các lực lượng vũ trang ra đời từ cao trào đấu tranh chính trị của quần chúng thì thắng lợi của đấu tranh vũ trang càng hỗ trợ và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị. Dân số miền Nam 14 triệu người, nhưng chỉ trong 11 tháng đầu năm 1961, toàn miền Nam đã có 27 triệu lượt người tham gia vào các cuộc đấu tranh chính trị dưới mọi hình thức. Năm 1962, có đến 10 triệu lượt người đấu tranh phá «áp chiến lược». Năm 1963, đã vượt xa số người tham gia hai năm trước. Đến nay, đội quân chính trị hùng hậu, có tổ chức chặt chẽ, liên tục sáng tạo đấu tranh ở sau lưng địch, ngay tại sào huyệt của chúng và cả ở tiền tuyến, đã kiềm chế, tạo thành thế bao vây, buộc địch phải sử dụng một lực lượng quân sự đáng kể để đối phó, hỗ trợ cho đấu tranh vũ trang giành được thắng lợi ngày càng lớn. Nói cách khác, ở miền Nam đế quốc Mỹ không những phải đối phó với các lực lượng vũ trang mà còn phải hàng ngày hàng giờ đối phó với cuộc đấu tranh chính trị của toàn dân. Cố nhiên, sự chia sẻ lực lượng ấy, khiến cho Mỹ không thể tập trung toàn bộ sức mạnh quân sự chống lại các lực lượng vũ trang, tạo điều kiện cho các

lực lượng vũ trang miền Nam chiến thắng Mỹ ở thế trận đã bày sẵn. Ta không ngạc nhiên, trong kỷ niệm chiến thắng Hì-rông năm nay, thủ tướng Phi-đen Cát-xơ-rô nhấn mạnh rằng: «Việt-nam là bài học tuyệt đỉnh của loài người ngày nay. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam đã gây một ý thức mạnh mẽ nhất có sức chinh phục lòng người trên toàn thế giới, quật ngã chủ nghĩa đế quốc xuống mức thấp nhất trong lịch sử». Và, Oan-tơ Lip-man, một nhà bình luận quân sự nổi tiếng Mỹ, cũng đã phải thừa nhận một chân lý mà bọn trùm hiếu chiến Mỹ chưa thấy hoặc cố tình không thấy là: «Chúng ta (Mỹ) đang đứng trước một hiện tượng hoàn toàn mới mà chúng ta vẫn chưa hiểu được. Trước kia có một thời mà các nước lớn ở châu Âu, nhất là nước Anh có thể dùng ưu thế quân sự để buộc những dân tộc ở khu vực lạc hậu trên trái đất phải làm theo ý muốn của mình. Cái đó ngày nay không tồn tại nữa. Ưu thế quân sự của chúng ta lớn hơn rất nhiều so với những cường quốc xưa kia trên thế giới. Nhưng ngày nay chúng ta không thể buộc một nước nhỏ bé như Việt-nam làm theo ý muốn của chúng ta. Lý do là những dân tộc lạc hậu về kỹ thuật đã phát minh một phương pháp tiến hành chiến tranh khiến cho những đạo quân có ưu thế về kỹ thuật phải ngạc nhiên và thất bại» (1). Điều đó một lần nữa chứng tỏ, chính người Mỹ cũng phải thừa nhận chiến tranh nhân dân là vô địch. Kết luận của Oan-tơ Lip-man cũng có nghĩa là thừa nhận rằng «những ngày cuối cùng của đế quốc Mỹ ở miền Nam đã có thể đếm được» (2).

* *

Bằng cuộc chiến đấu đầy hy sinh và gian khổ nhưng với quyết tâm không gì lay chuyển được, nhân dân miền Nam đã đập tan giấc mơ biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, một căn cứ quân sự để mở rộng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Thắng lợi của nhân dân miền Nam đã làm suy yếu lực lượng xâm lược của tên đầu sỏ đế quốc, cổ vũ ý chí đấu tranh giành độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới; đồng thời, vạch ra phương hướng đúng đắn và con đường giành thắng lợi cho các dân tộc bị áp bức. Thắng lợi của nhân dân miền Nam cũng đã đẩy tập đoàn thống trị Mỹ vào con đường hăm không lối thoát và làm cho nội bộ chúng ngày càng mâu thuẫn gay gắt hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ không dễ dàng từ bỏ âm mưu xâm lược ngoan cố của chúng ở miền Nam. Mỹ đang tăng thêm quân vào miền Nam và tiếp tục mở những «leo thang» đánh phá miền Bắc ác liệt. Nhưng trong lịch sử của mình, nhân

dân Việt-nam, kể từ khi chưa có nước Hoa-kỳ, đã từng đánh thắng những địch thủ mạnh hơn mình gấp bội. Và chẳng, nhân dân miền Nam đang thắng Mỹ, nhưng chiến thắng hiện nay của quần dân miền Nam chưa phải là chiến thắng to lớn nhất. Với quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, đồng thời để hoàn thành nhiệm vụ quốc tế quang vinh của mình, nhân dân miền Nam quyết không ngần ngại hy sinh thêm xương máu để tiêu diệt ý chí xâm lược ngoan cố của đế quốc Mỹ. Cố nhiên, nhân dân miền Nam chưa hề ăn hiếp ai và cũng không để ai ăn hiếp mình và nhất là không bao giờ làm nhục những kẻ đã chịu thua mình.

Tháng 9-1967

(1) Báo Mỹ, *Tin hàng tuần* số ra ngày 20-6-1966.

(2) Câu nói của Trưởng đoàn đại biểu Xô-ma-li trong Hội nghị Công đoàn quốc tế năm 1963 ở Hà-nội.

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ MÔN ĐỊA LÝ HỌC VIỆT-NAM VÀ MỘT SỐ TÊN SÁCH CŨ VỀ MÔN ẤY TRONG KHO TÀNG SÁCH HÁN NÔM

TRẦN-VĂN-GIÁP

Nói một cách đơn giản, khoa học là từ lớn đến nhỏ, bất cứ việc gì phải thật chính xác, không mơ hồ, không đại khái và không cầu thả. Riêng về khoa học lịch sử, lại càng phải chính xác lắm: sai một ly đi một dặm. Trong Lời giới thiệu sách *Niên biểu Việt-nam đối chiếu với năm Dương lịch* (1), tôi đã mở đầu bằng câu: « Xác định một cách chính xác thời gian cũng như không gian, là hai công việc quan trọng nhất của công trình nghiên cứu lịch sử. Muốn đánh giá đúng các sự kiện lịch sử, di tích lịch sử, thì không được tách rời riêng nó ra khỏi thời gian và không gian... ».

Về vấn đề thời gian, thì tập sách *Niên biểu Việt-nam*, tuy nhỏ bé, chỉ đối chiếu đến mức từng năm, từng triều đại, nhưng gọn mà đủ và chính xác, rất tiện lợi, đủ đáp ứng được nhu cầu cần thiết (2). Còn về vấn đề không gian, chúng ta cũng đã có nhiều cố gắng, tốn nhiều giấy mực, nhưng còn lỉnh lỉnh lăm, chưa có hệ thống nào, chưa thật chính xác và chưa tiện dùng. Một quyển *địa lý lịch sử* hay *từ điển tên đất*, gồm đủ sự tích, nguyên ủy từng tên đất, các thôn xóm, làng tổng, các sông ngòi, các núi non, v.v... tự cổ chí kim, với mức độ chính xác tương đối, cần phải có, để kịp thời phục vụ. Đề chuẩn bị cho công việc đó, chúng tôi xin giới thiệu sau đây, khái quát lịch sử môn học địa lý Việt-nam và một số tên sách cũ về môn ấy, trong kho tàng sách Hán, Nôm.

Nói đến lịch sử môn địa lý học Việt-nam, ta phải nhận rõ, các cụ ta xưa viết sách địa lý, tức là địa dư chí, thường theo một khuôn khổ chung, lẫn cả lịch sử và địa lý cùng thiên văn. Phần nhiều thiên về xã hội, chính trị. Các cụ chưa phân biệt trong môn địa lý còn có phần khoa học tự nhiên.

Bộ sách thuộc môn địa lý học Việt-nam xưa nhất mà chúng ta còn biết tên, theo Lê-qui-Đôn (Nghệ văn chí) là sách *Nam Bắc phiên giới địa đồ* của Lý Anh-tông làm năm 1172.

Sách này tuy không còn, nhưng tên sách cho ta thấy phong kiến triều Lý đã quan tâm đến việc bảo vệ đất nước của tổ tiên để lại. Qua sang triều Trần, ta còn có bộ *An-nam chí lược* của Lê Trắc. Sách này tuy tàn khuyết, nhưng vẫn bổ ích nhiều cho việc tham khảo trong khi nghiên cứu cổ sử Việt-nam.

Trong khi bọn phong kiến nhà Minh xâm chiếm tạm thời nước ta, Trương Phụ cũng có soạn sách *Giao-châu dư địa chí*, dâng lên triều đình Minh (Xem : 21,9). Cuối đời Minh, Cao Hùng-Trung, khi làm giáo thụ Tư-minh thuộc Quảng-tây ở gần nước ta, có làm sách *An-nam chí*. Hai bộ sách ấy cùng nhiều bộ khác như *Giao-châu ký*; *Giao-châu dư địa chí* v. v... đều là của người trong giai cấp phong kiến Trung-hoa làm, nhằm mục đích hiểu biết nước ta để rộng kiến thức về giao thông, v. v... , tại đây không kể vào số sách địa lý Việt-nam.

Sang đầu triều Lê (thế kỷ XV) sau khi mới khôi phục đất nước, Lê Lợi chưa kịp nghĩ tới việc làm sách địa lý. Mãi đến đời nối liền sau, Lê Thái-tông, năm Thiệu-bình thứ hai (1435) mới sai Lê Trãi làm sách *Dư địa chí* tức là sách *Ức-trai Dư địa chí* của Nguyễn Trãi. Đầu sách này có nói rõ... « Thượng đức giáo viễn gia tử lân, hữu bang hàm lai triều cống, hành khiển Lê Trãi nãi tác thư đặt vu vương » — *Dịch* : — ... « Đức độ giáo hóa của nhà vua xa nhuần đến cả quanh bốn láng giềng, các nước nhỏ đều lại triều cống, quan hành khiển Lê Trãi bèn làm sách (Địa dư chí) dâng lên vua coi ». Sau đó, nhà vua sai Nguyễn-Thiên-Túng làm tập chú, Nguyễn-thiên-Tích làm bản án, Lý-tử-Tấn làm thông luận và sai đem khắc in vào trong bộ *Quốc thư bảo huấn đại toàn* (Xem: 62,27).

(1) Sách do Vụ Bảo tồn Bảo tàng phụ trách biên soạn; nhà xuất bản Văn hóa Nghệ thuật xuất bản, tháng 3 năm 1963.

(2) Không kể một số rất nhỏ, sai sót vì in lầm, như 1802 in lầm là 1820 (trang 19), v. v...

Đến đời Lê Thánh-tống, năm Quang-thuận thứ 10 (1469) nhà vua sai định lại bản đồ từng phủ, châu, huyện, xã, trang, sách của mười hai thừa tuyên.

(*Sử ký toàn thư*). « Năm Hồng-đức thứ 21 (1490) định xong bản đồ cả nước, gồm mười ba thừa tuyên có 52 phủ, 178 huyện, 50 châu v.v... » và sai làm sách *Thiên hạ bản đồ* (Xem : 21,3). Đến đời Lê Trung-hưng, người ta dựa vào sách ấy làm sách *Hồng-đức bản đồ* (A. 2499) và ghi thêm một số các sự việc đời sau, trong đó có phụ chép cả bản *Giáp-ngọ niên bình Nam đồ*, tức là bản đồ năm Trịnh Sâm đem quân vào đánh chúa Nguyễn ở Thuận-hóa và Quảng-nam (1774).

Đầu thế kỷ thứ XVIII, theo *Việt sử cương mục* (Chính biên, q.36), năm Bảo-thái thứ tư (1723), mùa xuân, triều đình hạ lệnh định lại bờ cõi các châu, huyện và làm thành sách *Tân định bản đồ* (Xem : 21,4). Cuối đời Cảnh-hưng, có bộ sách nhan đề *Thiên Nam lộ đồ thư* (A.1081), do một nho sinh, người Lạc-đạo, huyện Gia-Lâm tên là Dương-nhữ-Ngọc chép, có hai phần :

a. Phần thứ nhất là một bản địa đồ ghi đủ các tên phủ, huyện, châu các thừa tuyên : ngoài trung-đô, tức thủ đô Thăng-long, có 13 xứ : 1 — Thanh-hóa, 2 — Nghệ-an, 3 — Sơn-nam, 4 — Sơn-tây, 5 — Kinh-bắc, 6 — Hải-dương, 7 — Thái-nguyên, 8 — Tuyên-quang, 9 — Hưng-hóa, 10 — Lạng-son, 11 — Yên-quảng, 12 — Thuận-hóa, 13 — Quảng-nam.

b. Phần thứ hai, có bài tựa đề *Toàn tập Thiên Nam lộ đồ thư tự*, ghi năm Cảnh-dần niên hiệu Cảnh-hưng thứ 31, tháng [12] cuối mùa đông (1771) và nửa sau đề năm Tân-mão niên hiệu Cảnh-hưng thứ 32, tháng [giêng] đầu mùa xuân (2-1771) và tên người sao chép như trên đã nói.

Cũng trong thế kỷ thứ XVIII, lại thấy xuất hiện sách *Nam quốc vũ công* (A.830). Sách này do Ngô thời-Sĩ, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn-tông-Quãi, biên soạn và chú giải thêm, dựa trên sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi mà Nguyễn-thiên-Túng đã làm tập chú, Nguyễn-thiên-Tích làm căn án, Lý-tử-Tấn làm thông luận, liên hệ với thời gian sau Nguyễn Trãi. Lại cũng sách này, vào khoảng thời Minh-mạng — Tự-đức (thế kỷ XIX), một tác giả vô danh lại dựa trên sách của Ngô-thời-Sĩ... liên hệ với thời gian sau triều Lê đầu triều Nguyễn, làm thành sách *Lê triều công pháp* (A.53) (Xem : 21,6).

Dưới triều Tây-son, quá ngắn ngủi, khoảng năm Mậu-ngọ—Canh-dần (1798-1800) có các sách: *Cảnh-thịnh tân đồ* (phụ Đại-man quốc), *Cao-bằng phủ toàn đồ*, *Mục-mã trấn doanh đồ*. Các

sách này cùng với một số tên khác đều chép lẫn trong sách *Hồng-đức bản đồ* (A.2499). Việc biên chép không thật gọn này đã gây ra nhiều khó khăn. Các nhà khảo cứu không tinh, không chú tìm hiểu nguyên nhân và phân tích chính ngay nghĩa tên sách, dùng sách đã sai, lại đặt vấn đề bài bác lẫn nhau và coi sách *Hồng-đức bản đồ* (A.2499) là một nguy thư.

Sang đến triều Nguyễn, ngay mấy năm đầu Gia-long đã sai Lê-quang-Định làm một bộ *Nhất thống dư địa chí* nhằm mục đích giao thông dễ dàng từ Bắc vào Nam. Sách *Đại Nam thực lục* (Chính biên đệ nhất kỷ, quyển 30), năm Gia-long thứ 5, tháng 11 (11-1806) có chép rõ : « *Nhất thống dư địa chí* thành. Tiên thị để mệnh Binh bộ thượng thư Lê-quang-Định nghiên khảo thông quốc đồ tịch tự kinh sư dĩ nam chí Hà-tiên, dĩ bắc chí Lạng-son chư thành, doanh, trấn, đạo (Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Trấn-biên trấn, Định-vĩnh trấn, Hà-tiên, Quảng-trị, Quảng-bình, Nghệ-an, Thanh-hóa, Thanh-bình, Bắc-thành, Sơn-nam thượng, hạ, Sơn-tây, Kinh-bắc, Hải-dương, Yên-quảng, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-son, Cao-bằng). Phàm sơn xuyên chi hiểm đì, lộ số chi viên cận, cương vực chi giới hạn, hà hải chi nguyên ủy, dĩ chi kiều lương, thị điểm, phong tục, thổ sản, nhất nhất đẳng tãi, ly vi thập quyển. Thư thành Quang Định phụng biểu dĩ tiến... ».

Dịch : Sách *Nhất thống dư địa chí* làm xong. Trước kia, vua sai thượng thư bộ Binh là Lê-quang-Định kê cứu các sách vở giấy tờ nói về cả nước, tất cả các thành, doanh, trấn, đạo từ kinh sư vào Nam đến Hà-tiên, ra Bắc đến Lạng-son (Quảng-đức, Quảng-nam... Sơn-nam thượng, Sơn-nam hạ... Cao-bằng), phàm sông núi hiểm hay không, đường đi xa hay gần, giới hạn, bờ cõi thế nào, sông biển nguồn lạch ra sao, cho đến cầu cống, chợ quán, phong tục, thổ sản, hết thảy ghi chép lấy, soạn làm mười quyển. Sách làm xong, Quang-Định dâng tờ biểu cùng với sách ». (Bản dịch tập III, trg. 313). Sách này có 2 phần : a — Phần thứ nhất (q. 1 — 4) nói về các đường giao thông ; b — Phần thứ hai (q. 5 — 10) ghi chép về từng địa phương gọi là thực lục (A 67 và xem : 21,10).

Kể đến thời Minh-mạng (1820 — 1840), theo sách *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập (q.18), truyện Phan-huy-Chú, có ghi rõ, ông làm sách *Hoàng Việt địa dư chí*. Sách này gồm 2 quyển, chép riêng từng tỉnh, có ghi tên các phủ, huyện, các truyền thuyết, cổ tích, v.v... đã được xuất bản nhiều lần : lần thứ nhất, năm Minh-mạng thứ 14 (1833) do Hội-văn đường

lãng bản; lần thứ hai, năm Thành-thái thứ 9 (1898), do Tự-văn đường san khắc; lần thứ ba, năm Duy-tân năm đầu (1907) do Quan-văn đường và một lần nữa ở Gia-định do Duy-minh thị, không rõ năm nào v.v... (xem 21,11). Thực ra, sách *Hoàng Việt địa dư chi này* mà thông thường gọi là địa dư chi đời Minh-mạng, chỉ là một bản tóm gọn phần *Địa dư chí*, của Phan-huy-Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, gồm có 2 phần: a — Phần thứ nhất: *Lịch đại cương vực chi thú* nói về lịch sử và diên cách từng nơi; b — Phần thứ hai: *Chư đạo phong thổ chi biệt*, nói về từng địa phương theo thứ tự sau này: Thanh-hoa, Nghệ-an, Sơn-nam, Kinh-bắc, Sơn-tây, Hải-dương, Yên-quảng, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-son, Thuận-hóa, Quảng-nam, Phú-yên, Bình-khang, Diên-khánh, Bình-thuận, Hà-tiên, Gia-định, Định-viên.

Năm Thiệu-trị năm đầu (1841), triều đình sai soạn sách *Đại Nam thống chí* (A.70), nhưng sách này quá sơ lược, chỉ để dùng thường cho gọn.

Sang đời Tự-đức, ngay từ năm thứ hai (1849), triều đình đã theo kiến nghị của Bùi Quĩ sai biên soạn một bộ sách *Đại Nam nhất thống chí*, nhưng đến năm thứ 14 (1861) chỉ mới xong một bộ sách dư địa chi nhan đề *Đại Nam nhất thống dư đồ*, cũng chỉ gọn lược cho tiện tra cứu. Mãi năm thứ 18 (1865) mới hạ sắc cho Sử quán soạn sách *Đại Nam nhất thống chí* theo khuôn khổ sách *Nhất thống chí* nhà Thanh. Sách này làm xong năm Tự-đức thứ 35 (1882), dâng bản thảo lên vua coi và xin đem khắc in. Sách nhất thống chí này làm đủ các mục theo đề cương sách nhà Thanh, đủ các tỉnh từ Lạng-son đến Hà-tiên, mỗi tỉnh gồm một hay hai quyển. Toàn bộ sách thật là đầy đủ, nhưng lúc đó chỉ mới chép được các sự việc thơ văn v.v... đến hết năm Tự-đức thứ 18 (1865), nên Tự-đức sai sửa lại và làm thêm tập *Bổ biên*, chép đến hết năm 34 (1881) để in một thể. Không may, tập *Bổ biên* tuy đã làm xong, chưa kịp tiến trình thì gặp việc lộn xộn năm Hàm-nghi năm đầu (1885), bản thảo bị lạc mất. Dù sao, ta có thể nói: bộ *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự-đức là bộ địa lý Việt-nam đầy đủ nhất nhưng lại bị tàn khuyết.

Kể đó, năm Đồng-khánh thứ hai (1886) Hoàng-hữu-Xứng vâng chỉ làm xong sách *Đại Nam quốc cương giới vừng biển*, 7 quyển. Trong bản sách chép (A.748) có tờ đầu của tác giả đề ngày mồng 9 tháng 4 năm Đồng-khánh thứ 2 (12-5-1886). Sách *Đại Nam thực lục*, chính biên đệ lục kỷ, quyển 6, năm Đồng-khánh thứ hai, tháng 4 cũng có chép: «Cương giới vừng biển thư thành. (Phạm thất quyền, tịnh đồ nhất

bức (chuẩn đồng lý Hoàng-hữu-Xứng thực thụ Lại bộ thị lang hàm... tầm chuẩn Hữu-Xứng sung Quốc sử quán toàn tu». — Dịch: «Sách *Cương giới vừng biển* làm xong (gồm 7 quyển và một bức địa đồ) cho đồng lý là Hoàng-hữu-Xứng được thực thụ hàm thị lang bộ Lại... rồi lại cho Hữu-Xứng sung chức toàn tu ở Quốc sử quán».

Sau đó, triều đình giao cho Sử quán biên soạn sách *Đồng-khánh địa dư chí*. Vì sách này có dâng lên vua coi, cho nên có nhiều tên: *Đồng-khánh ngự lãm dư địa chi lược* và *Đồng-khánh địa dư chí lược*. Sách này hiện còn, có 27 cuốn, khổ to, trong mỗi cuốn có nhiều bản địa đồ từng tỉnh, từng phủ, huyện, tất cả gồm 314 bức. Mỗi tỉnh có các mục: Phong tục, vật sản, khí hậu, sơn-thủy, danh thắng, lộ trình, thành trì, đồn lũy, từ miếu, binh số, đình số, điền thổ và tên các phủ, huyện, tổng, xã, thôn. Nhưng toàn bộ chỉ có các tỉnh trong phạm vi Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Còn Nam-kỳ, lúc đó coi như đã mất. Các tỉnh: Thanh-hóa, Khánh-hòa, Hải-dương, Nghệ-an, Sơn-tây, Quảng-nam, Quảng-trị, Cao-bằng, Hưng-hóa, Nam-định, Hà-nội, Quảng-yên, Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-yên, Bắc-ninh, Lạng-son, Bình-định, Ninh-bình, Quảng-bình, Hà-tĩnh, Bình-thuận, Phú-yên, Quảng-ngãi, Thừa-thiên (phủ).

Năm Duy-tân thứ ba (1909) Sử-quán Huế soạn lại bộ *Đại Nam nhất thống chí* và đem khắc in, lại chỉ thu hẹp biên soạn có các tỉnh Trung-kỳ như đã nói trên, chắc lúc đó, triều đình Huế coi Nam-kỳ như đã mất, còn Bắc-kỳ là xứ bảo hộ nhà nước cũng không còn có quyền hành gì nữa, nên bỏ cả đi.

Tóm lại, các sách địa dư chi do triều đình Huế soạn từ đời Tự-đức về sau, thì sách *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự-đức là một bộ địa lý Việt-nam hoàn toàn có đủ Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ v.v..., từ Lạng-son đến Hà-tiên xưa. Thứ đến sách *Đồng-khánh địa dư chí lược* chỉ hạn chế có hai xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Còn sách *Đại Nam nhất thống chí* in năm Duy-tân, lại thu hẹp trong phạm vi một xứ Trung-kỳ.

* *

Trên đây là các sách địa dư chí hoặc do Sử quán soạn, hoặc do triều đình hạ chỉ biên soạn. Ngoài ra còn có các sách do tư nhân soạn, hoặc là địa dư chí toàn quốc, hoặc là địa dư chí từng địa phương.

Về các sách địa lý nói chung trước hết là sách làm dưới triều Lê, cần kể đến các thiên *Phong vực* trong *Kiến văn tiểu lục* (xem: 93, 2) và thiên *Khu vũ* trong *Văn đài loại ngữ* (xem

93,1) của Lê-quý-Đôn. Sau đó có sách *Kiên khôn nhất lãm* (A.414) của Võ danh thị làm năm Cảnh-hưng qui-mão (1783), trong bản chép còn có tự tích của Phạm-đình-Hồ ký tên Đông dã tiều. Sang triều Nguyễn, ta không thể quên được các thiên: *Lục-hải, địa danh điển cách* trong *Vũ trung tùy bút* của Phạm-đình-Hồ (xem: 91,2); thiên *Dư địa chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan-huy-Chú (xem: 91,7) thiên *Phong vực đệ nhất, Cổ tích đệ ngũ* trong *Thoại thực ký văn* của Trương-quốc-Dụng. Thứ đến các sách làm riêng hẳn về địa lý: *Việt dư thặng chí toàn biên*, của Lý-trần-Tấn (A.864). Sách *Trình lục yếu lược ký* (A.2717) làm vào hồi năm Gia-long thứ năm (1806), không rõ của ai: chép gần giống như loại *Nhất thống dư địa chí* của Lê-quang-Định, nhưng sơ lược hơn. Sách *Các trấn, tổng, xã danh bị lãm* (A.570) chỉ là một bản thống kê các tên địa lý thời đầu thế kỷ XIX, trong sách có ghi sách làm năm Gia-long thứ 6 (1807), nhưng trong nội dung, ta thấy một số tên mới xuất hiện thời Minh-mạng (sau năm 1810). Cũng trong thời gian ấy, năm canh-ngọ, Gia-long thứ 9 (1810), Đàm nghĩa-Am người Kinh-bắc soạn sách *Thiên tải nhân đàm* cuối sách có thấy đề niên hiệu: Gia-long thứ 16 (1817). Vậy, có lẽ tác giả làm sách này từ năm 1810 đến 1817 mới xong. Hiện nay, về sách này, ta có nhiều bản, ký hiệu khác nhau (A.584; A.2006, A.2716), nhưng nội dung thì đại đồng tiều dị có lẽ là bản nọ chép lại của bản kia (xem: 21,9).

Dưới triều Tự-đức (1818 — 1883), Phan-đình-Phùng có soạn bộ *Việt sử địa dư*; tác giả lược biên các tên địa lý trong *Việt sử thông giám cương mục* cho tiện việc tra cứu. Nguyễn-văn-Siêu có làm bộ *Phương đĩnh địa dư chí* (A. 72) tức là sách *Đại Việt địa dư toàn biên*, Trong quyển 3, có bài dẫn đề rõ làm năm 1862: (năm Tự-đức thứ 15, tháng giữa thu (tháng 9), cư sĩ ở Thọ-xương hiệu Phương-đình làm bài dẫn; nhưng mãi đến năm Thành-thái thứ 12 (1900) mới đem khắc in.

Năm Thành-thái thứ 19 (1907) Nguyễn-tụy-Trần đã dày công khảo cứu, biên soạn sách *Đại Việt cổ kim điển cách địa chí khảo* (A.77). Cách sau đó vài năm, năm Duy-tân thứ 2 (1908), Lương-trúc-Đàm khắc in sách *Nam quốc địa dư* (còn gọi tên là *Tân định Nam quốc địa dư giáo khoa thư*) có kèm theo bức địa đồ treo vách, sách gồm 2 quyển, đóng thành một cuốn (A.75 và xem: 64,18) v.v...

Bên cạnh các sách nói chung về toàn quốc, ta có các sách địa phương chỉ rất có giá trị. Trước hết phải kể sách *Ở châu cận lục* của Dương-văn-An, soạn vào khoảng năm Cảnh-lich ất-mão (1555) đời Mạc Phúc-Nguyên nói về địa lý hai trấn Thuận-hóa và Quảng-nam (xem: 23,1). Sau đó, cũng nói về hai trấn Thuận-Quảng, ta có một bộ sách qui giá hơn, làm vào khoảng năm 1775 — 1777, của Lê-quí-Đôn, tức là bộ *Phủ-biên tạp lục* (xem: 23,3). Cũng trong khoảng thời gian ấy, năm 1778, Hoàng-bình-Chinh biên soạn sách *Hưng-hóa xir phong thổ lục* (A.974 và xem: 23,6).

Sang triều Nguyễn, về sách địa phương chi, ta phải nêu lên trước tiên hai bộ sách lớn nhất: 1 — *Bắc-thành địa dư chí* (A.1565) làm vào thời Gia-long (1802 — 1819) do sáng kiến của Lê Chất, đến năm Thiệu-trị thứ 5 (1845) Nguyễn-văn-Lý sửa chữa lại và làm bài tựa, có đề rõ: « Năm ất-tị, niên hiệu Thiệu-trị thứ năm (1845), tháng 2 hồi đầu tháng, người Hà-nội, hiệu Vĩnh-xương, Nguyễn Đông-kê (tức là tên hiệu của Nguyễn văn-Lý) kính cần đề tự». Sách này nói riêng về các trấn ở Bắc-thành từ Sơn-nam đến Lạng-sơn (xem: 23,12). 2 — *Gia-định thành thông chí* của Trịnh-hoài-Đức làm dưới triều Minh-mạng (1820 — 1840) nói riêng về các tỉnh ở Nam-kỳ, sách đã in, nhưng Thư viện ta chỉ có hai bản sao lại (A.1561 và A.94) đều là sách tàn khuyết, trong đó có các mục: Tỉnh dã, Sơn xuyên, Cương vực, Phong tục, Sản vật, Thành trì v.v...

Sau đó, ta còn có một số sách địa dư chi về các địa phương nhỏ, tỉnh, phủ, huyện, xã, khá quan trọng và khá phong phú, không thể kể hết được, thi dụ một số sau đây: *Hải-dương địa dư* (A.568); *Hải đông chí lược* của Ngô-thời-Nhiệm (xem: 23, 4); *Bắc-ninh lĩnh chí* (xem: (A.569); *Hưng-yên nhất thống chí* (A.963); *Hưng-hóa chí lược* (A.1429); *Sơn-tây lĩnh chí* (A.2503); *Nam-định lĩnh địa dư chí* (A.609); *Hoan châu phong thổ chí* (A.2621; A.592, A.2288; *Nghệ-an ký* (A.607; A.2989); *Thanh-hóa lĩnh chí* (A.3027); *Quảng-nam tỉnh chí lược* (A.268); *Cam-lộ phủ chí* (A.98); *Vĩnh-lộc huyện chí* (A.690; A.2537) *Thiện-đĩnh xã chí* (Hv.k56 và xem: 23,32), v.v...

Viết xong ngày Phật đản năm 1967

Viết về trận cả phá quân Mãn Thanh ngày mồng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu

Chúng ta đã biết nhiều về trận cả phá quân Mãn Thanh do Nguyễn Huệ chỉ huy. Hôm nay chúng tôi trích dịch một đoạn của sách Lê quý kỷ sự (1) viết về chiến thắng lịch sử đó để bạn đọc tham khảo:

... «Tôn Tổng đốc vượt cửa ải (Nam-quan) trước các đạo quân khác, rồi thừa thắng một mình kéo quân tiến đánh (quân Tây-sơn) có ý khinh địch. Sau khi khôi phục được kinh thành nhà Lê (Thăng-long), Tôn cho thế là đã làm tròn việc công, không có ý đánh giặc nữa. Những người Thanh-Nghệ đi ủng nghĩa hàng ngày tới xin Tôn tiến quân đều bị Tôn bỏ qua, không để ý đến. Tự hoàng (Lê Chiêu-thống) ngày đêm cầu xin tha thiết cũng bị Tôn gạt đi. Về sau, khi nhận được thủ chiếu của vua Thanh bảo phải tiến quân khôi phục hết đất đai cho vua Lê mới được kéo quân về, Tôn mới tính đến hành động.

Huệ xuất phát từ Phú-xuân, qua Nghệ-an đến Thanh-hóa, vừa đi vừa lấy thêm quân lính. Quân dưới cờ được hơn tám vạn. Lúc làm lễ tế sư ở Thọ-hạc, Huệ cưỡi voi, ra lệnh: «Bớ chư quân! Phạm ai bằng lòng chiến đấu thì hãy vì ta giết sạch quân giặc. Nếu không, thì cũng nên xem ta giết vài vạn người trong một trận. Đó không phải là chuyện hiếm lạ đâu». Huệ nói dứt, chư quân dạ ran như sấm, rung động cả hang núi, trời đất đổi màu. Rồi chiêng trống đồng thời khua vang. Quân lính gấp đường ra bắc.

Đến Sơn-nam, Huệ viết thư mắng Tôn Tổng đốc là «thằng điên». Tôn Tổng đốc liền sai Hứa đề đốc (Hứa Thế-Hanh) đem quân tử dục đi trước, chia quân đóng đồn ở Thượng-phúc và Thanh-trị để chống đỡ cho Thăng-long, rồi chọn ngày mồng Năm tháng Giêng sẽ lại tiến quân.

Ngày mồng Bốn giặc kéo đến. Hễ giao chiến, giặc đều thua. Bọn Dực-vũ công Lê-duy-Chi, trấn thủ Phan-khai-Đức và Trần-quang-Châu giao chiến với giặc cũng đều chém và bắt được ít nhiều. Tôn Tổng đốc cho rằng đối với giặc không có gì đáng lo ngại.

Ngày mồng Năm, trời còn chưa sáng, Nguyễn Huệ thân chinh đốc chiến, cho hơn một trăm voi dục tiến lên trước, quân tinh nhuệ tiến theo sau, đánh kịch liệt hồi lâu. Quân kỵ bên

Thanh đều cưỡi ngựa. Ngựa trông thấy voi đều hí lên rồi quay đầu chạy. Bộ binh Thanh bị voi giày xéo, liền rút vào đồn, giữ rào lũy rồi bắn súng ra.

Giặc lùa voi, xông pha tên đạn, nhờ rào lũy tiến vào. Hứa đề đốc, Trương tiên phong (Trương Sĩ-Long) và Thượng tá dục (Thượng Duy-Thắng) đều tử trận. Quân Thanh tan vỡ.

Tôn Tổng đốc đem quân ra trận. Tự hoàng, đi tiền. Dọc đường, Tôn được tin bại trận, liền hạ lệnh rút quân qua sông sang bắc. Qua cầu phao, quân Thanh ò a chen chúc nhau làm cầu gãy, chết đến vài trăm người.

Tự hoàng mật sai người đi đón thái hậu và nguyên tử theo quân Thanh chạy sang bắc. Sắc thư, ấn tín và cung quyển đều không kịp đem theo. Các chức sự ở nội điện và trăm quan cũng đều không biết gì cả, đến khi giặc kéo vào thành họ mới chạy tán loạn. Họ tranh nhau đề qua cầu phao thì cầu đã gãy. Trên sông lại không có thuyền. Dọc đường, gặp quân giặc truy kích, nhiều người bị bắt...

Sầm Nghi-Đống tri phủ Điền-châu trước đó đem quân lính đóng đồn ở trường thi võ tại phía tây thành Thăng-long. Bị giặc vây đánh, Sầm cố sức chiến đấu suốt ngày. Khi quân Thanh đã tan vỡ, Tôn Tổng đốc đã chạy về bắc, Sầm cùng đường kiệt sức, quân cứu viện không có, liền thắt cổ bằng chiếc thùng to ở dưới Loa-sơn (Đống-đá). Hơn trăm thân binh của Sầm cũng tự ải chết theo. Số quân (Thanh) còn lại phá vỡ vòng vây, chạy ra bốn phía. Giặc đuổi theo chém và bắt được đến quá nửa».

T.B.

(1) *Lê quý kỷ sự* là sách chữ Hán miêu tả những sự kiện lịch sử vào thời Lê mạt cho đến ngày mồng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789). Đây là một cuốn sách có nhiều tài liệu về phong trào Tây-sơn. Ông Văn-Tân, ông Nguyễn-lương-Bích đều dựa vào *Lê quý kỷ sự* để viết về phong trào Tây-sơn. Tác giả *Lê quý kỷ sự* là người thù địch với nghĩa quân Tây-sơn, nhưng cũng không có cảm tình với Lê Chiêu-thống. Đọc *Lê quý kỷ sự* chúng ta thấy tác giả có ít nhiều cảm tình với họ Trịnh. Phải chăng tác giả là người đã từng làm quan với họ Trịnh?

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG SỬ HỌC

TIN TRONG NƯỚC

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT-NAM CÁC CHI HỘI NGOẠI THÀNH HÀ-NỘI

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Hội Khoa học lịch sử Việt-nam và được sự giúp đỡ trực tiếp của Sở Văn hóa Hà-nội và các cấp bộ Đảng địa phương, tại các huyện ngoại thành Hà-nội các Chi hội Khoa học lịch sử đã lần lượt được thành lập nhằm góp phần làm cho sử học đi sâu vào quảng đại quần chúng nhân dân. Các Chi hội đều tiến hành hoạt động một cách tích cực và đã có những kết quả bước đầu tốt đẹp.

Chi hội huyện Gia-lâm: Là Chi hội thành lập sớm nhất ở ngoại thành Hà-nội, Chi hội Gia-lâm, do đồng chí Bi thư Huyện ủy trực tiếp làm Chi hội trưởng, đã ngay từ đầu rất coi trọng công tác giáo dục truyền thống và sưu tầm tư liệu lịch sử. Nhân các ngày kỷ niệm lớn ở trong nước, Chi hội đều phát động phong trào hưởng ứng dưới những hình thức khá phong phú: Vào dịp kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1966), Chi hội Gia-lâm đã tổ chức một đợt sưu tầm tài liệu về gương liệt sĩ, về các trận chiến đấu lớn trong thời gian kháng chiến chống Pháp ở tất cả các xã trong huyện, và đã tổ chức phát thanh hơn 50 lần trong toàn huyện 35 bài viết về các đề tài trên của các giáo viên cấp II, hội viên của Chi hội, với sự cộng tác chặt chẽ của các Đảng ủy xã địa phương; trong dịp kỷ niệm 27 năm ngày thành lập Đảng (2-3-1967), Chi hội đã sử dụng rộng rãi mạng lưới phát thanh của gần 2/3 số xã trong toàn huyện để giới thiệu lịch sử xây dựng và phát triển của các chi bộ Đảng ở các xã (việc biên soạn lịch sử địa phương hiện đang được xúc tiến ở hầu hết các xã). Ngoài ra, ngày 9-7-1967, Chi hội Gia-lâm đã tổ chức một cuộc gặp gỡ với nhiều vị phụ lão ở 22 làng để thu thập tài liệu về đồn điền Mác-ty, chuẩn bị ra một đặc san về vấn đề này. Gần đây, nhân dịp kỷ niệm 10 năm giải phóng thủ đô (10-10-1967), Chi hội Gia-lâm đã họp hội nghị toàn thể với sự tham dự của gần 50 hội

viên trong Chi Hội để kiểm điểm công tác và thông qua chương trình hoạt động quý IV-1967 gồm nội dung như sau: — đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống và tổ chức triển lãm về thành tích chống Mỹ cứu nước trong đợt kỷ niệm 3 ngày lễ lớn sắp tới (19, 20, 22-12); — đẩy mạnh phong trào viết « Nhật ký chống Mỹ »; — xây dựng phòng truyền thống của huyện và xuất bản 2 đặc san (một về truyền thống chiến đấu và sản xuất của Huyện và một về lịch sử đồn điền Mác-ty).

Chi hội huyện Đông-anh: Ngoài một số đợt tuyên truyền giáo dục về truyền thống lịch sử của địa phương, Chi hội Đông-anh đã hướng hoạt động chủ yếu của mình vào việc thu thập tài liệu để viết về lịch sử địa phương. Đặc biệt, trong thời gian từ 20 đến 28-6-1967, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Bi thư Huyện ủy, 4 giáo viên trong huyện và là hội viên của Chi hội Đông-anh đã tập trung hoàn thành việc sơ thảo cuốn lược sử của huyện nhằm, sau khi được Huyện ủy thông qua, làm cơ sở bước đầu cho việc phục vụ công tác giáo dục truyền thống trong huyện.

Chi hội huyện Từ-liêm: Nhằm tiến tới việc thành lập Chi hội, cấp bộ Đảng và các cơ quan tuyên giáo địa phương đã xúc tiến một cách khẩn trương quá trình chuẩn bị. Ngày 5-2-1967, Huyện ủy Từ-liêm đã triệu tập một cuộc hội nghị liên tịch các cơ quan ngành tuyên giáo trong huyện để trao đổi ý kiến về mục đích, ý nghĩa của việc thành lập Chi hội và thông qua chương trình hoạt động của Ban vận động. Sau đó, cũng với yêu cầu và mục đích trên, một cuộc họp gồm đồng đảo các giáo viên khoa học xã hội và đại biểu tuyên giáo các xã cũng đã được tiến hành. Trong dịp kỷ niệm trận chiến thắng Cầu-giấy, Ban vận động thành lập Chi hội Khoa học lịch sử Từ-liêm đã tổ chức một cuộc nói chuyện về sự kiện lịch sử trên, đồng thời

kêu gọi tiếp tục việc sưu tầm tài liệu về vấn đề đó. Ngày 19-10, Ban vận động đã tổ chức Đại hội thành lập Chi hội khoa học lịch sử Từ-liêm với sự tham dự của các đồng chí đại diện Trung ương Hội, Sở Văn hóa Hà-nội và đồng đảo đại biểu các cấp bộ Đảng và chính quyền huyện, xã. Đại hội đã bầu ra một Ban chấp hành 12 người, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện kiêm Phó bí thư Huyện ủy làm Chi hội trưởng và thông qua chương trình hoạt động của Chi hội gồm có: chương trình công tác cụ thể trong quý IV-1967 (giới thiệu gương chiến đấu chống Pháp trước đây và chống Mỹ ngày nay và sưu tầm một số hiện vật về thành tích chống Mỹ và tội ác của đế quốc Mỹ để tổ chức triển lãm trong dịp kỷ niệm 3 ngày lễ lớn 19, 20 và 22-12 sắp tới; xây dựng một bia chiến thắng hoặc cắm thù địch hình của huyện; tiến hành ghi nhật ký chống Mỹ của huyện); phương hướng trước mắt (hoàn thành việc biên soạn lịch sử các xã và các ngành chung quanh Huyện; tiến hành thường xuyên việc ghi nhật ký chống Mỹ của các xã và các ngành; tiến hành xây dựng Nhà truyền thống ở các xã), và phương hướng lâu dài (hoàn thành cuốn lược sử huyện Từ-liêm

để góp phần vào việc bổ sung cuốn Lịch sử Thủ đô; xây dựng Nhà bảo tàng Từ-liêm để góp phần xây dựng Nhà bảo tàng Thăng-long của toàn thủ đô).

Chi hội huyện Thanh-tri: Thực hiện chỉ thị của Huyện ủy ngay từ đầu năm nay, Phòng giáo dục huyện Thanh-tri đã vạch một kế hoạch cụ thể cho việc thành lập và hoạt động của Chi hội Khoa học lịch sử địa phương: chuẩn bị danh sách các cán bộ có nhiệt tình và khả năng để tham gia ban chấp hành Chi hội; xúc tiến việc sưu tầm toàn bộ các tài liệu có liên quan đến lịch sử của huyện nhà v.v... Ngày 6-8-1967, thay mặt ban vận động thành lập chi hội, Huyện ủy Thanh-tri đã tổ chức một cuộc gặp gỡ với các cán bộ đã tham gia hoạt động trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến chống Pháp để thu thập thêm tài liệu về hoạt động của Đảng bộ Thanh-tri nhằm chuẩn bị cơ sở cho việc biên soạn cuốn sử địa phương — một trong những công tác chính sau này của Chi hội khoa học lịch sử Thanh-tri sẽ được thành lập trong những ngày gần đây.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Số 105 tháng 12-1967

Gồm những bài:

— Phan-bội-Châu, tiêu biểu cho những cuộc vận động yêu nước ở Việt-nam đầu thế kỷ XX.

TRẦN-HUY-LIỆU

— Chính sách bình định của Mỹ, nguy trong thời kỳ chiến tranh cục bộ đang diễn. Sự thất bại của nó.

TRẦN-VĂN-GIÀU

— Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu-nhân-Chú.

ĐẶNG-NGHIÊM-VẠN

— Nền văn hóa khảo cổ học duy nhất trong thời đại đồng thau Việt-nam và vấn đề nước Văn-lang của Hùng vương.

TRƯƠNG-HOÀNG-CHÂU

Và một số bài mục khác

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí N.C.L.S. số 103 tháng 10-1967

- Bài « Chút ít tài liệu về Trần-nguyên-Hãn, tr. 61, cột 2, dòng 8: *nhà sông xin chữa lại nuốt sông.*
- Bài « Một số tài liệu về Nguyễn-phúc-Ánh, tr. 61, cột 2, dòng 14 (dưới lên): *Nguyễn Trãi xin chữa lại Nguyễn Trữ.*
- Bài « Tìm lại thấy bài thơ của vua Lê Thái-tổ... », tr. 56, cột 2, dòng 15 (dưới lên): *trăm bảy mươi thác xin chữa lại trăm bảy mươi thác; tr. 59, cột 1, dòng 9 và 10: Lê Thành-tông xin chữa lại Lê Thái-tông.*

SOMMAIRE

TRẦN-HUY-LIỆU — Phan-bội-Châu et l'histoire.	2
CHƯƠNG-THÁU — Bilan des études sur Phan-bội-Châu.	6
LÊ-SỸ-THĂNG — Remarques sur la pensée philosophique de Phan-bội-Châu.	17
ĐẶNG-HUY-VĂN — Phan-bội-Châu et le travail auprès des catholiques vietnamiens au début du XX ^e s.	32
NGUYỄN-THỊ TUYẾT-MAI — Phan-bội-Châu dans l'histoire de la révolution vietnamienne.	41
QUỲNH-CU — Sur la signification internationale de la lutte menée par le peuple sud-vietnamien contre les impérialistes américains.	45
TRẦN-VĂN-GIÁP — Notes sur l'histoire du développement des études géographiques au Vietnam et sur la littérature géographique écrite en caractères chinois et en « chữ nôm ».	58
T. B. — La victoire sur les Tsin en 1789 d'après l'ouvrage « Lê quý ký sự » (Relations sur la fin des Lê).	62
INFORMATIONS	63

ĐANG IN:

★ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT-NAM

Viện Sử học

★ MẤY VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC

Viện Sử học

★ NÓI VÀ VIẾT ĐÚNG TIẾNG VIỆT

*Nguyễn Kim Thân, Hồ Lê
Lê Xuân Thai, Hồng Dân*

★ NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ HỌC

(Tập I: Về vấn đề giữ gìn sự trong sáng
của tiếng Việt)

*Tổ Ngôn ngữ học
thuộc Ủy ban khoa học xã hội V.N.*

★ LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG KINH TẾ

Phần thứ hai — Tập 2

*F. I. Pôlianxki chủ biên
Trần Việt Tư dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

In tại Liên xưởng in Minh-Sang, 101A Nguyễn Khuyến, Hà-nội — Số in 74B